

NGƯỜI HOẠ SĨ MỘT ĐỜI VẼ BÁC HỒ

VĂN CÔNG HÙNG

Cho đến bây giờ, khi đã về cõi Giàng được mấy năm rồi thì ông vẫn được coi là cánh chim đầu đàn của nền Mỹ thuật Tây Nguyên. Điều đặc biệt là, gần như bức tranh nào của ông cũng đều có bóng dáng Bác Hồ, có thể là trực tiếp hay gián tiếp. Hình tượng Bác Hồ trong tranh ông vô cùng tự nhiên, như nó phải thế, như là Bác luôn thường trực trong tâm tưởng ông, trong cảm xúc của ông và trong đời sống thường nhật của người Tây Nguyên, dù Bác chưa một lần đặt chân đến nơi này. Bút tích duy nhất của Bác là bức thư gửi Đại hội đoàn kết các dân tộc Tây Nguyên được khắc bằng đá cẩm thạch đặt trong khuôn viên Tỉnh ủy Gia Lai hiện nay.

Hoạ sĩ Xu Man tên thật là Siu Yong, hội viên Hội Mỹ Thuật Việt Nam (ông tham gia đến hai khoá Ban chấp hành Hội Mỹ thuật Việt Nam), sinh năm 1925 tại Plei Bông, huyện Mang Yang, Gia Lai. Đây là một ngôi làng Tây Nguyên điển hình rất đẹp với những cây đa cổ thụ, những giọt nước (bến nước), nhà sàn chênh vênh nghiêng trong gió, những cô gái áo thổ cẩm da nâu, mắt nâu, vai trần tròn lẳn, những đàn bò đủng đỉnh gặm cỏ trong rười rượi nắng chiều, khói lam lừng lò diu dịu mắt sơn nữ, và nhà rông vút cao khát vọng... Từ rất trẻ ông đã rời làng tham gia hoạt động cách mạng. Đến năm 1954 được ra miền Bắc học tại Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội. Tốt nghiệp chương trình Cao đẳng khi đất nước vẫn còn bị chia cắt hai miền, quê hương vẫn còn sống dưới gót giày ngoại xâm, ông lại xung



Bác Hồ với Tây Nguyên - *Tranh sơn dầu của họa sĩ Xu Man*

phong trở về miền Nam, về quê hương hoạt động, vừa trực tiếp cầm súng chiến đấu như một người lính thực thụ, vừa vẽ cả tranh nghệ thuật lẫn tranh tuyên truyền cổ động với tư cách nghệ sĩ vẽ đề phục vụ cán bộ, nhân dân, bộ đội. Sau ngày giải phóng miền Nam năm 1975, ông lại ra miền Bắc học tiếp, hoàn thành chương trình Đại học Mỹ thuật hệ chính quy. Sau đó về công tác tại Ty Văn hoá Thông tin Gia Lai Kon Tum...

Có lẽ phải nói trước điều này, ấy là Xu Man rất giỏi vẽ phong cảnh, giỏi sử dụng màu nguyên, giỏi trang trí... nhưng ông lại yếu về chân dung, về khắc hoạ nhân vật. Ông rất giỏi vẽ những đám đông người Bohnar trong tranh, không thể lẫn, nhìn vào là thấy ngay chất Bohnar. Điều ấy làm nên cá tính của tranh ông. Song khi cần ký hoạ một nhân vật cụ thể thì ông lại lúng túng, bởi ông ít chú ý tới môn giải phẫu học, nhân chủng học... Thế mà, Bác Hồ được ông miêu tả trong không dưới 100 tác phẩm, từ những bức khổ lớn hoành tráng như "*Bác Hồ với nhân dân Tây Nguyên*", "*Nhân dân Tây Nguyên với Bác Hồ*", "*Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng*", "*Đón Bác về Tây Nguyên*", "*Mừng chiến thắng*"... với hình tượng Bác Hồ là trung tâm, đến những bức nhỏ miêu tả cảnh sinh hoạt như "*Đi học*", "*Đi nhà trẻ*", "*Lễ đâm trâu quê tôi*", "*Máy bay về Pleiku*"... đều có hình ảnh Bác Hồ được miêu tả gián tiếp, thông qua những bức ảnh Bác treo ở những nơi trang trọng. Ông tâm sự rằng, với các họa sĩ khác, vẽ Bác Hồ khó một thì với ông lại khó mười vì ông rất yếu trong việc cân đong tỉ lệ hình thể. Thế nhưng khi vẽ bất cứ một bức tranh nào thì có ngay hai hình ảnh lập tức hiện ra trong óc ông, như một sự lay động của tiềm thức, như thường trực trong tâm khảm, ấy là nhân dân quê ông và Bác Hồ. Người ta thường nói, ông nhắm mắt vẽ cũng ra người Bohnar. Cùng như tôi đã chứng kiến họa sĩ thương binh hồng mắt Lê Duy Ứng vẽ theo bản năng ngay trước đám đông một chân dung Bác Hồ rất đẹp. Nhưng ông vẽ Bác Hồ là một cuộc vật lộn. Thú thực là, nếu cân đo đong đếm, thì Bác Hồ trong tranh ông hoàn

toàn chưa được chuẩn. Mặt không giống lắm, tỉ lệ tay chân chưa chính xác... Nhưng bù lại, một cảm xúc chân thành và kính cẩn hiện lên trong tác phẩm khiến người ta bỏ qua tất cả để thấy một Bác Hồ đang sống động hiện hữu trong tranh ông - một Bác Hồ gần gũi thân thương giữa cộng đồng nhân dân Tây Nguyên. Tôi đã có lần hỏi ông rằng ông có biết là Bác Hồ trong tranh ông không giống không? Ông đã trả lời rằng: biết, nhưng đó là Bác Hồ của Xu Man. Ông thấy và cảm nhận Bác Hồ như thế thì ông vẽ như thế. Và ai cũng nhận ra đây là Bác Hồ. Thì chắc là lý luận nghệ thuật cũng dạy đến thế là cùng. Té ra là ông có một cách riêng để thể hiện Bác, để nói được tấm lòng ông, tấm lòng nhân dân Tây Nguyên đối với Bác. Bác Hồ trong tranh ông, trong cảm nhận của ông không khác gì một người Bohner nhân từ, hiền hậu. Hồi ông đã khá yếu, tay chân đã rất run, mà trong những bức tranh cuối đời ấy, vẫn tràn trề tình yêu đối với Bác thông qua hình tượng Bác trong tranh...

Tôi vào Tây Nguyên đầu những năm 80 của thế kỷ trước, và việc đầu tiên là... đi tìm cây kơ nia. Người đầu tiên chỉ cho tôi thấy cây kơ nia là ông họa sĩ Xu Man. Hôm ấy hai chú cháu tôi đạp xe về làng ông, gần năm chục cây số dưới cái nắng gay gắt. Ông bảo ráng đi, đến gốc cây kơ nia ngồi nghỉ. Từ xa thấy một cái cây đơn độc cao vút lên, có tán hình trứng. Kơ nia đấy. Ông Xu Man bảo tôi rồi rút từ cái túi vải treo lưng lẳng trên ghi đông xe đạp ra một chai rượu. Chúng tôi uống rượu dưới gốc cây kơ nia lồng lộng gió một cách vô cùng hào hứng, ít nhất là tôi, thấy mình "hoành tráng" hẳn lên. Đạp hạt kơ nia làm mồi, tôi mới phát hiện rằng trên cồi đời này lại có một thứ hạt làm mồi dẫn rượu thú vị và ngon đến thế. Tự nhiên mọi nỗi mệt mỏi tan biến đâu mất, tôi cảm thấy như vừa được tiếp thêm một nguồn năng lượng từ một cồi vô biên nào đó, vừa rõ rệt, vừa mù mờ. Tối ấy, dưới lập lòe lửa xà nu, tôi hí húi ghi đến mấy trang về cảm xúc của mình khi lần đầu tiên nhìn thấy cây kơ nia, và lại còn được uống rượu dưới gốc nó,

với một người, cũng xứng đáng là... kơ nia, thậm chí là kơ nia cổ thụ, là họa sĩ Xu Man. Ông Xu Man bảo: cây kơ nia không mọc lung tung bao giờ, không mọc lẫn trong các loại cây khác. Nó mọc rất đều ở các khoảng đất trống, ở giữa đồng, khoảng cách là... để cho người đi bộ mệt thì lại có một cây. Ta đang ngồi ở gốc cây này, nếu đi bộ, bao giờ thấy mệt quá, nóng quá, thì lại sẽ có một cây kơ nia nữa hiện ra cho ta bóng mát ngồi nghỉ. Ấy là ông họa sĩ lão thành người Bohnar nói, tôi chưa kiểm chứng, nhưng có lẽ là... đúng. Mà nếu đúng thì nó không chỉ là một loại cây bình thường, nó chính là đặc ân của trời thả xuống ban cho con người, giúp con người vượt qua khổ cực trong hành trình ngàn vạn năm đi về phía sáng, vất vả khổ đau đi tìm khát vọng hạnh phúc. Nhưng té ra cái chuyện cứ bao giờ mệt hoặc đói thì có một cây kơ nia hiện ra là có nguyên do của nó. Ấy là hạt của cây kơ nia ăn được, người ta có thể ăn thấy cơm, không chỉ người Tây Nguyên, mà rất nhiều cán bộ người Kinh, ở thời điểm đói nhất trong chiến tranh và ở thời bao cấp, đã sống nhờ hạt kơ nia. Người dân bỏ hạt kơ nia trong gùi, xuất phát từ nhà hoặc rẫy, nơi đều có các cây kơ nia và đi, bao giờ đói thì ngồi lại đập hạt kơ nia ăn. Những hạt rơi vãi hoặc khi đập bị văng ra mọc thành cây. Cứ thế, nó trở thành khoảng cách chuẩn của cái đói và cơn mệt để chờ che cho con người...

Tên thật của ông là Siu Yong, lúc trở về Nam chiến đấu, tổ chức yêu cầu lấy bí danh, ông bèn lấy là Xu Man, và nó trở thành bút danh cho đến bây giờ. Có lần chúng tôi đã hỏi ông rằng tại sao ông lại lấy là Xu Man, nó có ý nghĩa gì với ông, sao lại giống với tên nhạc sĩ Schumann thế? Ông giải thích rằng: Xu Man tiếng Bohnar là Họa sĩ của cách mạng. Vô cùng đơn giản nhưng cũng vô cùng quyết liệt và chung thủy. Có lẽ vì thế chẳng mà tranh của ông luôn luôn có hình ảnh Bác Hồ, bao dung và nhân ái, Bác hoà lẫn vào với đồng bào Tây Nguyên. Hai đối tượng thẩm mỹ là người Bohnar quê ông và Bác Hồ

đã ngấm vào máu ông, đến nỗi có cảm tưởng ông nhắm mắt lại cũng vẽ được.

Lại chợt nhớ một câu thơ Tố Hữu: *Người là cha là bác là anh/ Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ*. Mỗi người, từ góc nhìn của mình, từ niềm yêu kính của mình, thấy Bác ở một phương vị gần gũi nhất, thân thương nhất. Và, vị Cha già dân tộc ấy mãi hiển hiện trong chúng ta, qua lăng kính người nghệ sĩ. Và như thế, Bác trong tranh Xu Man như là một cách để người họa sĩ tài hoa này thể hiện tình yêu của mình đối với Người.

ĐƯỢC VẼ VÀ NẶN TƯỢNG BÁC

TRẦN VĂN CÂN

Từ cách mạng đến nay, tôi may mắn được gặp Bác nhiều lần; lần nào cũng để lại trong tôi nhiều kỷ niệm sâu sắc. Vào những ngày đau thương chung của dân tộc ta hôm nay, làm sao trong phút chốc tôi có thể nhớ hết, nói hết tất cả những gì tôi đã được thấy, được nghe về Bác kính yêu.

Tôi xin kể lại một vài mẩu chuyện nhỏ:

Năm 1958, chúng tôi xin được gặp Bác để vẽ và nặn tượng Bác. Mãi chúng tôi mới được tin lên chỗ Bác ở. Hôm ấy quả là một ngày vui đáng ghi nhớ.

Cùng đi với chúng tôi có anh Diệp Minh Châu, anh Trần Văn Lắm và một nhà điêu khắc người Đức. Từ một đất nước xa xôi sang, anh bạn đồng nghiệp của chúng tôi chỉ mong mỗi được gặp và trực tiếp nặn tượng Bác.

Được toại nguyện, anh bạn người Đức và cả chúng tôi xiết bao mừng rỡ.

Có điều hôm đầu, Bác ngồi thấp mà anh bạn của chúng ta vừa cao lớn lại vừa đứng nặn theo tư thế và công việc của một nhà điêu khắc. Vì vậy, anh bạn luôn phải khom người.

Sau buổi hôm đó, chúng tôi nghĩ ra một cách để giải quyết "cái khó khăn nghề nghiệp" của anh bạn. Chúng tôi mang bọc gỗ và đặt bàn làm việc của Bác lên đấy. Ngắm nghía thấy vừa tầm nặn, chúng tôi thích thú lắm, nhất là anh bạn người Đức.

Sáng hôm sau, chúng tôi đến thực sớm nhưng khi bước vào, chúng tôi thấy Bác đã ở đấy rồi. Một chân Bác đứng dưới đất, còn chân kia đặt lên bọc. Vừa trông thấy chúng tôi Bác đã vui vẻ hỏi:

- Các chú có biết ngày xưa người ta xưng với vua như thế nào không?

Bị hỏi bất ngờ, chúng tôi bỗng nhiên lúng túng nhìn nhau, nhưng rồi cũng mạnh dạn trả lời:

- Thưa Bác, người ta xưng là "tâu bệ hạ" ạ!

Bác bèn trở vào cái bọc, chiêm biếm:

- Thế các chú muốn Bác "làm vua" hay sao mà lại mang "cái bệ" này đến?

Biết Bác đùa, chúng tôi ai nấy đều im, Bác lại nói tiếp:

- Các chú nên nhớ rằng Bác làm Chủ tịch, Chủ tịch cũng là đầu tó của nhân dân, phải phục vụ nhân dân vô điều kiện.

Chúng tôi đang lo Bác không lên bọc, ngồi vào bàn làm việc. Nhưng đoán được tâm trạng đó, Bác vui vẻ bảo:

- Nói thế thôi chứ bây giờ Bác cũng "thượng bệ" cho các chú vui lòng.

Trông thấy Bác, nhất là lúc Bác nói chuyện, chúng tôi cứ nhớ mãi bốn câu thơ của Bác làm năm 1953:

*Nhân vị ngũ tuần thường thán lão,
Ngã kim thất cửu chính kháng cường.
Tự cung thanh đạm tinh thần sáng,
Tổ sự thung dung nhật nguyệt trường.*

*Chưa năm mươi đã kêu già,
Sáu ba, mình nghĩ vẫn là đương trai.
Sống quen thanh đạm nhẹ người,
Việc làm thảng rộng ngày dài ung dung.*

(Bài dịch của Xuân Thủy)

Đúng là Bác Hồ kính yêu của chúng ta lúc nào cũng thanh thản, ung dung. Vẽ và nặn tượng Bác cho được cái thần thái ấy quả là không phải dễ. Cho đến nay chúng tôi cảm thấy tranh mình chưa thể hiện và lột tả được hết những nét riêng đáng quý đó của Bác, vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc.

Lúc Bác còn sống, Bác thường đến thăm các cuộc triển lãm nghệ thuật. Lúc không đi được thì Bác có thư. Thư Bác gửi cho giới họa sĩ chúng tôi năm 1951 là một văn kiện lịch sử quan trọng, là kim chỉ nam hành động quý báu và thiết thực cho giới chúng tôi nói riêng, cho ngành văn nghệ nói chung, vì đến nay tôi đọc lại bức thư ấy, chúng tôi càng thấy đúng và trong sáng, vẫn thấy phải cố gắng rất nhiều nữa mới mong có thể đạt được phần nào lời khuyên dạy của Người.

Năm 1963, Bác có đến thăm triển lãm nghệ thuật tạo hình trưng bày ở phố Tràng Tiền. Sau khi xem Bác có nhận xét:

- Các chú làm việc tốt đấy. Tranh, tượng thế là có tình người.

Sau đó Bác hỏi chúng tôi về phong trào mỹ thuật, về đội ngũ sáng tác mỹ thuật (có bao nhiêu nữ, bao nhiêu anh chị em người dân tộc, bao nhiêu anh chị em trẻ...), rồi Bác bảo:

- Các chú là lớp người đi trước, nên dìu dắt anh chị em lớp trẻ; có kinh nghiệm gì thì phải tận tình bày vẽ cho anh chị em. Nhưng cũng phải cẩn thận, chú ý đừng để mất khiếu sáng tạo của họ.

Xem tranh sơn mài, Bác khuyên chúng tôi nên nghiên cứu sao cho chất liệu này giữ được bền hơn nữa. Về nghệ thuật khảm trai, Bác cũng có ý kiến:

- Các chú cần cố gắng duy trì loại này. Nó quý lắm. Nó là cái vốn nghệ thuật cổ truyền của cha ông ta xưa, phải phát triển nó lên.

Trước khi rời khỏi phòng triển lãm, Bác nhắc nhở chúng tôi phải cố gắng làm tốt hơn, phải đem nghệ thuật phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc.

Lời khuyên dạy của Bác thật là đầm ấm, mãi mãi còn in sâu trong lòng chúng ta. Chúng ta nguyện suốt đời ghi nhớ và làm theo lời dạy bảo của Người để xứng đáng với Người, với công ơn và sự quan tâm to lớn của Người.

Tháng 9-1969

NGƯỜI ĐẦU TIÊN NẶN TƯỢNG BÁC

CAM LY

Những ngày tháng 12 năm 1946. Cả thành phố Hà Nội bốc lên mùi khét lẹt của một cuộc chiến tranh sắp nổ ra.

Hồi ấy tôi đang công tác ở báo *Sự thật*, trụ sở đóng tại phố Nguyễn Thái Học bây giờ. Một hôm, Chủ nhiệm Phạm Văn Khoa gọi tôi ra nói nhỏ: "Sắp đánh nhau to rồi. Tôi giao cho cậu đem pho tượng Bác Hồ đi sơ tán. Đi đâu tôi sẽ nói sau nhưng cậu phải tuyệt đối giữ bí mật". Được anh Khoa tin nhiệm giao cho một việc "quan trọng" như thế, tôi rất vui và hãnh diện.

Đúng 8 giờ tối, một chiếc xe xích lô chở tôi và pho tượng đồng nặng 17 ki lô chạy ngoằn ngoèo qua nhiều phố rồi dừng lại trước số nhà 114 phố Bạch Mai. Cửa mở đã thấy anh Phạm Văn Đôn và chị Nguyễn Thị Kim ngồi đó rồi. Chúng tôi khuân pho tượng vào nhà. Anh chị tiếp tôi với những nụ cười cởi mở, hiền lành. Lần đầu tiên tôi được tiếp xúc với anh chị.

Nhiều năm sau, đôi khi tôi chợt nhớ đến pho tượng nhưng chẳng biết hỏi ai về lý lịch và số phận của nó trong hai cuộc chiến tranh ác liệt. Một hôm, trong câu chuyện với nhà văn Sơn Tùng chuyên viết về Bác Hồ, tôi mới biết anh Đôn, chị Kim có công lớn trong việc cất giữ pho tượng và chị Kim chính là người nghệ sĩ đầu tiên đã nặn tượng Bác. Hỏi thăm mãi, tôi mới tìm được địa chỉ của chị.

Cuộc gặp gỡ sắp tới giữa hai chị em hẳn là rất xúc động vì đã xa nhau hơn nửa thế kỷ. Muốn được chị kể cho nghe về những ngày nặn tượng Bác nhưng lại cứ lo lo là sẽ gặp một bà

già gần 90 tuổi, lụ lẫm, chân tay lẩy bẩy, bước từng bước chậm chạp và nói năng khó khăn. Thực tế hoàn toàn không giống với những điều tôi nghĩ.

Sau mấy phút ngỡ ngàng, chị bồi hồi kể lại những điều chị nhớ: Hội Cách mạng tháng Tám mới thành công, mỗi ngày là một ngày hội. Chúng tôi tập hợp nhau ở Trường Mỹ thuật để học hát bài *Tiến quân ca* của anh Văn Cao và vẽ những tấm áp phích cỡ lớn đem treo ở đầu phố Hàng Đào, nơi nhiều người qua lại. Một buổi sớm tháng 12-1946, anh Nguyễn Đình Thi hồi hả đạp xe đến nhà tôi báo một tin vui là ban lãnh đạo Hội Văn hoá cứu quốc đã quyết định chọn anh Tô Ngọc Vân, anh Nguyễn Đỗ Cung và tôi đến gặp Ông Cự để vẽ và nặn tượng Cự, chuẩn bị cho cuộc triển lãm toàn quốc lần thứ nhất.

Ngày hôm sau, chúng tôi đến Bắc Bộ phủ. Sau lời giới thiệu của anh Thi, Ông Cự mời chúng tôi uống nước, ăn bánh rồi vào ngay câu chuyện:

- Hai chú và cô định vẽ, nặn thế nào? "Người mẫu" phải ngồi như thế nào?

- Thưa Cự, Cự cứ ngồi làm việc bình thường, còn chúng cháu đứng chung quanh vẽ.

- Chừng mấy ngày thì xong?

- Thưa Cự, độ mười ngày. - Anh Vân và anh Cung không dám nói nhiều, cũng không nói ít.

- Vậy thì ngay ngày mai ta bắt đầu vào công việc cỡ được không? Mỗi hôm hai tiếng, bắt đầu từ 6 giờ. Đến 8 giờ tôi phải làm việc rồi.

Ngày hôm sau, chúng tôi có mặt từ rất sớm. Tôi mang theo một thùng đất sét. Anh Vân, anh Cung chỉ có giá vẽ nên dễ dàng chuyển dịch trong phòng, còn tôi, tôi phải đứng miết tại chỗ trước cái bàn rất lớn của Cự. Thấy tôi cứ loay hoay và rụt rè. Cự hỏi:

- Cô cần gì, muốn gì, cứ nói!

- Thưa Cụ, sàn nhà sạch bóng như thế này, cháu lo cháu đứng nặn làm bẩn hết.

Ông cụ gọi anh cần vụ lấy chiếu trải ra để tôi đặt thùng đất và giá tượng lên trên. Giá tượng vừa to vừa nặng.

- Thưa Cụ, xin Cụ cứ tự nhiên.

Những ngày đầu, chúng tôi vẫn kính cẩn xưng hô "cháu", "chúng cháu" với "Cụ" nhưng để ý thấy các anh Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Hữu Nam... đều gọi Cụ là Bác. Một hôm, Cụ bảo chúng tôi: "Từ nay, hai chú và cô Kim đừng gọi tôi là "Cụ" nữa nhé! Cứ gọi tôi là "Bác" thôi! Gọi "Cụ" nghe giả lắm!". Cụ vừa nói vừa cười khà khà. Từ hôm ấy, vâng lời Cụ, chúng tôi đổi cách xưng hô.

Trên bàn giấy có một xấp báo và hai cây bút chì xanh, đỏ. Bác vừa hút thuốc vừa xem báo, thỉnh thoảng lại lúi húi đánh dấu hoặc ghi chép.

Ở Trường Mỹ thuật, chúng tôi được đào tạo theo kiểu "hàn lâm" phải đo đạc cẩn thận lắm chứ không thể áng chừng như mấy cậu họa sĩ trẻ ngày nay. Lần đầu tiên tôi được vinh dự nặn tượng một Cụ Chủ tịch nước nên lo lắm, trống ngực cứ đánh thình thình. Phải nặn cho giống, cho đẹp và có thần. Vì thế, không thể không dùng đến côm-pa và quả dọi. Nhưng đưa côm-pa lên mặt, lên mũi để đo trong lúc Bác đang đọc báo thì bất tiện quá. Tôi cứ lúng túng mãi, chiếc côm-pa trên tay cứ rung lên bần bật. Tôi muốn bước lên gần Bác mà không dám. Dường như đọc được nỗi băn khoăn thầm kín của tôi, Bác bảo: "Việc gì cần làm cô cứ làm, không nên do dự mà hỏng việc. Cô cần đo thì cô cứ đo!". Bác vừa nói vừa cười.

Ngày nào, trước khi chúng tôi ra về, Bác cũng dành ít phút ngắm tranh, tượng của chúng tôi và góp ý. Bác nói vui: "Tai tôi có một bên không bình thường. Hồi bé đi câu cá, có lần tôi giật mạnh cần câu, lưỡi câu móc vào tai nên tai bị rách. Còn chuyện râu, cô có thấy nặn râu khó không? Khó đấy chứ! Người Châu

Âu rêu nhiều, người Châu Á, người Việt Nam rất ít nên khó nặn. Cô phải xem và học cách thể hiện của người Ai Cập".

Thường thì vào lúc 8 giờ sáng, các anh Võ Nguyên Giáp, Trường Chinh, Hoàng Hữu Nam... lục tục đến làm việc với Bác nhưng cũng có hôm các anh ấy đến muộn. Chúng tôi vờ như không biết để tranh thủ thời gian. Một lần Bác nói vui: "Hôm nay, "người mẫu" ngồi quá giờ rồi, hai chú và cô Kim phải trả thêm tiền thù lao đấy nhé!". Mấy bác cháu cùng cười xoà.

Để xóa đi cái khoảng cách giữa Cụ Chủ tịch nước với mấy nghệ sĩ thuộc hàng con cháu, thỉnh thoảng Bác lại có một cử chỉ thân mật hoặc một câu nói dí dỏm. Một hôm, thấy anh Cung đem theo một lọ ét-xăng để vẽ sơn dầu, Bác bảo anh rót cho xin một ít vào chiếc bát lửa của Bác. Có hôm oi bức quá, Bác xin phép cởi áo ngoài cho mát. Một lần, cụ Huỳnh Thúc Kháng đến gặp Bác để bàn công việc, khi hai cụ bước ra, Bác bảo tôi: "Khi nào cô Kim nặn xong, cô nặn cho cụ Huỳnh nữa nhé!". Cụ Huỳnh giãy nảy lên: "Áy, chớ chớ!".

Hơn chục ngày đã trôi qua thì đến ngày kỷ niệm sinh nhật Bác. Bác đề nghị nghỉ một buổi để Bác tiếp khách. Căn phòng của Bác rộng thênh thang mà khách đông nghìn nghịt. Đoàn Văn hoá cứu quốc đến mừng Bác có hơn chục người. Nhìn thấy ba chúng tôi từ xa, Bác đã nheo mắt gật gật đầu. Sáng hôm sau, anh Vũ Kỳ mời chúng tôi ra ngoài hành lang ăn bánh - bánh của Bác để phần cho chúng tôi. Mấy đĩa bánh to, ăn làm sao cho hết! Ăn không hết thì gói đem về nhà. Bác "tâm lý" quá, ngoài bánh Bác còn bảo dọn sẵn cả giấy gói nữa. Bác lo cho mọi người hết sức chu đáo nhưng cuộc sống vật chất của riêng Bác thì lại quá đạm bạc. Bữa ăn sáng của Bác đặt trong lòng bàn chỉ vền vền có mấy vắt xôi lạc, mấy miếng đậu kho và một bát cháo hoa.

Rồi một ngày cuối tháng 5, anh Vũ Đình Huỳnh, người Bí thư tin yêu của Bác thông báo cho chúng tôi là Bác sắp đi vắng

một thời gian tương đối lâu, các anh chị phải mau mau kết thúc công việc. Sáng ngày 30 tháng 5, sau hai giờ "ngồi mẫu", Bác đến khu Việt Nam học xá để chào tạm biệt đồng bào trước khi đi Pháp dự Hội nghị Phông-ten-nơ-bơ-lô.

Pho tượng bằng đất sét được đổ thạch cao để làm khuôn đúc đồng. Ban biên tập báo *Sự thật* nhận trách nhiệm liên hệ với cụ Hội, một nghệ nhân đúc đồng nổi tiếng ở làng Mọc để mời cụ đúc tượng Bác...

Pho tượng ấy chính là pho tượng tôi đưa đi sơ tán cách đây 57 năm. Số nhà 114 phố Bạch Mai là ngôi nhà thờ họ của gia đình họa sĩ Phạm Văn Đôn. Anh Đôn và người anh ruột là anh Phạm Văn Bình đã đào một cái hầm dưới gầm bàn thờ ông bà để cất giấu pho tượng. Sự việc này không ai được biết, kể cả con cháu trong nhà. Suốt 8 năm ẩn mình trong lòng đất Thủ đô bị tạm chiếm, pho tượng Bác không bị địch phát hiện. Trong thời gian ấy, chị Kim đã hai lần bí mật về thăm nhà. Chị rất vui khi biết pho tượng vẫn an toàn. Kháng chiến chống Pháp thành công trở về Hà Nội, chị đã đem tượng Bác tặng Viện bảo tàng Cách mạng mới thành lập để đồng bào cùng chiêm ngưỡng.

Trong câu chuyện dài gần hai tiếng đồng hồ, tôi còn được chị kể cho nghe nhiều mẫu chuyện cảm động về tấm lòng ưu ái của Bác đối với gia đình chị. Như khi biết tin anh chị và các con đã chuyển từ Việt Bắc về khu Bốn cũ, Bác đã cử anh Hoài Thanh vượt qua một chặng đường dài đầy bom đạn và chết chóc để tìm anh chị trao món quà "nghèo" của Bác: một gói kẹo, một cuộn giấy vẽ và số tiền 500 đồng.

Trước giây phút tạm biệt, tôi có hỏi chị vì sao chị và anh Phạm Văn Đôn - người chồng yêu quý của chị - đã trọn đời đi theo con đường của Bác Hồ mặc dầu anh chị biết trước con đường ấy vô cùng nhọc nhằn, gian khổ và nhiều khi cay đắng nữa. Người nghệ sĩ lớn ấy đã cho tôi một lời giải đáp hết sức

rõ ràng và dứt khoát: "Từ ngày được gặp Bác, cuộc đời chúng tôi và nhiều trí thức văn nghệ sĩ đã thay đổi hẳn. Quả tim Bác lớn lắm và rất mực bao dung, mở rộng để đón nhận và che chở, ủ ấp bất cứ ai thật sự có lòng báo quốc, ơn dân, dù người ấy thuộc dân tộc nào, giai tầng xã hội nào, tôn giáo nào, có quá khứ, hiện tại và chính kiến ra sao. Trước một quả tim lớn như thế, bao dung như thế, chúng tôi nguyện suốt đời đi theo con đường của Bác".

VẼ CHÂN DUNG BÁC HỒ Ở CHIẾN KHU VIỆT BẮC

PHAN KẾ AN *kể*

Giữa năm 1948, tôi đang công tác ở Trung ương Hội Văn hoá cứu quốc khi đó đóng ở Bắc Kạn thì có công văn của Tổng Bí thư Trường Chinh điều động tôi về Trung ương công tác tại báo *Sự thật* (tiền thân của báo *Nhân dân* ngày nay) do đồng chí Trường Chinh trực tiếp chỉ đạo. Tôi được phân công trình bày, vẽ minh hoạ và chủ yếu là vẽ tranh biếm hoạ chính trị cho báo.

Một hôm, vào quý IV năm 1948, đồng chí Trường Chinh nhắn tôi đến chỗ làm việc của anh và nói: "Ngày mai anh đến chỗ Cụ (danh từ chỉ Bác Hồ hồi đó), ở đây và vẽ Cụ. Anh ở bao lâu tùy anh, có thể vẽ Cụ ở mọi tư thế bằng mọi chất liệu, nhưng thế nào cũng có một bức để in trên số báo tới. Tôi đã tin sang bên chỗ làm việc của Cụ rồi". Anh còn chỉ căn kẽ cho tôi lối đi đến trạm liên lạc của Hồ Chủ tịch. Về toà soạn cơ quan báo, anh Xuân Trường đã nói với cậu giám mã chuẩn bị cho tôi con ngựa quen thuộc. Tôi chỉ còn thu xếp mang theo chiếc ba lô, chăn, màn, quần áo đồ dùng thường ngày và các loại giấy, cặp vẽ và vật liệu nghề nghiệp gọn nhẹ. Thế là hôm sau tôi lên ngựa theo đường mòn lên đèo Gie. Đến trạm, tôi gửi ngựa lại, ba lô trên lưng, tôi đi dọc đường mòn theo lời chỉ dẫn của anh đến chỗ Bác ở, chỉ cách đây chừng 300 mét. Đi bộ được chừng nửa đường, tôi đã thấy Bác mặc bộ đồ nâu, một mình đi ra đón tôi, bắt tay, ôm lấy vai tôi, thân mật hỏi thăm sức khoẻ và chuyện đi đường. Tôi vô cùng cảm động vì khi ấy mình mới là một thanh niên trên 20 tuổi, đến công tác với Bác mà được Bác Hồ đối xử trân trọng và thân tình đến vậy, điều này tôi chưa từng thấy khi tiếp xúc với

các lãnh tụ khác. Vừa đi vừa hỏi chuyện, Bác dẫn tôi đến một cái lán to bằng tre nửa lá dưới tán những cây cổ thụ. Bác cho tôi biết đây là chỗ ở và làm việc của cán bộ và nhân viên trong cơ quan. Bác giới thiệu với tôi các anh Kỳ, Kháng, Chiến, chị Mai và các đồng chí khác, cả với các đồng chí phụ trách nhà bếp, cảnh vệ, giao thông. Tôi đặt ba lô lên chiếc chiếu được đồng chí Kháng chỉ cho trên một chiếc giường dài tập thể bằng nửa đan, rồi theo Bác men theo một dốc nhỏ bên một mồm đồi cao hơn, ngay gần đây. Dọc lối đi là các bụi nứa, có nhiều cây đã được chặt để lại những gốc nhọn hoắt, đến nhà sàn của Bác. Nói là nhà sàn cũng đúng vì lán này làm bằng tranh tre, nửa lá, nhưng cao hơn mặt đất, chừng non một mét có các cột tre chống đỡ một cầu thang tre dăm bậc dẫn lên. Lán có một gian chính, rộng chỉ vừa đủ trải hai chiếc chiếu cá nhân và một ngách có một bàn ghế tre, trên có chiếc máy chữ nhỏ, một chồng giấy, một chiếc quạt nan, một hộp thuốc lá "Carven - A". Trên cột treo một chiếc phích nước, một khăn mặt vắt trên dây, dưới sàn một sọt đựng giấy bằng nứa, trên cao một giá dài bằng nứa cả cây để vài bộ quần áo xếp gọn ghẽ và ít sách, giấy má. Chỗ ở của vị Chủ tịch nước chỉ có vậy.

Đến chiều, anh Chiến dẫn tôi đến một cái bàn vuông ở ngoài trời gần nhà, cũng bằng tre nửa trồng thẳng xuống đất, dưới tán cây, trên là bữa cơm giản dị nhưng là cơm không trộn khoai, sắn. Bác Hồ đã đứng ở đó chờ tôi. Cùng ngồi vào bàn ăn chỉ có hai bác cháu. Bác cầm chai rượu thuốc rót cho tôi một chén hạt mít nhỏ và Bác cũng một chén nhỏ. Cụng ly với Bác, tôi tợp một ngụm nhỏ rồi để xuống bàn ăn, Bác lại rót cho tôi thêm một chén nữa. Vừa uống rượu, ăn cơm, vừa nói chuyện. Tôi đang tuổi ăn, tuổi ngủ, nên ăn cũng khỏe, uống cũng khỏe, hết chén rượu này Bác lại rót cho chén khác, tôi cũng uống hết. Ăn cơm xong, Bác mở hộp thuốc lá ngoại, mời tôi hút, châm diêm cho tôi, vừa hút thuốc vừa uống chè xanh. Bác nói: "Uống chè xanh này tốt cho sức khỏe lắm". Vào tháng 11 dương lịch năm ấy trời mát, se se lạnh, sương đã trắng dưới đồi, Bác đứng dậy lên nhà sàn làm việc, còn tôi về nhà tập thể nghỉ ngơi và trò

chuyện với anh chị em trong cơ quan. Trước khi về đi ngủ, nhìn qua vách nửa thưa, thấy ngọn đèn dầu le lói trên nhà sàn Bác và nghe lách cách tiếng máy chữ, tôi nghĩ có thể Bác sẽ còn làm việc đến đêm khuya, rồi tôi ngủ lúc nào không hay.

Sáng sớm hôm sau, anh em trong cơ quan gọi nhau dậy tập thể dục, rồi rửa mặt, ăn sáng. Xong xuôi, tôi vác đồ lên lán của Bác, thấy Bác đang đánh máy chữ. Tôi chào Bác, và được Bác nói luôn: "An cứ làm việc thoải mái như Bác đã dặn". Thế là Bác cứ làm việc, tôi cứ vẽ. Một chốc Bác đứng dậy thu xếp mọi đồ vật trên bàn, cầm mấy tờ báo, giấy tờ và chiếc bút chì xanh đỏ bước xuống thang đi đến một hòn đá xa nhà một chút, ngồi đọc báo, thỉnh thoảng lại lấy bút chì đỏ gạch dưới mấy chữ hoặc viết mấy dòng bên cạnh tờ báo. Một lúc Bác lại di chuyển sang chỗ khác, không ngồi yên một chỗ nào.

Ngoài những bức tốc họa, tôi còn giở một tờ giấy to, đặt lên ván gỗ cố vẽ một bức thâm họa bằng chì than trong hoàn cảnh Bác không ngồi yên, lại luôn di động. Mỗi lần Bác mở hộp thuốc lá, Bác lại mời tôi một điếu, có lần tôi hút ngay, có lần tôi để thuốc vào túi ngực, chưa hút vì dở vẽ. Nhiều lần như vậy, tôi đã có một số điếu thuốc cất vào ba lô, bụng bảo dạ sẽ đem về làm quà cho anh em ở cơ quan. Trong những bữa cơm cùng ăn với Bác, thấy Bác đã uống hết chén rượu thuốc, tôi cảm chai định rót mời Bác thì Bác lấy tay che miệng cốc nói: "Bác chỉ uống một chén mỗi bữa thôi. Uống rượu ít thì tốt, nếu uống nhiều thì không hay đâu". Tôi chột dạ, vì lần nào Bác rót thêm cho, tôi đều uống hết. Từ bữa ấy, tôi đã biết từ chối không để Bác rót thêm chén rượu thứ hai nữa. Bác hay kể một số chuyện khi Bác còn ở nước ngoài trước đây. Bác kể cho tôi nghe chuyện một họa sĩ ở Pháp vẽ trên báo, mỗi số đều có một chuyện bằng tranh về cuộc phiêu lưu của hai chú bé đi khắp nước Pháp và khắp thế giới, mỗi nơi các chú đều gặp những chuyện bất bình hoặc chuyện vui, thể hiện được tình hình của các địa phương mà các chú đi qua, nói lên tinh thần đấu tranh chống cái ác, rất hấp dẫn. Bác cũng hay đồn người đối thoại vào thể bị động, lúng

túng mỗi khi mình nói không chuẩn mực. Một lần Bác hỏi tuổi tôi. Theo thói quen từ hồi còn đi học, tôi nói: "Thưa Cụ, tuổi tây thì tôi 25, tuổi ta thì 26". Bác hỏi luôn: "Tuổi tây là gì? Tuổi ta là gì?" Tôi thấy mình đã nhiễm thói quen cũ nên trả lời hớ, thế là bị động với Bác rồi. Ngay sau đó Bác chuyển qua chuyện khác ngay, không để tôi bị ngớ ra lâu. Bác cũng hay nói về *Truyện Kiều*, về *Chinh phụ ngâm*, giải thích cho tôi nghe những câu, đoạn mà Bác tâm đắc.

Trong lần vẽ cuối, lúc Bác ngồi đánh máy công văn, Bác mở hộp thuốc, mời tôi một điếu, tôi chưa hút còn cầm mãi rồi bỏ vào túi, Bác liền hỏi tôi: "Cháu đã tích trữ được bao nhiêu điếu rồi?". Tôi chợt dạ, thôi chết rồi, thì ra ông Cụ tinh ý đã biết cả việc mình để dành thuốc lá. Tôi liền lên tiếng: "Thưa Cụ, ở cơ quan tôi có nhiều thanh niên và cả các đồng chí hoạt động cách mạng lâu năm mà chưa được gặp Cụ, tôi định dành một số điếu thuốc của Cụ cho, đem về làm quà cho anh em trong cơ quan, chắc họ mừng lắm". Bác hỏi: "Thế cơ quan có bao nhiêu người?". Tôi nhẩm tính và nói: "Cả cán bộ, giám mã, cấp dưỡng, liên lạc... khoảng ba chục người ạ" - "Thế cháu đã để dành được bao nhiêu điếu?" - "Thưa Cụ, tôi đã để dành được 13 điếu ạ". Bác liền mở hộp thuốc lá, chọn lấy ra đếm đủ 17 điếu, rồi trao cho tôi và nói: "Cháu đem về cho anh em nhé. Còn điếu mình vừa mời, cháu cứ hút đi".

Tôi được ở bên Bác Hồ và vẽ Bác Hồ hơn 2 tuần lễ, vẽ được trên 20 bức tốc họa và một bức thâm họa. Tôi nghĩ đến số báo *Sự thật* tới cần có tranh chân dung Bác, nên tôi xin về cơ quan. Bác bảo tôi treo tất cả tranh đã vẽ lên tấm liếp ở nhà tập thể và mời tất cả anh chị em trong cơ quan đến xem. Thế là một cuộc triển lãm rồi. Cuối cùng, Bác chỉ vào một bức ký họa vẽ đơn sơ mấy nét bằng bút sắt, mực đen. Bác nói: "Nếu in báo thì lấy bức này, vẽ giản dị và có thần". Trước khi tôi tạm biệt Bác và anh chị em trong cơ quan để ra về. Bác còn đưa cho tôi một ống nứa có nắp đậy và niêm phong, dặn đem về đưa cho anh Trường Chinh. Trong bộ quần áo nâu giản dị, Bác còn ân cần đi tiễn tôi một đoạn đường khá

xa, rồi bắt tay, ôm chặt vai tôi, sau mới để cho tôi đi. Đi được mấy bước, tôi quay lại vẫn còn thấy Bác đứng đó vẫy tay tạm biệt. Tôi về gặp lại anh Trường Chinh, đưa anh xem các bức tranh tôi đã vẽ về Bác Hồ và bức tranh do chính Bác chọn để in báo. Anh tỏ ý rất hài lòng về công việc của tôi trong thời gian làm việc bên Bác Hồ. Anh dặn là cần khắc cho thật chính xác và in thành phụ bản nguyên khổ đóng ngay tiếp trang bìa. Về đến cơ quan, tôi chia thuốc lá của Bác cho mọi người, rồi đưa các bức vẽ ra cho các anh chị em và kể chuyện không dứt về Bác.

Sau khi trao đổi với anh em trong toà soạn, tôi lại lên ngựa đem bức chân dung đó đến nhà in, cách cơ quan cũng khá xa. Tôi gặp anh Tăng, một thợ khắc giỏi, đã khắc nhiều tranh khắc của tôi in trên bìa các số báo trước đây. Tôi ở lại cơ quan ăn loát cho đến lúc anh em thợ in đã hoàn thành. Tuy in bằng máy "Mìnéc" đập chân thô sơ nhưng anh Tăng khắc rất giỏi, thể hiện được cả những nét to, nhỏ, thừa, thiếu, hay ngập ngừng ở bản vẽ chính, do vậy bản khắc gỗ giống hệt như bản chính. Tôi mang tờ báo in xong về toà soạn, được các bạn đón nhận nhiệt tình, hân hoan. Số báo này in với số lượng lớn để phát hành khắp các chiến khu trong toàn quốc.

Chuyến đi vẽ Bác Hồ ở chiến khu Việt Bắc năm 1948 của tôi đến nay đã qua hơn nửa thế kỷ. Nay Bác đã đi xa, nhiều bức vẽ tôi gửi lại ở một số cơ quan trong thời gian kháng chiến chống Pháp đã bị thất lạc, chỉ còn lại số ít. Trước khi được sống gần Bác Hồ một thời gian ngắn năm 1948, tôi cũng chỉ biết sơ qua về Hồ Chủ tịch, nhưng từ những ngày làm việc gần gũi ấy, tôi hiểu được Bác nhiều hơn. Tôi nhận thức được nhân cách cao đẹp của Bác Hồ một cách sâu sắc và lúc nào cũng tưởng nhớ đến những tháng ngày không thể quên được ấy.

TƯỢNG CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

YANICH VŨ

Năm mươi hai năm đã trôi qua kể từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh viếng thăm Paris vào năm 1946. Chính trong khoảng thời gian diễn ra sự kiện lịch sử này, Vũ Cao Đàm - cha tôi, đã hoàn thành việc tạc tượng Người. Hiện nay, cha tôi tuổi đã cao và không thể nhớ được chính xác trong hoàn cảnh nào bức tượng được tiến hành. Mẹ tôi cũng không nhớ là Chủ tịch đã đến nhà. Mặc dầu tôi còn giữ gìn rất lâu một tấm ảnh chụp trên sân thượng nhà chúng tôi và tôi đã ngồi vào lòng ông Phạm Văn Đồng lúc ấy đang tháp tùng Người. Tôi vừa đúng bốn tuổi. Nhiều khả năng là cha tôi đã tạc bức tượng này tại nhà ông bà Aubrac, cả hai đều là những người kháng chiến Pháp vĩ đại, đã đón tiếp Chủ tịch ở tại nhà.

Đối với chúng tôi, những thiếu nhi vào thời bấy giờ, cái gì liên quan đến Việt Nam đều nằm trong một hào quang huyền bí, dũng cảm và quang vinh, và Bác Hồ là hiện thân tuyệt hảo của những phẩm chất cũng như Tổ quốc của Người, đồng thời cũng là Tổ quốc của chúng tôi mà chúng tôi chưa được biết đến.

Các lần thăm viếng của Chủ tịch đều được chuẩn bị công phu, và khi Người xuất hiện, các cuộc nghênh tiếp và lễ hội cứ tiếp diễn không ngớt. Trong một buổi nghênh tiếp trên, tôi được vinh dự hát bài quốc ca Việt Nam. Tôi đã cất tiếng ca mà lòng đầy cảm xúc. Trên người mặc một áo màu đỏ và ngôi sao vàng đội trên đầu. Thực ra tôi đã lấy từ trang trí cây Noel. Trước mắt tôi là một cử tọa bao dung và vị Chủ tịch đích thân ở đó. Michel em trai tôi và tôi đã lên sân khấu như vậy một cách ngẩn ngừ, dang rộng lá cờ đỏ Việt Nam giữa hai chúng tôi.

Tôi cũng còn giữ một tấm ảnh tuy có bị phai màu, trong đó Chủ tịch đã chụp ảnh chung với các cháu Pháp - Việt. Tôi không được ở trong vòng tay của Người. Tôi chỉ được nép ở một góc của tấm ảnh, buồn thay rất xa thần tượng của tôi.

Chỉ sau một ít thời gian của cuộc viếng thăm lịch sử này, nhiều sự kiện không hay đã xảy ra với chúng tôi. Bà gác cổng đã đi tố cáo chúng tôi. May mắn là cậu ruột tôi đã báo trước và cha mẹ tôi đã có đủ thời gian để giấu tượng Chủ tịch và cất vào hòm đàn dương cầm một đài phát thanh và cái huy hiệu mang hình ảnh Chủ tịch mà cha tôi đã làm ở sở đúc tiền. Trong lúc nhà chúng tôi bị khám, tôi thấy mẹ tôi rất lo âu đứng bên cạnh đàn dương cầm, bên trên, mẹ tôi đã phủ một khăn san "cachemire" cũ và để một lọ hoa huệ, một loại hoa mà cha tôi rất thích vẽ trên lụa và luôn toả mùi hương thơm ngát. Trẻ nhỏ như chúng tôi không thể hiểu nổi tại sao cha tôi bị dẫn đi mà không thấy trở về nhà. Thời gian càng trôi đi, chúng tôi càng thấm mệt và đói lả. Cuối cùng chúng tôi nằm thiếp đi. Cha tôi đã trở về nhà lúc ba giờ sáng. Bọn thanh tra bỏ đi vì không tìm thấy được gì.

Thời gian sau cha tôi lâm bệnh. Cha tôi thấy ngạt thở và không thể làm việc được. Chúng tôi rời bỏ Paris để đến sinh sống ở tỉnh Hérault, nơi chúng tôi có họ hàng từ Việt Nam qua, họ đem theo hai con gái nhỏ, vài vali và quang cảnh đồng ruộng mà họ không còn trông thấy nữa.

Chính trong thời gian này ở Béziers, cha tôi đã tìm đến một người nông dân đảng viên cộng sản để nhờ cất giấu tượng Chủ tịch và tấm huy hiệu của Người. Ít lâu sau, những ngẫu nhiên trong cuộc sống đã đưa chúng tôi đến Saint Paul de Vence, nơi mà chúng tôi cư ngụ cho đến ngày nay. Vào những năm 1950, chúng tôi còn bị khám nhà hai lần nữa. Một lần trong đó, bọn thanh tra đã lấy đi 20 huy hiệu Chủ tịch Hồ Chí Minh mà chúng tôi đã cất giấu trong hòm của phòng tiếp khách.

Mãi về sau năm 1967, cha mẹ tôi quay trở lại Béziers để tìm lại tượng Chủ tịch. Sau nhiều lần thăm hỏi công phu, cha mẹ tôi đã tìm lại được địa chỉ của người nông dân năm xưa. Thật không may, ông này đã lâm bệnh nặng. Vợ ông cũng không giúp được gì cho cha mẹ tôi. Ông ta không còn nhớ gì hết và không còn nhận ra ai được nữa. Vợ ông ta không biết chồng bà đã cất giấu tượng ở đâu. Tuy rất nản lòng, cha mẹ tôi vẫn quyết tâm tìm lại được bức tượng. Cha mẹ tôi buồn rầu khi thấy ông ta quá đãng trí và già đi như vậy. Rồi thì như có sự tiếp điện. Ông ta nhìn chằm chằm vào mẹ tôi và một tia sáng loé ra trong đôi mắt của ông già, như có phép lạ ông thốt lên: "Thưa bà! Bà tìm bức tượng Hồ Chí Minh phải không?". Với một dáng điệu ngập ngừng, ông ta đi tìm bức tượng đã được cất giấu dưới lớp rơm trong một căn phòng chỉ có ánh sáng mờ nhạt. Đúng là bức tượng Bác Hồ được cất giấu ở đó bao năm tháng. Thật khó tả niềm vui và lòng biết ơn của cha mẹ tôi. Tiếc thay, tấm huy hiệu làm bằng đất nung đã không thấy đâu.

Năm sau đó, tôi và chồng trước của tôi - họa sĩ Domenico Gnoli, có ý định đi thăm Hà Nội làm phóng sự và trao tặng tượng Chủ tịch. Đây đúng vào dịp đang diễn ra cuộc tấn công Tết Mậu Thân (1968), chúng tôi không xin được hộ chiếu và chuyến du lịch năm ấy bị huỷ bỏ.

Ba mươi năm sau, cuối cùng bức tượng đã đến Hà Nội ngày 20-5-1998, ngay sau ngày sinh của Chủ tịch. Bức tượng đã đến điểm hẹn cuối cùng là Bảo tàng mang tên Người. Cha tôi hết sức mừng rỡ. Cho đến giờ phút cuối, cha tôi vẫn không thể tin được vào sự kiện đó...

Đối với tôi, quả thật là một sự êm dịu. Đúng như vậy, bức tượng tạc nên lúc Chủ tịch đến Paris mang theo thông điệp hoà bình, một thông điệp mà người đời phải mất bao nhiêu thời gian mới lĩnh hội được.

Giáo sư bác sĩ BỬU TRIỀU dịch

NHỮNG ĐIỀU ÍT BIẾT VỀ NGƯỜI THIẾT KẾ NHÀ SÀN BÁC HỒ

NGUYỄN DUY CHIẾN

Kiến trúc sư Nguyễn Văn Ninh sinh ngày 3-2-1908 tại phố Đông Kinh (thị xã Lạng Sơn) - nơi rộn rã, đầy ắp tiếng Lượn, tiếng Sli trong những ngày chợ phiên xứ Lạng. Bóng áo chàm của chàng trai, cô gái Tày - Nùng thấp thoáng sau những dãy nhà trình tường với mái ngói âm dương cong vút đã in đậm trong tâm trí của Ninh.

Năm 12 tuổi, học xong tiểu học, cậu bé Ninh phải từ biệt người thân xuống miền xuôi học tiếp bậc trung học. Những lần học ở trường Bưởi (Hà Nội) Nguyễn Văn Ninh đã tham gia bãi khoá phản đối sự hà khắc của giặc Pháp. Nguyễn Văn Ninh là người ham học hỏi, chịu khó nên đỗ đầu khoá của Khoa Kiến trúc đầu tiên của Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương (1926 - 1931).

Năm 1932, ông phiêu bạt vào Huế và trở thành kiến trúc sư cung đình. Mười năm ở Huế, kiến trúc sư đã thiết kế, tu bổ và xây dựng nội ngoại thất các công trình trong thành nội, các lăng tẩm, công thự, biệt thự. Trong đó có một công trình “đề đời” là nhà nghỉ của Bảo Đại ở Đà Lạt (thiết kế năm 1939, thi công xong năm 1943)...

Là một trí thức yêu nước, có thiện cảm với cách mạng, mùa thu năm 1945 ông tham gia cướp chính quyền ở Đà Lạt và được

bầu làm Ủy viên Ủy ban Cách mạng tỉnh Lâm Viên (nay là tỉnh Lâm Đồng). Cuộc kháng chiến nổ ra, Nguyễn Văn Ninh trở về quê hương xứ Lạng. Ông tham gia vào hoạt động chính quyền cách mạng và tranh thủ thiết kế, thi công Hội trường tỉnh bằng tranh, tre, gỗ đủ cho hàng trăm người họp...

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng và chuyên ngành kiến trúc, Nguyễn Văn Ninh đã có nhiều cống hiến cho sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước. Nhiều công trình do ông thiết kế đã trở thành di sản quý, lưu truyền cho thế hệ sau.

Khi kháng chiến thành công, trở về Hà Nội, ngay sau khi vừa tiếp quản xong Nha Kiến trúc, kiến trúc sư Nguyễn Văn Ninh được giao nhiệm vụ thiết kế lễ đài Ba Đình để đón Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng, Chính phủ về Thủ đô ngày 1-1-1955 và Đài liệt sĩ Ba Đình... Nhưng một công trình mà ông tâm huyết, lao tâm khổ tứ để làm, đó là năm 1957, Bác Hồ trực tiếp giao cho ông thiết kế ngôi nhà cho Bác ở. Bác đã ra đề tài vô cùng hấp dẫn: “Chú Ninh hãy thiết kế một ngôi nhà cho Bác nhưng đó không phải là một ngôi biệt thự!”.

Hằng đêm, Nguyễn Văn Ninh trăn trở suy nghĩ để làm sao ngôi nhà phải toát lên sự giản dị, tư tưởng gần dân và đặc biệt phải tiện ích, kết hợp được vốn dân tộc cổ truyền mà không lạc hậu.

Đã hơn nửa tháng suy nghĩ phác thảo, Nguyễn Văn Ninh nhớ lại những năm tháng Bác hoạt động ở chiến khu Việt Bắc, rồi cả những ngày bản thân hoạt động cách mạng ở bản Đạo (Tân Văn, Bình Gia, Lạng Sơn) năm 1946. Khi đó Ủy ban tỉnh ở nhà sàn của dân. Thấy ngôi nhà sàn tiện ích cũng như cách bài trí rất khoa học nên Nguyễn Văn Ninh đã bỏ thời gian rảnh rỗi để nghiên cứu, đo, vẽ và ghi chép tỉ mỉ cách bố cục, kiến trúc của nhà sàn vào trong cuốn sổ tay...

Một hôm đang giữa đêm ông vùng dậy, giờ sổ bắt tay vào thiết kế. Việc thiết kế kéo dài liên tục trong hai đêm. Khi xem đồ

án kiến trúc ngôi nhà, Hồ Chủ tịch đã rất hài lòng. Người nói: “Chú làm việc rất đúng ý của Bác!”. Một năm sau công trình được đưa vào sử dụng nhân dịp mừng sinh nhật lần thứ 68 của Người...

Ngôi nhà thoáng mát, thanh tao mà ấm cúng. Nhà lợp ngói bê gộc, rường cột đều là loại gỗ dổi rất bền. Loại gỗ này có vân, khi đánh bóng lên tạo màu sắc rất đẹp. Gỗ có dầu, mùi thoang thoang hương thơm rất dễ chịu. Nhưng nó lại không phải là loại gỗ “tứ thiết” quý hiếm như người ta tưởng.

Ngày khánh thành ngôi nhà sàn, Bác mời cơm Nguyễn Văn Ninh cùng đội thi công. Đến 16 giờ, mọi người đã tập trung khá đông đủ, nhưng Nguyễn Văn Ninh chưa vẫn có mặt. Quá giờ hẹn độ hai phút, Bác bảo mọi người ra ngoài vườn chụp ảnh kỷ niệm. Khi người chụp ảnh giương máy lên định chụp thì Nguyễn Văn Ninh chạy tới. Thì ra ông say sưa nghiên cứu nốt một đồ án xây dựng nên đã đến muộn 5 phút. Bác Hồ thấy vậy liền vẫy tay gọi Nguyễn Văn Ninh đến cho ngồi trước mặt vừa thân ái vừa hài hước nói: “Chú đến muộn rồi nhé. Bác đặt tên cho chú là Kiến. Kiến ở đây có nghĩa là kiến trúc sư vừa có nghĩa là kiến bò chậm, đến muộn...!”.

Kiến trúc sư Nguyễn Văn Ninh vinh dự được Hồ Chủ tịch tặng huy hiệu 2 lần. Ngoài ra, trong sự nghiệp kiến trúc của mình ông còn có nhiều công trình có giá trị như Tượng đài liệt sĩ Bông Lau - Bồ Củng (tỉnh Lạng Sơn). Hình khối đài liệt sĩ này đã một thời được coi là khuôn mẫu để khắp nơi làm theo... Kiến trúc sư Nguyễn Văn Ninh mất ngày 15-4-1975 khi ông chuẩn bị vào Nam. Con sốt ác tính đã quật ngã ông ở tuổi 67, nhưng những tác phẩm do ông sáng tạo mãi mãi đi vào lịch sử kiến trúc nước nhà...

TÂM HUY HIỆU BÁC HỒ

NGUYỄN VĂN THÔNG

Năm 1963, sau khi hoàn thành phim *Con chim vành khuyên* và đi dự Liên hoan phim Quốc tế Căclôvi Vari (Tiệp Khắc) về, tôi lại được phân công làm ngay bộ phim Vũ kịch *Ngọn lửa Nghệ Tĩnh*. Lúc ấy, tôi đang là đạo diễn của Xưởng phim Quân đội. Để thực hiện bộ phim vũ kịch đầu tiên này, chúng tôi được sự giúp đỡ tận tình của các bạn Trung Quốc. Cả đoàn làm phim đã sang Bắc Kinh, tới xưởng phim Bát Nhất và thực hiện từ khâu quay đến dựng phim, lồng tiếng, làm âm nhạc ở đó.

Sau khi phim hoàn thành mang về nước, một vinh dự to lớn đã đến với chúng tôi. Tôi được mang phim vào Chủ tịch phủ chiếu cho Bác Hồ xem.

Xem phim xong, Bác vẫy chúng tôi lại, cười hỏi:

- Các cô chú đã gửi thư thăm sức khỏe và cảm ơn các bạn chưa?

Chúng tôi đều đáp:

- Thưa Bác! Có rồi ạ!

Sau đó, Bác tươi cười rút túi lấy ra năm cái huy hiệu của Người, trao cho năm người trong đoàn chúng tôi. Khi ấy, chúng tôi vô cùng xúc động, đến nỗi tới bây giờ, tôi không nhớ được mình đã nói lời cảm ơn với Bác như thế nào!

Năm 1975, đất nước hoàn toàn thống nhất. Một ngày đầu tháng 4 tôi đã được trở về thành phố Đà Nẵng quê hương sau gần tròn 30 năm xa cách. Việc đầu tiên là tôi tìm về thăm nhà, xem gia đình tôi ai còn, ai mất. Khi tôi ra đi (1946) gia đình tôi còn ở Sân vận động Thành phố, nhưng khi tôi trở về, gia đình tôi đã chuyển đi nơi nào khác, tôi không rõ. Tôi đeo ba lô tới Ban

quân quản Thành phố, hỏi thăm và được chỉ về một khu nhà ở gần chợ Mới. Lúc bấy giờ gia đình tôi đều đi sơ tán cả, chỉ còn lại cha tôi ở nhà cùng một người cháu. Ông bị ốm khá nặng, nằm thêm thiếp trên giường đã nhiều ngày. Trên chiếc bàn con đặt cạnh giường ông, có một lá thư ông viết sẵn, để gửi cho tôi. Nội dung vắn tắt thế này thôi: "Trong suốt thời gian anh đi làm cách mạng, cha và gia đình đã nghe lời anh, làm những điều tốt cho dân cho nước". Tôi được biết trong những năm tháng tôi xa nhà, cha tôi đã tham gia công tác bảo vệ cán bộ và du kích địa phương. Sau này cha tôi được Chính phủ khen tặng Huân chương.

Đêm hôm đó, biết tôi về tới nhà, cha tôi nhồm dậy trên giường và người như tỉnh ra. Câu đầu tiên cha tôi hỏi tôi là:

- Anh Đệ đã về đó à? (tên ở nhà của tôi là Đệ). Tôi chỉ kịp cầm lấy tay ông thì ông đã chìm vào một giấc ngủ rất sâu.

Ngày hôm sau, ông tỉnh dậy, khoẻ khoắn như người chưa từng ốm đau trước đó và trò chuyện với tôi. Ông hỏi han tôi rất nhiều chuyện, nhưng nhiều nhất là những chuyện về Bác Hồ. Ông nói:

- Con biết không, Bác Hồ là một vị Bồ Tát đó!

Thấy tôi chưa kịp hiểu, ông nói thêm:

- Những người thiện tâm và quảng đại như Bác đều là Bồ Tát cả đấy! Những năm ra Bắc, anh làm việc ra sao, có được khen thưởng gì không, có được gặp Bác Hồ không?

Nghe cha hỏi vậy, tôi liền nhớ tới tấm huy hiệu mà Bác Hồ đã trao cho tôi từ năm 1963 mà tôi luôn mang theo bên người như một bảo bối suốt những năm kháng chiến. Tôi lấy tấm huy hiệu của Bác Hồ ra và đưa cho cha:

- Con được tặng khá nhiều giải thưởng, nhưng đây là giải thưởng mà con quý nhất.

Cha tôi cầm tấm huy hiệu Bác Hồ ngắm nghía hồi lâu và tôi cảm thấy ông cũng xúc động nghẹn ngào như tôi mấy chục năm về trước. Mãi sau ông mới nói:

- Anh để lại tấm huy hiệu này ở nhà cho cha được không?

- Thừa cha được ạ! Con xin tặng lại cha!

Bây giờ, tấm huy hiệu Bác Hồ vẫn còn nguyên trên bàn thờ cha tôi.

Cũng trong lần gặp gỡ ấy, tôi được biết một chuyện thật cảm động về cha tôi. Trong gia đình tôi khi nào cũng có một bàn thờ Phật vì gia đình tôi theo đạo Phật. Phía sau một bức tranh tượng lớn mang hình Quan Thế Âm Bồ Tát, cha tôi có đặt giấu một tấm ảnh Hồ Chủ tịch. Như vậy trong suốt mấy chục năm kháng chiến, cha tôi có thể vừa tụng kinh niệm Phật, vừa có thể hướng về Bác Hồ mà khẩn cầu những điều ông ngưỡng vọng và mong mỏi.

Có thể vì đất nước đã hoà bình thống nhất, có thể vì tôi đã trở về, nhưng cũng rất có thể vì tấm huy hiệu của Bác Hồ luôn đặt trang trọng trên bàn thờ mà cha tôi đã sống thêm được bốn năm sau ngày giải phóng. Cụ mất khi tròn 82 tuổi. Với tôi, cha tôi là một tấm gương về lòng nhân hậu, luôn thương yêu người khó, người nghèo. Về phần tôi, tôi còn nhiều nhược điểm. Tôi muốn học nhiều điều ở ông nhưng không thể nào học hết. Tôi cố gắng học được một điểm, đó là lòng thương người nghèo, người khó. Mỗi lần cầm một số tiền lớn của trên giao làm phim, tôi thường nghĩ ngay tới những bà già nhặt rác, nhặt giấy vụn thường đi ngang qua nhà tôi. Tôi nghĩ, nếu mình làm hoang phí hay tham ô một phần trong số tiền này thì có khác nào mình đi móc túi những người đàn bà nghèo khổ kia. Suốt cuộc đời làm phim, có phim hay phim dở, có thành công và cũng có thất bại, có niềm vui và những nỗi buồn, nhưng tôi dám đảm bảo chắc chắn rằng: tôi chưa hề tham ô đến một đồng xu tiền làm phim của Nhà nước.

Tấm huy hiệu Bác Hồ đã luôn nhắc nhở tôi điều ấy và cả cha tôi cũng luôn nhắc nhở tôi điều ấy.

NHỮNG LỜI BÁC DẠY

PHẠM VĂN KHOA

Tôi có một niềm hạnh phúc rất lớn là được gặp và làm việc bên Bác Hồ vào những ngày đầu Cách mạng tháng Tám và những tháng đầu năm 1950. Những kỷ niệm sâu sắc khi được sống bên Bác không bao giờ tôi quên được.

Hồi đầu Cách mạng tháng Tám, Hà Nội chuẩn bị đón quân Đồng minh vào tiếp thu vũ khí của bọn phát-xít Nhật đầu hàng. Các đồng chí ở Văn hoá cứu quốc trao trách nhiệm cho đồng chí Nguyễn Huy Tường và tôi phụ trách các khẩu hiệu treo ở đường phố. Thủ đô Hà Nội trong những ngày ấy rợp màu đỏ của cờ và khẩu hiệu. Các khẩu hiệu trên băng đỏ, chữ vàng chói lọi bằng các thứ tiếng Việt, Nga, Anh, Pháp với nội dung:

"Nước Việt Nam của người Việt Nam!"

"Độc lập hay là chết!"

"Hoan hô những người giải phóng cho chúng ta!"

Một hôm, Nguyễn Huy Tường cùng đi với tôi trên các hè phố Hà Nội, anh cười bảo tôi: "Khoa này, những khẩu hiệu và cờ như choàng cho Thủ đô chiếc áo ngày cưới".

Đến tối, chúng tôi được biết Bác Hồ chỉ thị phải bỏ khẩu hiệu: "Hoan hô những người giải phóng cho chúng ta!". Bác bảo: Cách mạng tháng Tám do Đảng ta lãnh đạo chúng ta đấu tranh gian khổ với thực dân Pháp và phát-xít Nhật để giành lại chính quyền, giành lại độc lập tự do cho Tổ quốc, chứ có ai đến giải phóng cho chúng ta đâu mà các chú làm khẩu hiệu "Hoan hô những người giải phóng cho chúng ta".

Nguyễn Huy Tường và tôi ngay đêm hôm ấy mượn cái xe cam-nhông của Toà Thị chính Hà Nội để đi các phố gỡ những khẩu hiệu non yếu về chính trị của chúng tôi.

Bác Hồ của chúng cháu! Chúng cháu nhớ mãi kỷ niệm này của đời một người cán bộ cách mạng: Độc lập, Tự do không nhờ ai đem đến cho mình được. Phải có Đảng lãnh đạo, phải đem xương máu của dân tộc mình ra giành lấy và bảo vệ lấy.

Sau đó, tôi được Đảng điều đến làm việc ở văn phòng Bác. Hôm đến làm việc với Bác, một cử chỉ rất thân mật của Bác làm tôi xúc động, nước mắt cứ trào ra. Bác để tay lên vai tôi, và một tay Bác cài chiếc khuy cổ áo sơ-mi cho tôi. Tôi ăn mặc cũng chỉnh tề lắm, nhưng chiếc khuy cổ áo quên không cài. Bác bảo: "Chú làm công tác với các người nước ngoài phải nhớ ăn mặc cho tươm tất". Lời nói của Bác như một người cha dạy đứa con nhỏ. Năm ấy tôi đã ba mươi tuổi và cho đến ngày nay và mãi mãi, mỗi khi nghĩ đến cử chỉ thân mật của Bác Hồ, tôi vẫn giữ niềm vui như một đứa trẻ nhỏ được người cha già chăm nom săn sóc cho từng ly từng tí.

Những ngày đầu Cách mạng tháng Tám, bao nhiêu khó khăn gian khổ: giặc ngoài thù trong giờ đủ trò đủ quẻ, ra sức phá hoại cách mạng. Trong những ngày sóng gió như thế, Bác Hồ đã vững tay lái, đưa dân tộc ta qua bao nổi khó khăn, hiểm nghèo. Tôi nhớ hồi đó, một buổi sáng, đồng chí T. lại đến báo cáo tình hình với Bác. Bọn giặc làm lắm điều ức không thể chịu được. Bọn phản động trong nước cũng ra sức hoành hành. Đồng chí T. gặp nhiều khó khăn quá cũng phải lắc đầu. Bác Hồ bình tĩnh bảo: "Cái đầu của chú trong lúc này không được lắc. Để giành được cái to lớn và quý báu, tạm thời chúng quấy nhiễu đòi hỏi gì cũng phải gật".

Câu nói của Bác đến nay tôi vẫn nhớ như in. Bác đã dạy cho những người yêu nước một nhân sinh quan cách mạng: nếu cứu được nước thì dù bao nhiêu cay đắng cũng phải chịu. Càng

nghĩ đến câu nói ngày ấy của Bác, cháu càng thấy thấm thía lời Bác dạy ngày nay: Không có gì quý hơn Độc lập, Tự do.

Năm 1950, tôi lại có dịp được Đảng giao cho đi công tác bên Bác Hồ. Trong khi đi đường Bác hỏi tôi: Chú Khoa làm công tác văn nghệ có thuộc *Chinh phụ ngâm* không? Tôi trả lời: Thưa Bác, cháu thuộc từng đoạn thôi ạ.

Bác bảo tôi: "Làm công tác văn nghệ mà không tìm hiểu sâu vốn của dân tộc thì không làm được đâu". Và từ hôm ấy trong khi đi đường, mỗi buổi sáng, Bác dạy tôi bốn câu trong *Chinh phụ ngâm*, buổi chiều Bác bảo tôi đọc lại, rồi Bác lại dạy tôi bốn câu tiếp. Cứ thế trong mấy chục ngày đường đi bộ, Bác dạy tôi thuộc lòng cuốn *Chinh phụ ngâm* từ đầu đến cuối.

Thỉnh thoảng Bác lại hỏi tôi xem có hiểu nghĩa câu văn cho thực sâu không, và Bác bảo tôi ngâm những đoạn Bác thích. Thỉnh thoảng Bác động viên tôi: "Giọng chú ngâm cũng khá đấy!". Hai Bác cháu cùng cười. Bác bảo: "Đi đường ngâm nga như thế vừa vui vừa quên cái mệt". Bác đi bộ khoẻ lắm. Có giờ Bác đi tới sáu cây số. Trên những quãng đường vắng của núi rừng Việt Bắc, một ông già mặc bộ quần áo chàm, đầu đội chiếc nón, vai khoác chiếc túi vải xanh trong đựng một cuốn sổ tay, một hộp thuốc lá, một chiếc bật lửa và một chiếc khăn mặt, đó là hình ảnh Hồ Chủ tịch đi bộ hàng chục ngày đường trèo đèo, lội suối để làm việc cho Tổ quốc trong những ngày lịch sử vô cùng trọng đại của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Bác Hồ đã vĩnh biệt chúng ta! Bác ơi! Ngồi viết lại những dòng hồi ký này trong đêm khuya tĩnh mịch, nước mắt cháu trào ra vì đau thương, vì nhớ Bác. Những ngày cháu được công tác bên Bác, cháu đã được nghe Bác kể chuyện những ngày Bác bị tù trong tay bọn Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch. Cả cuộc đời Bác là của giai cấp, của dân tộc, của Tổ quốc. Bác đã dạy dỗ cháu, dắt dìu cháu. Mỗi lần chúng cháu làm xong một phim

và được vinh dự đem vào chiếu để Bác xem, Bác chỉ cho chúng cháu: người làm công tác nghệ thuật phải làm thế nào phục vụ nhân dân được tốt, phải làm gì cho xứng đáng là nghệ sĩ cách mạng.

Chúng cháu nguyện nghe theo lời Bác, cố gắng đấu tranh với bản thân mình, trau dồi đạo đức cách mạng, trau dồi nghệ thuật để xứng đáng đứng trong hàng ngũ những người nghệ sĩ cách mạng, dưới ngọn cờ của Bác.

Đêm 4-9-1969

TÁC GIẢ NHỮNG THUỐC PHIM VÔ GIÁ VỀ BÁC HỒ Ở CHIẾN KHU VIỆT BẮC

TRẦN HIẾU

Nhà quay phim muốn “ghi lại hình ảnh Bác Hồ để về chiếu cho đồng bào miền Nam” là cụ Nguyễn Thế Đoàn. Năm 2007, cụ đã 97 tuổi, sống trong căn nhà nhỏ trên gác ở góc đường Sương Nguyệt Ánh - Tôn Thất Tùng (Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh).

Sức khỏe của cụ khá tốt nhưng chân hơi yếu nên đi đứng rất khó khăn. Chị Thu Lan, con gái cụ đỡ cụ đi trên xe vịn tay cho biết: "Nhờ ăn chay trường nên sức khỏe ba tôi tốt, tinh thần còn sáng suốt, minh mẫn. Sáng nào cũng đọc hai tờ báo *Nhân dân* và *Sài Gòn giải phóng*. Nhưng nhà báo nói chuyện chừng 30 phút thôi, để cụ nghỉ...".

Cụ tên thật là Nguyễn Văn Nghiệp, sinh năm 1911 tại xã Tân Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, cụ được giao nhiệm vụ phụ trách công an và là Huyện uỷ viên lâm thời Rạch Giá - Kiên Giang và An Biên - Kiên Giang.

Năm 1947, Nguyễn Thế Đoàn (tên mới của cụ) được học lớp huấn luyện chính trị cùng nhiều cán bộ cốt cán như ông Ung Văn Khiêm, Võ Văn Kiệt, Phan Trọng Tuệ...

Học xong, cụ được tổ chức điều về Chắc Băng mở lớp dạy nhiếp ảnh cho bộ đội và các tỉnh trong Quân khu 9.

Cũng thời điểm này, tên tuổi Nguyễn Thế Đoàn, Mai Lộc, Khương Mỹ, Lê Minh Hiền, Tô Cương, Nguyễn Hiền, Nguyễn Phụ Cẩn, Vũ Sơn được ghi nhận là những nhà quay phim đầu tiên của điện ảnh Nam Bộ và điện ảnh cách mạng Việt Nam.

Năm 1951, Trung ương Đảng tổ chức Đại hội Đảng lần II tại chiến khu Việt Bắc, Quân khu 9 quyết định cử nhà quay phim Nguyễn Thế Đoàn cùng họa sĩ Lê Minh Hiền ra Việt Bắc ghi lại hình ảnh Bác Hồ mang về miền Nam chiếu cho đồng bào chiến sĩ xem để thoả lòng mong đợi.

Nguyễn Thế Đoàn cùng đi trong đoàn khoảng 20 người, trong đó có đồng chí Võ Văn Kiệt, Ung Văn Khiêm, Phan Trọng Tuệ, họa sĩ Diệp Minh Châu và một số cán bộ miền Nam.

Đoàn phải đi bộ ngược qua Campuchia, sang Thái Lan rồi từ đó chia thành hai nhóm đi tàu biển sang Hồng Kông và Hải Nam - Trung Quốc rồi vòng về chiến khu Việt Bắc tham dự đại hội.

Ban tổ chức đã giao Nguyễn Thế Đoàn một máy quay phim hiệu Bell Hoovell và 50 cuộn phim Kodak để ghi hình.

Đại hội Đảng lần thứ II khai mạc ngày 11-2-1951 tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Phải đến ngày thứ ba của Đại hội nhà quay phim Nguyễn Thế Đoàn mới có máy quay nên chỉ quay được từ phiên bế mạc của Đại hội.

Sau đó cụ quay tiếp Đại hội Mặt trận Liên Việt và bắt đầu quay phim về cảnh sinh hoạt đời sống của Bác Hồ ở chiến khu. Các đồng chí lãnh đạo phân công: Nguyễn Thế Đoàn quay phim, Đinh Đăng Định chụp ảnh, Diệp Minh Châu vẽ Bác Hồ.

Cụ nhớ như in lần đầu tiên được đưa đến nhà Bác ở: "Nhà Bác nhỏ như cái chòi đuổi chim ở đồng bằng sông Cửu Long, khi chưa đến tui cứ tưởng Bác ở nhà lớn lắm.

Chừng đến rồi chúng tôi nhìn cái nhà mà nước mắt muốn trào ra. Trước đây, Bác nằm trên gác nhà sàn. Các anh bảo vệ kê

lại: Đêm đến có cốp vào, nên Trung ương mới cho làm hàng rào bảo vệ bằng tre đan chéo cao khoảng 2 mét.

Có lần Bác ngủ, một con rắn to khoanh tròn nằm bên. Bác thức giấc nhìn thấy không đuôi mà bỏ đi qua chỗ khác ngủ. Bác nói với anh em bảo vệ: "Rắn cũng như người, cũng thèm hơi ẩm đó mà".

Buổi sáng Bác dậy sớm tập thể dục, Bác đi đường Thái cực quyền và dạy chúng tôi các thế võ.

Bác bảo anh Lê Minh Hiền làm mẫu đóng vai đối phương tấn công. Bác gạt anh Hiền ngã lăn quay mấy lần. Tôi đã quay được những thước phim vô giá này".

Chuyện kể một lần, Nguyễn Thế Đoàn, Lê Minh Hiền, Đinh Đăng Định, Diệp Minh Châu áy náy khi thấy Bác ăn mặc quần áo màu chàm giản dị quá, sợ khi mang về Nam chiếu lên đồng bào cảm thương, xúc động hoặc chê trách người quay phim không biết chọn cảnh...

Khó khăn lắm các anh mới rụt rè đề nghị Bác mặc bộ kaki đại cán để quay hình cho đẹp.

Ai ngờ Bác nói: "Bác như thế nào các chú cứ thế mà quay". Lâu lâu anh em lại xin Bác mặc bộ đại cán, thấy anh em năn nỉ mãi, Bác cũng có đôi lần đồng ý.

Một lần anh em trong tổ làm phim xin phép Bác quay thêm một số cảnh về đời sống hàng ngày của Bác, Bác vui vẻ nói: "Thôi, đời sống của Bác lúc này không quan trọng bằng đời sống của nhân dân".

Tổ làm phim của Nguyễn Thế Đoàn theo Bác rất nhiều ngày, quay được nhiều cảnh sinh hoạt, làm việc, công tác của Bác như: Bác đánh máy chữ, Bác vác cuốc ra vườn trồng rau...

Nguyễn Thế Đoàn rơi nước mắt khi thu vào ống kính hình ảnh vị lãnh tụ dân tộc lội suối, tự tay giặt quần áo, rồi phơi trên

cây que đề che nắng trên đường về. Bác giải thích với đồng chí cán bộ đi cùng: "Như thế để quần áo chóng khô thôi, cháu ạ".

Những thước phim vô giá về hình ảnh Bác băng rừng, cưỡi ngựa, kiểm tra kho vũ khí, thăm dân công, giảng bài,... đã được Nguyễn Thế Đoàn và Lê Minh Hiền ghi lại, sau đó mang sang Trung Quốc để tráng phim tổng cộng 50 cuộn.

Khi xem những thước phim này, Bác tỏ ý hài lòng và khen: "Cháu quay rất thật, Bác vừa ý lắm". Ngày đoàn cán bộ miền Nam trở về Nam Bộ, Bác ân cần dặn dò nhiều điều và tặng cho Nguyễn Thế Đoàn bức ảnh chân dung có chữ ký của Bác.

Lúc chia tay, Nguyễn Thế Đoàn xin phép được hôn Bác từ biệt để bày tỏ lòng kính yêu, kính trọng nhất với vị lãnh tụ.

Bác xúc động bảo: "Nụ hôn này Bác không chỉ dành riêng cho cháu mà còn dành cho chiến sĩ đồng bào miền Nam đang anh dũng đấu tranh với kẻ thù".

Kể đến việc này, dù đã 56 năm trôi qua, nhưng mắt cụ Đoàn cũng long lanh nước vì xúc động. Cụ ngồi lặng im khá lâu.

Kết thúc những ngày không thể nào quên bên cạnh Bác Hồ tại chiến khu Việt Bắc, Nguyễn Thế Đoàn và Lê Minh Hiền lội bộ ròng rã 18 tháng trời để mang phim về với đồng bào Nam Bộ đang mong chờ nhìn thấy Bác từng ngày.

Lần đầu tiên đồng bào, chiến sĩ Nam Bộ được thấy hình ảnh Bác Hồ kính yêu - vị cha già dân tộc giản dị, gần gũi mà vô cùng thiêng liêng.

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, Nguyễn Thế Đoàn tham gia Ủy ban liên hợp đình chiến và tập kết ra Bắc, làm việc tại Hà Nội.

Vốn làm nghề nhiếp ảnh, tại bến Sông Đốc - Cà Mau, cụ còn chụp được một số bức ảnh chia tay ngày tập kết. Đây là một trong những bức ảnh hiếm hoi của thời kỳ lịch sử này.

Sau này cụ được cử đi học về phim ảnh ở Đông Đức, Tiệp Khắc. Đất nước thống nhất, cụ về sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh với hai cô con gái.

Nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Bác, điện ảnh Việt Nam cho ra đời cuộn phim "Hồ Chí Minh - Chân dung một con người" của đạo diễn - NSND Bùi Đình Hạc.

Bộ phim đã thật sự gây xúc động mạnh với các thế hệ người Việt Nam và bạn bè quốc tế. Trong phim, hầu hết tư liệu về Bác ở chiến khu Việt Bắc là của nhà quay phim Nguyễn Thế Đoàn.

Lần theo dấu lịch sử điện ảnh Việt Nam, chúng tôi gặp những dòng như: "Sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, hoạt động điện ảnh được tổ chức đầu tiên tại các chiến khu Nam Bộ.

Năm 1947, điện ảnh Khu 8 bắt đầu hoạt động, tiếp đến là "tổ xi-nê Quân khu 9", điện ảnh Khu 7 cũng được thành lập.

Các nhà điện ảnh đầu tiên như Mai Lộc, Khương Mễ, Nguyễn Thế Đoàn... phải lặn lội lên Sài Gòn mua máy móc, phim nhựa, hoá chất, tổ chức quay phim ngay tại các chiến trường và trong chiến khu.

Dùng guồng tự tạo in tráng phim trong buồng tối đặt trên các ghe xuống lưu động, dưới hầm sâu hoặc trong những cái lu to".

Những điều này đã được ông Đặng Ngọc Trác (tức Võ Quang Anh) - Nguyên Bí thư Khu uỷ Quân khu 9 và Phó Tư lệnh BTL lực lượng khu miền Tây xác nhận.

Nhà quay phim Nguyễn Thế Đoàn được coi là một trong những người khai sinh ra Điện ảnh Quân khu 9 và là một trong những bậc tiền bối của Điện ảnh Nam Bộ.

Năm 2009, ông được Nhà nước trao Huân chương Độc lập hạng Nhì. Tuy nhiên, ông vẫn thường nói: "Phần tôi, tôi có phần thưởng lớn nhất, quý nhất đời, đó là hai tháng sống bên Bác Hồ và được quay phim về Bác. Chính Bác dạy chúng tôi: Lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của mọi người..."

BÁC LÀM VĂN NGHỆ

TRÀ GIANG

Hồi còn nhỏ, ở miền Nam, mỗi khi nghe các cô, các chú hoặc bà tôi kể chuyện Bác Hồ thì dù đang ham chơi hay làm bất cứ việc gì, chúng tôi cũng kêu nhau lại, chạy đến xúm quanh người lớn và chăm chú lắng nghe như nuốt lấy từng lời. Đã có lần, chúng tôi bàn nhau viết một lá thư ra Bắc mời Bác vô thăm miền Nam để chúng tôi được tận mắt thấy Bác, nhưng rồi mong mãi... "Bác ở xa lắm, các con cứ chịu khó chăm học, ngoan ngoãn, nhất định có ngày Bác sẽ vô". Ba tôi nghe chuyện phì cười và dặn chúng tôi như vậy.

Những ngày ra miền Bắc, chưa được gặp Bác nhưng tôi vẫn nhớ lời ba tôi dặn và hy vọng thế nào cũng có ngày đạt được mơ ước đó. Nhưng thật không ngờ, cuối năm 1962, tôi được gặp Bác trong một trường hợp đặc biệt, vượt rất xa mơ ước đó của tôi. Cho đến nay, và mãi mãi về sau này, đó vẫn là niềm vui sướng, vinh dự quá lớn đối với tôi và mỗi lần nhớ lại, tôi không khỏi bồi hồi, xúc động.

Lần ấy, tôi được đi dự Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ ba. Được đi dự Đại hội Văn nghệ toàn quốc, đối với một diễn viên mới bước vào nghề như tôi đã là một điều vô cùng phấn khởi, lại thêm hy vọng sẽ được gặp Bác ở Đại hội, làm tôi cứ náo nức không yên. Ngày 1 tháng 12 là ngày cuối cùng của Đại hội. Bấy giờ vừa sau giờ nghỉ giải lao, chuông đã rung được mấy phút nhưng lễ tế còn có đại biểu chưa vào hết hội trường. Bỗng ngoài hành lang có tiếng xôn xao rồi có tiếng reo "Bác đến! Bác đến!". Chỉ một loáng, cả hội trường ào lên như sóng. Đồng chí

Trường Chinh nhanh nhẹn đứng dậy ra đón Bác ở cầu thang. Tiếng reo mừng, tiếng hoan hô "Bác Hồ muôn năm!" cứ vang lên cho đến lúc Bác giơ cả hai tay ra hiệu chỉ chúng tôi ngồi xuống và ổn định trật tự để Bác nói chuyện. Người tôi nóng bừng lên, chú Võ Hồng Cương cho tôi một bó hoa mà tôi cứ lúng túng không biết làm gì. Nhiều đại biểu được mang hoa lên tặng Bác và cũng lúng túng không kém. Bác nhìn chúng tôi và hỏi:

- Tặng hoa à? Tặng hoa thì phải nhanh lên chứ?

Cả hội trường lại vang lên tiếng cười reo. Câu nói đầu tiên của Bác làm không khí đại hội vui vẻ, đầm ấm hẳn lên. Chúng tôi cũng phấn khởi, lấy lại bình tĩnh ôm hoa chạy về phía Bác, Bác lại hỏi:

- Không mấy khi được gặp đông đủ thế này. Bác muốn bắt tay tất cả, nhưng không đủ thì giờ. Vậy Bác bắt tay đại biểu thôi. Đại biểu nào cao tuổi nhất nào? - Bác cười và nói thêm - Bác nói tuổi cao nhất, không nói già đâu nhé!

Tiếng cười reo lại vang lên, họa sĩ Nguyễn Phan Chánh chạy lại.

- Đại biểu nào ít tuổi nhất? - Bác hỏi tiếp.

Tôi giật thót mình, vì trong đại hội, tôi được coi là người ít tuổi nhất. Nhưng lúc ấy hình như tôi vẫn chưa dám tin là được Bác gọi. Chú Bảo Định Giang kéo tay tôi dẫn về phía Bác rồi nói:

- Thưa Bác, cháu Trà Giang đây, người miền Nam - trẻ nhất đại hội đấy ạ!

Tôi dâng hoa lên Bác mà chân cứ run run, Bác hôn lên trán tôi rồi hỏi:

- Phải cháu là người trẻ nhất đại hội không?

- Dạ - Tôi lí nhí đáp vì niềm vui và xúc động nghẹn ngào.

- Trẻ mà có thành tích thì cháu càng phải chăm học và nhất là phải hết sức khiêm tốn.

- Dạ - Tôi chỉ biết đáp vậy, nước mắt muốn trào ra. Trong giây phút đó, lời căn dặn của Bác, tôi thấy thấm thía vô cùng. Tôi nhớ đến nội, đến bà con, cô bác và các bạn tôi đang ở miền Nam. Tôi đã có thành tích gì đáng kể đâu. Bước đầu tuy có chút thành công nhưng nhìn lại, tôi vẫn thấy mình còn yếu nhiều mặt. Thành tích ấy có thấm vào đâu với những hy sinh của bà con, bạn bè, cô bác miền Nam, bao nhiêu năm đấu tranh phá ách kìm kẹp của địch. Thế mà trong đó vẫn chưa ai được thấy Bác Hồ như tôi bây giờ... Lại được nghe Bác nói và được Bác hôn nữa! Trời ôi, lúc này tôi thêm có đôi cánh quá! Tôi sẽ bay vút về trong đó khoe với chúng bạn, tụi nó sẽ điên lên vì sung sướng cho tôi mất, nhất là con Sáng thân yêu của tôi. Giờ này tụi nó ở đâu? Có được đi học không? Có còn nguyên vẹn cả không? Tôi thấy thương và nhớ chúng nó quá.

Bác lại hỏi và bắt tay lần lượt các đại biểu miền Nam, đại biểu miền núi, đại biểu Hoa kiều. Bác lấy một bó hoa tặng lại cho đại biểu Hoa kiều, đồng chí này cảm động quá cũng chỉ "Dạ" như tôi, không nói được gì.

Sau đó, Bác bắt đầu nói chuyện với đại hội. Bác hỏi:

- Có bao nhiêu người tham luận rồi?

- Thưa Bác, chín mươi chín rồi ạ. Một đồng chí đáp.

Bác cười:

- Thế này là vừa đúng một trăm. Nhưng các cô, các chú đừng sợ, có ba trang thôi! Bác cầm tờ giấy giơ lên trước mặt, cả hội trường lại cười reo vui vẻ.

Bác nói tiếp:

- Bác nêu một kinh nghiệm cũ. Trong thời thanh niên - Bác hạ giọng nói thêm - giờ Bác cũng vẫn còn là thanh niên, Bác hoạt động cho Đảng, Bác phải làm nhiều nghề. Làm ảnh, làm bếp. Đây có ai làm bếp không? Cũng có khi Bác làm văn nghệ. Bác có viết một quyển tiểu thuyết, nói thực là một quyển tiểu

thuyết về cách mạng tháng Mười Nga. Bác viết, đồng chí Hồ Tùng Mậu in. In bằng đất. Rồi phát hành bao nhiêu - Một quyển. Mấy quyển nữa thì cần in sát Anh tịch thu hết. May nó tịch thu tiểu thuyết mà không tịch thu được người viết; vì hai anh em (Bác và cụ Hồ Tùng Mậu) đi vắng. Vừa mới đây nghe đồng chí Tổ Hữu nói có xem quyển ấy. Vậy là một quyển tiểu thuyết phát hành được một quyển, được một người xem! Đó là "thành công" về tiểu thuyết của Bác đấy! Bác lại viết một vở kịch đả kích Khải Định, bù nhìn của thực dân Pháp. Thế mới gan chứ. Điếc không sợ súng mà! Viết xong thì Bác phải đi. Sau này "*Câu lạc bộ ngoại ô*" có đem diễn. Thành công, thất bại thế nào, Bác cũng không biết. Đó là "thành tích" Bác viết kịch. Rồi Bác cũng diễn kịch nữa đấy.

Các đại biểu sân khấu và điện ảnh ồn ào vui vẻ. Tôi bật reo lên: "Bác cũng đã có lúc làm diễn viên!", điều ấy đối với chúng tôi thật là thú vị biết chừng nào!

Bác cũng cười và kể tiếp:

- Ở Pháp có một nhóm văn nghệ sĩ tiên bộ. Họ viết một bản kịch đả kích thực dân. Bác sắm một vai, ra sân khấu không đầy một phút. Diễn xong, anh em bắt tay khen: "Đồng chí diễn khá lắm!". Rồi thù lao một cốc cà-phê!

Cả hội trường vỗ tay. Ngừng một lát, Bác nói tiếp:

- Kinh nghiệm thế nào? Trước cách mạng, muốn sống phải lao động chân tay, chứ làm văn nghệ thì ba lần làm văn nghệ, Bác chỉ được uống một cốc cà-phê thôi!

Bác nói chuyện thật giản dị mà rất dễ nhớ. Tôi nhớ nhất những lời Bác nói về sân khấu và điện ảnh dưới thời đất nước ta còn bị nô lệ:

- ...Nghề múa hát là một thứ tiêu khiển cho bọn "ngồi mát ăn bát vàng". Chúng còn khinh rẻ và gọi những nghệ sĩ múa hát là "xương ca vô loại". Hồi đó chỉ có chiếu bóng câm, bọn thực dân Pháp dùng chiếu bóng để bôi nhọ dân tộc ta. Thí dụ, trong

hội chợ ở Mác-xây, ngoài những tranh vẽ lũ công khanh Việt Nam đang lúc nhúc lạy quỳ trước vua bù nhìn cùng chó ngao toàn quyền, khâm sứ, ngoài những công nhân trần trụi kéo xe thuê, còn chiếu phim những bà già ăn trầu, răng đen, những công nhân gầy gò rách rưới, những người đóng khổ đang leo dứa.. Chúng gọi đó là "Hình ảnh An Nam". Rõ ràng dân tộc bị áp bức, thì văn nghệ cũng mất tự do. Văn nghệ muốn tự do thì phải làm cách mạng.

Bác khuyên nhủ và động viên những người làm công tác văn nghệ bây giờ phải cố gắng nhiều vì đã có điều kiện rất thuận lợi để phát triển tài năng. Quần chúng đang chờ đợi những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại vẻ vang của chúng ta. Những tác phẩm ca tụng chân thật những người mới, việc mới, chẳng những làm gương mẫu cho chúng ta ngày nay, mà còn để giáo dục con cháu ta đời sau.

... Bác về rồi mà những xúc cảm của giờ phút được gần Bác vẫn dào dạt trong lòng tôi. Những lời dạy bảo ân cần của Bác vẫn âm vang trong tâm trí tôi. Nếu như trước kia, tôi chỉ biết yêu Bác qua những sách báo mà tôi đã đọc, qua những mẫu chuyện ba tôi và các cô, chú đã kể, những tấm ảnh mà tôi đã chăm chú nhìn từng sợi râu của Bác... thì giờ đây, lòng yêu kính của tôi đối với Bác nhân lên gấp bội, sâu sắc hơn, cụ thể hơn. Bác đã trực tiếp dạy tôi "phải hết sức khiêm tốn". Tôi hiểu, ở công tác của tôi không phải dễ dàng thực hiện tốt lời Bác dạy, nhất là khi tuổi đời và tuổi nghề còn non nớt.

Sống giản dị, khiêm tốn, suốt đời cống hiến cho cách mạng, không suy bì tính toán cho cá nhân mình... đấy là bài học rất lớn đối với tôi qua cuộc đời của Bác. Bài học này tôi càng thấm thía hơn khi được gặp Bác lần thứ hai.

Lần ấy, sau Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ ba khoảng một năm, tôi lại có may mắn lớn là được cùng với một số bạn vào thăm nơi Bác ở. Điều làm chúng tôi yên tâm và mừng nhất

là thấy Bác vẫn khỏe, da Bác vẫn hồng hào, mọi cử chỉ của Bác đều nhanh nhẹn, dứt khoát.

Khi anh Kỳ giới thiệu đến tôi thì Bác gật đầu bảo nhớ rồi. Bác gọi tên tôi và hỏi:

- Đạo này cháu làm gì?
- Dạ thưa Bác, cháu được đi học lớp lý luận nghiệp vụ ạ.
- Không tự kiêu chứ?
- Dạ thưa Bác, không ạ.
- Thế là tốt!

Bác cười, xốc lại chiếc áo khoác ở vai và dặn tiếp:

- Các cháu còn trẻ, phải chịu khó học và nhất là phải hết sức khiêm tốn học kinh nghiệm tốt của những người đi trước.

- Dạ - Tất cả chúng tôi đều "dạ" và chăm chú nhìn không bỏ sót một cử chỉ nào của Bác. Bác cho chúng tôi kẹo và bảo chúng tôi đi xem phim. Thật sung sướng cho tôi, khi xem phim, tôi được ngồi gần Bác. Suốt buổi chiếu, thật ra tôi chẳng xem được mấy vì phần nhiều là nhìn Bác. Tôi có cảm giác là tuy Bác vẫn khỏe, nhưng tóc Bác có bạc thêm nhiều. Nhớ lại những lần Bác nhắc đến miền Nam: "Miền Nam ở trong tim tôi", "Ngày nào Tổ quốc chưa thống nhất, Bắc Nam chưa sum họp một nhà thì tôi còn ăn chưa ngon, ngủ chưa yên", lòng tôi cứ nao nao vì thương Bác. Bác vẫn chăm chú ngồi xem, thỉnh thoảng lại hỏi chuyện tôi. Tôi nhớ hôm ấy có chiếu một bộ phim tài liệu của Liên Xô. Khi trên màn ảnh xuất hiện cảnh đại hội ở điện Krem-lanh thì Bác nói với tôi:

- Công trình xây dựng của nhân dân Liên Xô thật vĩ đại, phải không cháu?

- Dạ - Rồi tôi khoe với Bác - mới vừa qua, đi dự Đại hội liên hoan điện ảnh quốc tế ở Mát-xcơ-va, cháu đã được đặt chân đến cung điện lịch sử này.



Bác Hồ tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ 3 (1962)

Ảnh: Đinh Đăng Định

Bác gật đầu hỏi:

- Thế cháu có thích không?

- Dạ thích - Rồi tôi lại nói luôn với Bác cái cảm giác ngỡ ngàng, có phần tự ti của một người mới ra nước ngoài lần đầu, đứng trước đám đông của gần năm mươi nước đến dự lễ khai mạc đại hội. Quả tình đối với tôi lúc đó, cái gì cũng mới lạ, ngỡ ngờ: những công trình kiến trúc đồ sộ, những cảnh bài trí choáng lộn, những kiểu ăn mặc đủ màu sắc mới lạ... Lúc ấy trên màn ảnh cũng hiện ra quang cảnh đại hội, có cả tôi trong đó. Bác hỏi:

- Họ sang hả cháu?

- Dạ thưa Bác, họ sang và diện lắm Bác ạ. Còn mình thì chẳng có gì. Hôm khai mạc đại hội, người đông mà họ mặc sang trọng quá, cháu cứ thấy ngượng ngượng thế nào ấy...

Bác trả lời tôi và mắt vẫn không rời màn ảnh:

- Sao lại ngượng? Chúng ta còn nghèo nhưng dân tộc rất đáng tự hào.

Cho mãi đến sau này, mỗi lần nghĩ lại, tôi vẫn còn thấy ân hận không hiểu sao lúc ấy mình lại nói với Bác điều ấy. Chắc rằng tôi chỉ thú nhận một tâm trạng có thật, nhưng cái đó đối với tôi cũng chỉ thoáng qua thôi, tại sao phải để Bác bận tâm vì một chuyện như thế? Khi ra về, thấy nét mặt Bác vẫn rất vui, tôi mới hơi yên lòng, nhưng tôi vẫn không thể tha thứ cho mình sự thiếu sót trên. Tôi đặt quyết tâm phải luôn luôn định ninh nhớ lời Bác dạy, học tập lối sống giản dị và đạo đức cách mạng lớn lao của Bác. Vì xét cho cùng, ý nghĩ trên của tôi chứng tỏ đã có lúc tôi muốn buông lỏng mình theo những cảm dỗ bề ngoài rất không đúng lúc. Lời nhắc nhở của Bác đã cho tôi một bài học vô cùng thấm thía.

Giờ đây, đứng trước sự nghiệp thiêng liêng chống Mỹ, cứu nước của toàn dân tộc, tôi thấy mình còn bao nhiêu việc phải làm. Không được ở quê hương trực tiếp cầm súng cùng bà con,

cô bác bạn bè bắn vào đầu giặc; cũng không được tham gia các công việc phục vụ chiến đấu giải phóng quê hương; nhưng ở vị trí công tác của mình ngoài này, tôi sẽ cố gắng làm thật tốt nhiệm vụ mà Đảng, Bác kính yêu đã giao cho tôi. Tôi hiểu muốn làm một diễn viên tốt thì trước hết phải là một người công dân tốt, phải có đạo đức xã hội chủ nghĩa, có tình cảm cách mạng thật sự và phải luôn học tập, rèn luyện để nâng cao nghiệp vụ.

Khó khăn lớn nhất đối với tôi hiện nay là vốn sống.

Làm sao mỗi nhân vật thể hiện ra đều mang được nhịp đập và hơi thở của thời đại, xứng đáng với miền Nam, với dân tộc ta anh hùng đang làm nên những năm tháng lịch sử này? Những lời căn dặn và sự săn sóc ân cần của Bác, lòng mong mỏi, hy vọng của ba má, của bạn bè... luôn thôi thúc tôi.

Tôi muốn, bằng việc làm thực tế, bằng những nhân vật thể hiện, tôi gởi gắm vào đó tất cả những suy nghĩ nung nấu, lòng căm thù sâu sắc cũng như niềm yêu thương, mong nhớ vô hạn và cả những ước mơ cháy bỏng mà tôi hằng ấp ủ...

Tôi muốn, qua đó thừa với Bác lời hứa quyết tâm và lòng biết ơn chân thành của tôi đến Bác kính yêu.

Tôi muốn qua đó gởi về ba tôi, các bạn, các cô, các chú, anh chị và các bạn tôi đang chiến đấu ở miền Nam tất cả tấm lòng của một đứa con xa nhà, nhưng không lúc nào quên nỗi đau chia cắt, không quên lời hứa lúc ra đi và nguyện làm hết sức mình để xứng đáng với những hy sinh của bà con trong ấy...

BÁC HỒ ĐẾN THĂM TRƯỜNG ĐIỆN ẢNH

NGUYỄN NGỌC TRUNG *kể*

Ngày đó trường điện ảnh còn đặt ở ngôi nhà số 7 Trần Phú, nay là Xưởng phim hoạt hình Việt Nam.

Hơn ba tháng sau khi khai giảng trường, vào ngày 10-2-1960, học sinh lớp đạo diễn, diễn viên đang học mùa.

Xe đưa Bác đi thẳng vào sân ngôi nhà số 7 Trần Phú.

Sự xuất hiện của Bác quá đột ngột và vượt quá mơ ước của mọi người. Các học viên chạy ùa ra, đứng quanh xe của Bác, mừng vui đến trào nước mắt: "Bác đến! Bác đến!".

Chờ cho làn sóng vui mừng lắng xuống, Bác đưa mắt trìu mến nhìn khắp một lượt thân mật như người cha ở giữa đàn con. Các diễn viên lúc đó tuổi chỉ chừng mười bảy, mười tám, riu rít như chim.

Bác hỏi luôn:

- Phi Nga đâu?

Thật khó mà diễn tả được tình cảm của anh chị em lúc đó. Riêng đối với Phi Nga, lấy gì đo được hết nỗi sung sướng của chị khi được Bác ân cần nhắc đến tên. Hồ Chủ tịch, bận trăm công nghìn việc, vẫn nhớ đến tên một diễn viên đóng vai Hoài trong phim *Chung một dòng sông*. Còn sự động viên nào lớn hơn khi được Bác trực tiếp hỏi tới mình.

Lúc đó, Phi Nga đang đứng ở vòng ngoài. Nghe Bác gọi, mọi người nhường lối cho Phi Nga đến gần Bác.

Rồi Bác xem các học viên làm trích đoạn. Bác dừng lại giữa một toán khác đang tập múa ba-lê.

Bác nhìn mọi người, cười hiền hậu và hỏi:

- Các cháu đang tập môn gì?

- Dạ thưa Bác, giờ này chúng cháu đang tập vũ ạ.

Bác cười hóm hỉnh:

- "Vũ" là gì nhỉ?

Biết Bác muốn nhắc mọi người về cách nói năng sao cho dễ hiểu, một đồng chí vội thưa:

- Dạ, thưa Bác là tập múa ạ.

- Ủ, thế sao không gọi là múa cho dễ hiểu? - Rồi Bác lại hỏi:

- Về chuyên môn các cháu học như thế nào? - Xuân Tạc trả lời Bác:

- Thưa Bác, sau phần học lý thuyết, chúng cháu tập "tiểu phẩm" ạ.

- Cháu nói cái gì?

Biết mình lại lỡ lời, Xuân Tạc vội chữa lại:

- Dạ thưa Bác tập những trích đoạn ạ.

Bác lại cười. Không khí đầm ấm, thân mật quá!

Mọi người múa cho Bác xem, chân bước, tay cử động mà tâm trí thì dồn cả vào Bác.

Anh Nguyễn Ngọc Trung, Hiệu phó, báo cáo với Bác về tình hình học tập.

Bác vừa nghe, vừa gật đầu. Sau đó Bác nói:

- Bác đến thăm các cháu. Chúc các cháu học tập có kết quả. Bây giờ Bác về...

Mọi người lại quây lấy Bác, theo Bác ra xe. Ai cũng cảm thấy sung sướng về những giây phút ngắn ngủi được sống bên Bác. Ở Bác toát ra một cái gì làm cho không khí trở lên đầm ấm, thân mật và thoải mái lạ thường.

Kể từ lúc Bác đến thăm đến lúc Bác đi, mọi sự việc chỉ diễn ra trong vòng độ mười lăm phút. Nhưng mười lăm phút quý báu đó Bác đã để lại cho mọi người những kỷ niệm không bao giờ phai nhạt.

TRẦN HẢI ghi

BÁC HỒ ĐÓNG PHIM

ĐỨC LƯU *kể*

Tháng 6-1969, tôi và Tuệ Minh được nhóm làm phim của Đảng Cộng sản Nhật Bản mời đóng phim "Việt Nam chống Mỹ". Tôi rất vinh dự và xúc động khi được một đoàn làm phim nước ngoài mời đóng. Tôi càng vinh dự và xúc động hơn vì biết được cùng đóng phim với Bác Hồ kính yêu.

Nhóm làm phim sang ta khi Bác Hồ vừa qua một trận ốm. Hôm tôi gặp Bác, hai mí mắt của Bác đang mọng. Người thở hắt hắt, hai tay nắm lại cho khỏi run. Đồng chí Vũ Kỳ nói với chúng tôi là đồng chí đã đề nghị Bác chưa nên đóng phim ngay vì sức khỏe của Bác còn yếu. Nhưng Bác gạt đi, Bác nói: "Đây là bộ phim của Đảng Cộng sản Nhật quay. Tôi đóng được. Các đồng chí đừng lo".

Tôi và Tuệ Minh cùng một số các cháu thiếu nhi đến gặp Bác ở Phủ Chủ tịch. Bác mặc bộ quần áo đùi màu mỡ gà giản dị. Bác bảo bộ quần áo đó do đồng bào tỉnh Thái Bình gửi tặng. Bác rất thích mặc. Gặp Bác, các cháu thiếu nhi quây quần bên Bác, được Bác vuốt ve âu yếm hỏi chuyện. Bác kể cho chúng tôi nghe bộ phim mà nhóm làm phim của Đảng Cộng sản Nhật chuẩn bị quay. Đảng Cộng sản Nhật khi cử nhóm làm phim sang ta để thực hiện bộ phim, rất nghèo. Do không có tiền để đi làm phim, các đồng chí đó đã bán vé trước để lấy tiền, hẹn ngày chiếu vào một thời gian sau để nhân dân đến xem. Do có thiện cảm và cảm phục nhân dân Việt Nam chống Mỹ, nhân dân Nhật Bản đã mua

vé ngay, không ngần ngại. Nói rồi Bác đưa tặng chúng tôi mỗi người một tấm vé mà nhóm làm phim đã bán trước.

Trong phim, Bác xuất hiện khá nhiều. Vì vậy, phim phải quay "nháp" nhiều. Bác bao giờ cũng chuẩn bị chu đáo, luôn có mặt ở trường quay đúng giờ. Lần nào chúng tôi đến cũng đã thấy Bác ngồi đợi trong bộ quần áo đùi trần lành lặn giản dị. Bác cứ nhắc lại với chúng tôi: "Các cháu nên nhớ là chúng ta đóng phim cho Đảng Cộng sản Nhật!".

Khi đóng phim, Bác đóng rất có "nghề". Chúng tôi đã là diễn viên, mà khi quay nhiều cảnh phải quay đi quay lại. Nhưng Bác đóng rất tự nhiên, nhập vai tốt hơn các diễn viên. Tôi thật sự cảm phục Bác và học tập được ở Bác rất nhiều trong cách đóng phim.

Duy chỉ có một cảnh quay Bác vui chơi với các cháu thiếu nhi phải quay đi quay lại mấy lần. Bởi vì các cháu thiếu nhi yêu mến Bác, muốn ngắm nhìn "ông Tiên hiền lành", nên khi quay cứ ngắm nhìn Bác mãi, thành thử cảnh quay chưa đạt. Lúc đó, Bác phải đứng ra làm một chân "đạo diễn" để uốn nắn các cháu. Khi đóng xong cảnh này tôi thấy trán Bác lấm tấm mồ hôi, hơi thở dồn dập. Một tình thương trời dặt trong lòng tôi khôn xiết.

Quay xong một cảnh, ngồi giải lao. Bác trò chuyện hỏi han chúng tôi chuyện nhà cửa, học hành, công tác. Bác chia kẹo cho mọi người ăn. Chỗ kẹo còn lại khi ra về Bác đem chia đều cho mọi người, Bác bảo mang về làm quà cho người nhà, nói là của Bác Hồ gửi.

Đến hôm chúng tôi chuẩn bị về Thái Bình và một số nơi khác để quay tiếp bộ phim, Bác dặn:

- Các cô, các chú nên nhớ là chúng ta làm phim cho Đảng Cộng sản Nhật. Các cô, các chú đừng đòi hỏi gì.

Nhớ lời dặn của Bác, chúng tôi đã không quản ngại vất vả, gian khổ của chiến tranh để đi đóng từng thước phim cho Đảng Cộng sản Nhật.

Bộ phim làm xong đúng thời hạn. Các đồng chí trong nhóm làm phim rất phấn khởi. Bộ phim thành công nhờ một phần lớn sự đóng góp của Bác, và qua những lời chỉ bảo của Bác, những người đóng phim đã đưa hết khả năng nhiệt tình đóng góp cho sự thành công của nó.

Bộ phim "Việt-Nam chống Mỹ" đưa chiếu ở Nhật, được dân chúng rất thích. Sau đó bộ phim này cũng đã được giải cao trong liên hoan phim tài liệu ở Đức.

Tôi không thể ngờ rằng, sau khi đóng phim xong ba tháng thì Bác kính yêu của chúng ta không còn nữa. Khi nghe tin Bác mất, tôi bật khóc như trẻ nhỏ mất cha... Đã nhiều năm trôi qua, tuy Bác đã đi xa nhưng hình ảnh Người và những lời dạy ân cần của Người còn đọng mãi trong tôi.

TRẦN QUANG ĐẠO ghi

ĐI QUAY BỘ PHIM "BÁC HỒ CỦA CHÚNG EM"

MA CƯỜNG

Tôi nhớ rất rõ hôm đó là ngày chủ nhật. Đang ăn cơm chiều thì tôi nhận được lệnh đi quay phim ngay. Vốn có tác phong sẵn sàng của thời chiến, nên sau đó 15 phút là tôi đã có mặt với đủ đồ nghề trong tay. Tôi nhắm tính: máy quay, bình điện, phim nhựa, đèn rọi sáng, đủ cả. Chỉ có điều làm tôi băn khoăn là lần này có lệnh quay phim màu, mà quay phim màu tôi vốn chưa quen lắm.

Xe hơi đưa tôi đi một lát thì rẽ vào chiếc cổng quen thuộc: cổng Phủ Chủ tịch. Tôi bồi hồi, vừa sung sướng vừa lo lắng.

Bước vào phòng khách, tôi thấy ở phòng bên các cháu đang riu rít chuẩn bị, cháu chỉnh đàn, cháu sửa lại quần áo, ai nấy đều tập nập đón ngày hội lớn của mình, ngày Quốc tế thiếu nhi, nhất là lần này lại được gặp Bác và các đồng chí Trung ương.

Không bỏ phí thời giờ, tôi đi lại trong phòng tìm góc độ quay và đặt ánh sáng. Quay phim màu ở trong phòng đối với tôi là một khó khăn, nhưng tôi quyết tâm ghi bằng được mọi hình ảnh Bác vui với các cháu.

Bảy giờ, rồi bảy giờ hơn. Các cháu đã sẵn sàng đón Bác. Trước giờ phút được gặp Bác, không khí thật trang nghiêm. Tiếng các cô phụ trách nhắc nhở các cháu se sẽ. Còn chúng tôi thì đi lại, máy cầm tay, thỉnh thoảng lại giơ lên ngắm qua khuôn hình, bấm công tắc cho máy chạy thử. Tiếng máy se se làm chúng tôi yên lòng.

Đúng 7 giờ 30, Bác tới, với bộ quần áo nâu giản dị. Các cháu ùa lên đón Bác. Tôi giờ máy ghi ngay phút đầu Bác cháu gặp mặt. Lòng tôi lúc đó rộn lên. Tôi bấm máy cố gắng cho chính xác và nhẹ nhàng, sợ làm ảnh hưởng tới không khí đầm ấm kia. Bác xoa đầu các cháu. Còn các cháu thì hớn hờ, ríu rít như đàn chim quanh Bác.

Bác Hồ vui vẻ hỏi:

- Các cháu có biết hôm nay là ngày gì không?

Hôm ấy mới là tối 31-5, nên có nhiều cháu chưa biết trả lời ra sao. Có một cháu gái rất xinh đứng nghiêm báo cáo:

- Thưa Bác hôm nay là ngày hội vui, chúng cháu được gặp Bác và các bác các chú ở Trung ương nhân ngày mừng một tháng sáu ạ.

Bác Hồ ôm hôn cháu:

- Cháu nói đúng lắm.

Bác quay chỉ vào đồng chí Xuân Thuỷ:

- Các cháu có biết ai đây không?

- Thưa Bác có ạ, bác Xuân Thuỷ ạ.

Bác lại chỉ vào đồng chí Tố Hữu:

- Chú Tố Hữu làm gì nhỉ?

- Thưa Bác, làm thơ ạ.

- Đúng, chắc có nhiều bài thơ của chú Tố Hữu các cháu đã được đọc.

Bác khoan thai nhìn các cháu:

- Hôm nay trong gia đình Bác cháu ta, Bác đến để xem tài nghệ các cháu làm sao?

Bác quay lại nhắc đồng chí Phạm Văn Đồng:

- Kia, Thủ tướng đi phân phát kẹo cho các cháu đi chứ.

Không khí đầm ấm quá. Nét mặt các cháu cứ như cánh hoa nở theo từng câu nói của Bác. Chúng tôi ra sức ghi cho được những hình ảnh về Bác và các cháu, với cảm nghĩ mình như con cháu trong nhà, làm việc giữa tiếng đàn, giữa tiếng hát, giữa tiếng nói của Bác Hồ ấm dịu và tiếng các cháu thanh thanh.

Một cháu lên xin phép Bác để biểu diễn đàn "tam thập lục".

Bác nói:

- Cháu gọi là đàn ba mươi sáu dây cho dễ hiểu nhé.

Cảm động nhất là khi chúng tôi quay cảnh các cháu hát bài "Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng". Mắt các cháu sáng lên cùng với tiếng hát: "Bác chúng em đáng cao cao người thanh thanh, Bác chúng em mắt như sao, râu hơi dài..."

Bác Hồ ngồi nghe, Bác cười rạng rỡ. Ống kính máy quay của chúng tôi xúc động ghi được nét mặt của Bác khi đó với nụ cười, với chòm râu bạc như cước cùng với nét mặt vui tươi của các cháu qua bài hát ca ngợi Bác. Nhìn nét mặt Bác khi đó, tôi như thấy cả tấm lòng của Bác đối với các cháu, như lời thơ của Bác làm tặng các cháu nhân dịp trung thu năm nào:

*Ai yêu các nhi đồng
Bằng Bác Hồ Chí Minh
Tình các cháu ngoan ngoãn
Mặt các cháu xinh xinh...*

Các cháu kết thúc tối vui bằng bài "Giải phóng miền Nam", "Kết đoàn" và bài "Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng". Giọng Bác ấm áp hiền dịu:

- Hôm nay thật là vui vì Bác thấy được sự cố gắng của các cháu. Bác không gặp hết được các cháu, vậy Bác cho mỗi cháu một gói kẹo để chia cho các cháu ở nhà. Các cháu về phải bảo nhau chăm học, ngoan ngoãn, cố gắng nhiều hơn nữa.

Hình ảnh Bác vui với các cháu vào tối 31-5-1969 là những hình ảnh cuối cùng mà ống kính của chúng tôi ghi được về Bác. Tiếng nói ấm dịu của Bác hôm đó cũng là tiếng nói mà chúng tôi được nghe lần cuối. Song hình ảnh đó, tiếng nói đó vẫn vang vọng trong chúng tôi mãi mãi. Bác nhắc nhở các cháu mà như nhắc nhở chúng tôi phải cố gắng, cố gắng nhiều hơn nữa trên con đường mà Bác đã vạch ra.

BÁC XEM PHIM "KIM ĐỒNG"

NÔNG ÍCH ĐẠT

Theo thường lệ, mỗi khi hoàn thành một bộ phim, Xưởng phim truyện Hà Nội lại được vinh dự đem phim vào Phủ Chủ tịch chiếu để Bác xem.

Kỳ này tới lượt phim *Kim Đồng*. Nghe tin này, tôi sung sướng vô hạn. Đây không phải là lần đầu tiên tôi được gặp Bác, nhưng là lần được đưa bộ phim đầu tay của tôi cùng đồng chí Vũ Phạm Từ đạo diễn, vào chiếu để Bác xem. Từ khi làm công tác văn nghệ, tôi chưa lần nào được vinh dự lớn như lần này.

Mừng là thế, nhưng nỗi lo còn lớn hơn, vì Bác đã sống ở Pác Bó. Bác biết rõ Kim Đồng, biết rõ nhân dân địa phương hơn ai hết. Nội dung bộ phim lại nói về đời hoạt động của Kim Đồng trong phong trào quần chúng cứu quốc thời kỳ tiền khởi nghĩa ở vùng Pác Bó. Những thể hiện của chúng tôi trên phim, thiếu đủ, sai sót ra sao sẽ lộ hết ra trước mắt Bác...

Nhưng ngày giờ ấn định đã đến, lo thì lo, tôi vẫn vô cùng phấn khởi theo đoàn đại biểu của Xưởng phim vào Phủ Chủ tịch. Cùng đi với chúng tôi có cả hai cháu Lê Thanh Phương và Kim Phúc là hai diễn viên đóng vai Kim Đồng và Thuỷ Tiên trong phim.

Trước giờ chiếu năm phút, Bác đã tới, cả phòng tràn ngập tiếng chào mừng Bác. Chúng tôi vừa vỗ tay vừa khẽ huých tay vào nhau vì sung sướng. Buổi này, Bác đã cho phép tất cả các cháu nhỏ con em các đồng chí cán bộ, công nhân viên quanh Phủ

Chủ tịch được theo cha mẹ cùng vào xem. Các cháu riu rít như một bầy chim, làm nhộn nhịp cả phòng chiếu.

Bác hỏi chúng tôi:

- Cháu nào đóng Kim Đồng?

Phương nhanh nhẹn đáp:

- Thưa Bác, cháu ạ.

Bác tiếp:

- Thế thì trước khi xem phim, cháu hãy kể chuyện Kim Đồng cho Bác, cho các cô, các chú, và cả các bạn nhỏ này nghe đã.

Phương khẽ đáp: "Vâng ạ!". Rồi đứng im thin thít, mặt đỏ dần lên. Tôi hoảng quá. Diễn viên đóng vai chính mà không kể được chuyện về nhân vật mình đóng thì rõ ràng là lỗi ở đạo diễn chứ còn ai nữa! Nhất là diễn viên lại không chuyên nghiệp và còn nhỏ tuổi. Một phút trôi qua, xung quanh mọi người chờ đợi cháu nói, không khí yên lặng. Tôi đã toan xin phép Bác được nói thay cho cháu, nhưng bỗng Phương rướn thẳng người tay giơ lên trước trán chào Bác theo kiểu "măng mọc thẳng", rồi nói:

- Thưa Bác, thưa các chú, các cô và các bạn...

Phương kể lưu loát một mạch toàn bộ câu chuyện về Kim Đồng. Đến cuối, Phương còn nói thêm được cả về ý đồ của các đạo diễn trong phim này ra sao nữa. Thật là vượt mức yêu cầu! Phương nói xong, cả phòng vỗ tay khen. Bác cũng khen và cho Phương được ngồi cạnh Bác trong khi xem phim.

Một tiếng rưỡi qua đi, bộ phim đã được chiếu xong, đèn bật sáng trở lại. Bác đứng dậy bước đi vài bước rồi quay lại nói với mọi người:

- Đây, đồng bào miền núi đối với cách mạng như thế đây. Từ người già cho đến trẻ em, tất cả mọi người, như ở trong phim ấy, đều một lòng một dạ giúp đỡ ủng hộ và bảo vệ cách mạng,



Bác Hồ với thiếu nhi (1960) - Ảnh: TTXVN

không hề tiếc công, tiếc của, tiếc sức, cả đến tính mạng của mình cũng không tiếc. Đồng bào tốt thế đấy, các cô các chú nhớ lấy!

Ngừng một giây, Bác nói tiếp:

- Kim Đồng thông minh lắm. Bác nhớ có một lần như thế này: Hồi ấy, đoàn thể có giao cho Kim Đồng một khẩu súng lục "cổ lỗ sĩ" - Bác cười và giải thích: hồi ấy ta còn nghèo lắm - nhưng vẫn còn bắn được. Một hôm, Kim Đồng đi giao thông xong, đang men theo sườn núi trở về gần với lán bí mật thì nghe từ phía dưới chân núi có tiếng xì xồ vọng lên, đó là bọn lính đồng và Tây đồn đang đi lùng sục cách mạng. Vì sương mù còn phủ dày đặc ở phía dưới nên Kim Đồng chỉ nghe thấy tiếng mà không nhìn thấy người. Tiếng bọn địch mỗi lúc một gần, Kim Đồng muốn chạy lên báo cho cán bộ biết, nhưng sợ không kịp và bị lộ, lợi dụng tình thế sương mù còn phủ kín bốn bề, Kim Đồng rút súng ra bắn một phát chỉ thiên. Địch ở bên dưới tường có du kích mai phục, vội vàng rũ nhau tháo chạy. Cán bộ ta ở phía trên đỉnh núi nghe tiếng súng cũng rút ngay. Như thế là Kim Đồng vừa đuổi được địch lại vừa báo được cho cán bộ biết có nguy hiểm để tránh.

Nghe xong đoạn này, tôi tiếc ngẩn người, vì giá được nghe Bác kể trước mà đưa vào phim thì lại được thêm một đoạn hay và lý thú, càng nói rõ thêm sự thông minh lanh trí của Kim Đồng.

Lúc này có lẽ những kỷ niệm và hình ảnh của các vùng Pác Bó, Lam Sơn, Cao-Bắc-Lạng đang sống lại trong ký ức Bác, Bác đứng trầm ngâm một lát rồi lại nói tiếp:

- Lính địch ở trong phim cũng còn ít lắm. Hồi đó, lính đi lùng bắt cách mạng rất đông. Có cả thầy bầy, tám thứ lính: lính khố đỏ, khố xanh, khố vàng, lính cơ, lính lệ, lính đồng, lính cúp-phăng và lính lê dương nữa. Thế nhưng chúng không thể làm gì được cách mạng. Bác nhắc lại một lần nữa: Vì tất cả nhân dân, từ các cụ già đến các cháu nhỏ, ai ai cũng ủng hộ và hết sức bảo vệ

cán bộ, bảo vệ cách mạng... Đồng bào miền núi như thế đấy, các cô, các chú hãy nhớ lấy!

Trên đường trở về Xương, tôi càng thấy thấm thía về tấm lòng của Bác đối với các dân tộc miền núi chúng tôi. Chính Bác, Đảng đã dẫn dắt chúng tôi ra khỏi vòng đói khổ, lạc hậu và đưa lên con đường ấm no, hạnh phúc, tiến bộ. Công ơn cao hơn núi, rộng hơn biển, vậy mà Bác vẫn nói những lời nặng ân tình ấy đối với nhân dân miền núi chúng tôi. Tôi nghĩ: ân tình ấy là keo sơn đời đời gắn chặt các dân tộc miền núi với Bác, Đảng và Chính phủ.

BÁC HỒ VỚI NGHỆ THUẬT TUỒNG

NGUYỄN VĂN CHƯƠNG

Với các môn nghệ thuật truyền thống như chèo, dân ca quan họ, dân ca Nghệ Tĩnh, châu văn..., Bác Hồ đều quan tâm và căn dặn anh chị em hoạt động nghệ thuật phải gắng giữ gìn, phát huy vốn quý của dân tộc. Riêng với tuồng, đặc biệt là tuồng khu V, Bác càng dành tình cảm đặc biệt, bởi đó không chỉ là nghệ thuật mà còn là tình cảm Bác dành cho đồng bào miền Nam ruột thịt nữa.

Năm 1954 khi Đoàn tuồng Liên khu V đã tập kết ra Bắc, đang ở trong nhà của Trường Mỹ thuật (cạnh Nhà hát nhân dân), Bác cho gọi vào Phủ Chủ tịch để Bác thăm hỏi và biểu diễn cho Bác xem. Đạo ấy Đoàn có vở *Chị Ngọ* của tác giả Tống Phước Phổ diễn đã nhiều nên khá nhuễn. Anh chị em vừa diễn vừa xúc động theo dõi Bác. Nhiều đoạn hay, Bác gật đầu hài lòng. Đến cảnh địch tra tấn đồng chí Tài, chi uỷ viên, cán bộ xã đội, nét mặt Bác đượm buồn. Rồi người đưa khăn lên chấm mắt.

Đoàn diễn xong, Bác lên sân khấu bắt tay từng người, ân cần thăm hỏi sức khoẻ, chế độ ăn uống ra sao. Bác khen anh chị em diễn tốt và tỏ ý rất thích vở này. Nhưng Bác cũng dặn lần sau diễn vai "địch" tra tấn đồng chí ta thì nên nhẹ tay thôi, kéo diễn viên đau. Sau đó, Bác cho mỗi người 8 kilôgam gạo ngon gọi là để bồi dưỡng.

Mùa đông năm 1955, Đoàn dời xuống khu văn công Mai Dịch (Cầu Giấy). Tuy đã có thêm chăn và quần áo ấm nhưng anh chị em vẫn chưa quen được với cái lạnh xứ Bắc. Trong cơn gió mùa thổi từng cơn nhưc buốt, anh chị em ngồi co ro trên giường, trùm chăn lên mà răng vẫn đánh lập cập.

Bỗng cửa mở. Một người mặc bộ kaki đã cũ, tấm khăn bông che gần kín mặt đột ngột vào phòng. Người ấy đến bên ông Văn Bá Anh một nhạc công của Đoàn, hỏi:

- Các đồng chí văn công khu V có lạnh không?

Ông Anh vừa run vừa trả lời:

- Lạnh quá trời ông à. Tụi tôi hết chịu nổi. Ăn xong không muốn rửa chén nữa.

Ông khách gạt đầu rồi đi xuống bếp xem xét. Xong lại vào cả nhà tiêu, bể nước. Rồi cũng chẳng ai biết ông khách đi bao giờ, đi lối nào. Một lúc sau mới thấy đồng chí Trưởng đoàn báo cả đoàn chuẩn bị đón Bác Hồ đến thăm. Mọi người quên hết rét lạnh, tíu tít chuẩn bị. Nhưng chờ mãi chả thấy Bác đâu mà chỉ thấy ô tô chờ thêm chần và quần áo ấm đến cho mọi người. Mãi sau mới vỡ lẽ: vị khách vào hỏi ông Văn Bá Anh và đi xem xét mọi nơi ấy chính là Bác Hồ kính yêu. Bác đến và đi đột ngột, chẳng ai kịp biết gì.

Năm 1957, Đoàn nghệ sĩ tuồng khu V gồm 5 người: Tám Danh Trưởng đoàn, Đinh Quả Phó đoàn và các nghệ sĩ Đỗ Ngọc Liên, Nguyễn Phô, Văn Bá Anh được sang Liên Xô biểu diễn. Khi về có ghé qua Bắc Kinh. Lúc này, Bác Hồ và Đoàn đại biểu Chính phủ ta đang thăm Trung Quốc. Nghe tin có tuồng khu V ghé, Bác mời đến Đại sứ quán ta ở Bắc Kinh để gặp gỡ. Bác hỏi thăm:

- Các cô các chú đi biểu diễn tuồng ở Liên Xô có tốt không? Bạn có thích không, có hiểu tuồng ta không?

Nghệ sĩ Đinh Quả thưa:

- Thưa Bác, bạn hiểu và thích lắm ạ. Đi đến đâu, Đoàn chúng cháu cũng được bạn hoan hô nhiệt liệt ạ.

Bác gạt đầu:

- Thế thì các chú biểu diễn cho Bác và mọi người xem đi!



Bác Hồ thăm hỏi nghệ sĩ Nguyễn Phương Danh (Tám Danh)
Đoàn Cải lương Nam Bộ (tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc)
lần thứ 3 (1962) - Ảnh: TTXVN

- Thưa Bác! Vì chúng cháu ghé đây thời gian ngắn, nên đạo cụ còn để cả trên máy bay ạ.

- Không có đạo cụ thì biểu diễn "chay" vậy, có được không?

Thế là mấy nghệ sĩ hào hứng biểu diễn để Bác xem. Ông Đình Quả đánh trống. Ông Văn Bá Anh thổi kèn. Mấy người kia thì kéo nhị, đánh mõ, nã bạt, thanh la..., tất nhiên là bằng miệng...

Xem mấy nghệ sĩ biểu diễn, mọi người không nhịn được cười. Bác Hồ rất vui. Ông Tám Danh còn hát thêm bài *Lý ngựa ô* dân ca Nam Bộ nữa. Bác rất hài lòng, lấy túi kẹo chia cho mỗi người mấy cái. Riêng ông Tám Danh được thêm một kẹo nữa. Thấy Bác hiền từ vui vẻ nên ông Văn Bá Anh mạnh dạn hỏi:

- Thưa Bác! Sao anh Tám Danh được hơn một kẹo ạ?

Bác cười:

- Chú không nên ghen tị. Cái kẹo ấy là thưởng cho con ngựa ô của chú Tám đấy.

Câu nói của Bác khiến mọi người thêm thoải mái, gần gũi.

Năm 1958, khi phái đoàn Chính phủ Ấn Độ do Thủ tướng Nê-ru dẫn đầu sang thăm hữu nghị chính thức nước ta, các nghệ sĩ Ái Liên, Ngọc Dậu, Song Kim, Đình Quả được chọn vào biểu diễn phục vụ khách.

Trước khi biểu diễn, Bác cho mời anh chị em nghệ sĩ vào Phủ Chủ tịch ăn cơm. Vừa ăn, Bác vừa kể chuyện rất vui. Rồi Bác căn dặn, đại ý: phải diễn cho hay, cho đẹp, cho gọn. Chỗ nào rườm rà thì cắt bỏ, vì đã dài là dễ đỡ. Cố gắng chọn tiết mục ngắn gọn, cô đúc nhưng phải thật nghệ thuật cho khách xem.

Ông Đình Quả biểu diễn võ Tây Sơn 12 trông rất điêu luyện nhuần nhuyễn. Bác Hồ, Thủ tướng Phạm Văn Đồng cùng các vị khách quý Ấn Độ tỏ vẻ rất thích thú tiết mục này, nên nghệ sĩ

Đình Quả càng diễn càng hay. Nhưng thật bất ngờ, không hiểu do xúc động hay do mồ hôi trơn mà khi nghệ sĩ vung dùi gõ mạnh lên mặt trống thì một chiếc dùi văng ra, tung lên cao.

Nghệ sĩ đang toát mồ hôi vì lo hỏng tiết mục thì may sao, chiếc dùi rơi xuống ngay trước mặt. Nhanh mắt nhanh tay, ông Đình Quả tóm ngay chiếc dùi và gõ liên hồi lên mặt trống. Tiếng vỗ tay vang lên như sấm. Nghệ sĩ hoàn hồn, bình tĩnh biểu diễn trọn tiết mục. Sau buổi biểu diễn ấy, Bác và Thủ tướng ta rất hài lòng, bởi các vị khách quý Ấn Độ rất thán phục tài nghệ biểu diễn của nghệ sĩ ta, đặc biệt là tiết mục 12 trống.

Ngày mới tập kết ra Bắc, nhiều anh chị em Đoàn tuồng khu V chán nản muốn giải nghệ vì thấy không mấy người hiểu tuồng, thích tuồng. Nhưng qua những lần được gặp Bác, được Bác cho vào biểu diễn phục vụ khách quốc tế, càng thấy Bác quan tâm đến nghệ thuật tuồng. Bất cứ đón một đoàn khách Chính phủ các nước bạn bè nào, Người cũng cho Đoàn tuồng khu V vào biểu diễn và thường là vở *Hai Bà Trưng khởi nghĩa*, kết thúc ở đoạn *Hai Bà đề cò*. Bác giới thiệu cận kề với khách: đây là nghệ thuật truyền thống độc đáo của dân tộc Việt Nam. Bác cũng ân cần căn dặn các nghệ sĩ tuồng, đại ý: tuồng là vốn quý của cha ông. Các nghệ sĩ phải chăm lo gìn giữ và phát triển vốn quý ấy. Nhưng hãy cẩn thận, chớ có "gieo vừng ra ngô"...

Lời dạy của Bác Hồ thấm sâu vào tâm khảm các nghệ sĩ Đoàn tuồng khu V, nay là Nhà hát tuồng Đào Tấn, tỉnh Bình Định.

BÁC HỒ MUÔN VẠN KÍNH YÊU VỚI NHỮNG KỶ NIỆM MÃI MÃI TRONG TÔI

CHU THUÝ QUỲNH

Ngồi cầm bút ghi lại, những mẩu chuyện về Bác cách đây 55 năm đối với tôi như vẫn còn tươi mới và xúc động.

Tháng 2-1955, tôi được tuyển vào Đoàn Ca múa Nhân dân Trung ương. Cuối năm đó Thủ đô đón Bác Hồ về Hà Nội, đoàn được vào phục vụ Bác. Tôi được vào cùng với đoàn - ước mơ được gặp Bác Hồ của tôi đã thành. Khi Bác từ nhà nghỉ xuống chỗ biểu diễn, Bác đi vào phía sau sân diễn. Tất cả anh chị em chúng tôi reo hò “Bác Hồ, Bác Hồ”. Bác tươi cười vẫy tay, chúng tôi ủa đến vây quanh Bác. Tôi cũng len vào để được gần Bác. NSND Nguyễn Văn Thương - Trưởng đoàn, đứng phía trước. Bác hỏi: “Các cháu đoàn nào?”. Nghệ sĩ Nguyễn Văn Thương trả lời: “Chúng cháu là Đoàn Ca vũ Trung ương ạ”. “Thế ca là gì?”. “Ca là hát ạ!”. Bác lại hỏi: “Vũ là gì?”. “Vũ là múa ạ”. Bác nói: “Thế tại sao lại không gọi là Đoàn Hát múa Trung ương”. Về sau này thì Đoàn Ca vũ Trung ương được đổi thành Đoàn Ca múa Nhân dân Trung ương. Bác đã sửa lại tên đoàn rất đơn giản và đúng với ngôn từ tiếng Việt.

Sau đó, Bác lại hỏi tiếp: “Thế cháu nào bé nhất đoàn?”. Nghệ sĩ Nguyễn Văn Thương và các anh chị trong đoàn chỉ vào tôi và dắt tôi ra chào Bác: “Thưa Bác, đây là em út Chu Thuý Quỳnh, bé nhất đoàn ạ”. Khi đó, tôi mới 14 tuổi, vẫn còn quảng khăn đỏ. Mọi người vui mừng vây quanh bên Bác. Tôi quá vui

mừng và xúc động, chẳng biết nói gì hơn mà chỉ ngược mắt ngắm nhìn Bác. Vậy là ước mơ được gặp Bác của tôi đã thành hiện thực. Không những được gặp Bác mà tôi còn được ôm Bác, được Bác vuốt tóc. Bác trong tôi lúc đó giống như là hình ảnh của một ông Tiên vậy. Đó thực sự là một kỷ niệm lớn, sâu sắc trong cuộc đời làm diễn viên của tôi.

Tiếp đến những lần tôi được vào biểu diễn cho Bác xem, biểu diễn khi Bác tiếp đón các đoàn khách nước ngoài, khách của các đoàn thể, của Chính phủ. Trong những cuộc biểu diễn đó bao giờ Bác cũng vào phía sau sân khấu và hỏi xem hôm nay có "tù gì mới không?". Bời với Bác, chương trình ca múa nhạc của đoàn như múa Quạt Tây Bắc, múa Nón đồng bằng, múa Nón Thái, múa Sạp... trở nên rất quen thuộc.

Năm 1959, chúng tôi có chuyến đi rất dài ngày tham gia Festival Viên - Áo và biểu diễn ở 12 nước Xã hội chủ nghĩa, Ấn Độ, Miến Điện. Trước khi lên đường Bác gọi đoàn vào dặn dò. Bác căn dặn đồng chí Trưởng đoàn Nguyễn Đức Quý - Thứ trưởng Bộ Văn hoá và các diễn viên là đem chuông đi "đánh" nước người đầy, phải "đánh" sao cho thật kêu, xứng đáng với đất nước, với nhân dân. Bác cũng giới thiệu về đặc điểm của từng nước mà chúng tôi sẽ diễn, nhắc nhở mọi người phải chú ý để có chương trình diễn sao cho phù hợp. Khi nói tới Ấn Độ, Bác bảo: "Bé Quỳnh nhớ chuyển lời thăm và hôn Bác Cha Cha Nêru nhé". Chúng tôi vâng lời Bác và hứa sẽ làm tốt lời Bác dạy, biểu diễn thành công. Bác vui vẻ chia tay đoàn.

Sau gần 9 tháng, đoàn trở về. Chúng tôi lại được Bác cho vào báo cáo về kết quả của chuyến đi. Bác vui vẻ: "Các cháu đã diễn ở các nước bạn thành công nhưng không được phổng mũi đâu nhé". Tôi thưa với Bác, cháu đã chuyển lời của Bác tới Bác "Cha Cha Nêru", Bác "Cha Cha Nêru" chuyển lời thăm Bác và rất nhớ Bác. Bác cho chúng tôi ăn kẹo, hoa quả và nói với đồng chí Thứ trưởng Bộ Văn hoá thưởng cho chúng tôi nghỉ phép một tháng.

Sau những lần được cùng đoàn vào biểu diễn phục vụ Bác, tôi còn được vinh dự vào thăm Bác, ăn cơm cùng Bác, đọc báo cho Bác, kể chuyện luyện tập chuyên môn và công tác của tôi. Bác dạy tôi phải kiên trì, chăm chỉ và hàng ngày hãy nhớ luyện tập động tác nhảy cao. Bác hướng dẫn tôi cách để luyện tập động tác nhảy cao đó: “Cháu hãy đào một cái hố, cho đất vào ống quần, buộc chặt lại, đứng bên dưới hố và nhảy lên. Khi cháu thấy việc nhảy lên dễ dàng hơn thì hãy đào hố sâu thêm một tẹo. Hố càng sâu thì khả năng bật nhảy của cháu sẽ càng cao hơn”. Mới nghe tôi thấy hơi lạ song tôi hiểu ngay. Bác dạy cho tôi lòng quyết tâm và sự kiên trì, có kiên trì thì sẽ thành công. Từ lời dạy rất đơn giản và sâu xa của Bác tôi đã có thêm nghị lực và ý chí để chăm chỉ luyện tập. Bản thân tôi là diễn viên, tuy có chút năng khiếu nhưng còn rất nhiều nhược điểm, đặc biệt, múa ba lê cần có độ mở của chân và dẻo toàn thân.

Theo lời dạy của Bác tôi phải cố gắng và khổ luyện các kỹ năng múa rất nhiều. Nó giúp tôi phần nào giải quyết những nhược điểm để tiếp thu các yêu cầu cơ bản của múa ba lê với những kỹ xảo khó như quay, nhảy cao, xa, không chế trên không, tôi tiến bộ nhanh hơn.

Nhiều lần tôi được giao lưu, học tập với các đoàn nước ngoài như Liên Xô, Triều Tiên, Trung Quốc. Tôi đã múa cùng Văn Quyên điệu múa “Anh chàng cắt cỏ và cô gái hái rau rừng”. Phái đoàn Triều Tiên xem xong đã nói với Bác là chúng tôi múa rất hay, rất giống Triều Tiên. Đến năm 1962, tôi và nghệ sĩ ưu tú Anh Nghiêm đã được học điệu “Múa cung” - trích Vũ kịch hội Tiểu Đào của Trung Quốc. Điệu múa đã được diễn phục vụ các phái đoàn Chủ tịch Lưu Thiếu Kỳ, Thủ tướng Chu Ân Lai tại Phủ Chủ tịch. Với những kỹ thuật, kỹ xảo khó của múa cổ điển Trung Quốc như: bê lên cao, quay lật nghiêng, chúng tôi đã diễn tốt và được Thủ tướng Chu Ân Lai khen ngợi. Ông hỏi tôi học múa Trung Quốc ở đâu và lâu chưa. Chúng tôi thưa với Bác và Thủ tướng là chúng tôi mới học của các nghệ sĩ múa Trung Quốc

tại Bắc Kinh. Thủ tướng nói với Bác Hồ, các diễn viên không chỉ múa tốt mà còn rất hay, thể hiện được phong cách, tâm hồn Trung Quốc. Bác rất vui và động viên chúng tôi. Nhớ đêm diễn phục vụ phái đoàn của đồng chí Vôrosilop, phái đoàn của Nhà du hành vũ trụ German Titop, tôi đã cùng các anh trong đội múa biểu diễn điệu múa Nga “Những anh chàng không may”. Tôi múa vai cô gái. Điệu múa đã được đồng chí Vôrosilop, nhà du hành vũ trụ Titop rất hoan nghênh. Bác khen các cháu biểu diễn tốt lắm.

Trong những năm 60-69, Đoàn Ca múa Trung ương đi giao lưu biểu diễn ở nhiều nước, chuyến đi sang Cu Ba là chuyến đi rất xa, sang bên kia bán cầu và cũng là lần đầu tiên Đoàn Nghệ thuật Việt Nam đến đất nước anh hùng ở Châu Mỹ La-tinh. Nhân dân Cu Ba, khán giả Cu Ba đã đón tiếp chúng tôi như những người anh em. Đến buổi biểu diễn khán giả hô to: “Viva Việt Nam, Viva Hồ Chí Minh!” (Việt Nam muôn năm, Hồ Chí Minh muôn năm!). Về nước, nhà thơ Cù Huy Cận, Trưởng đoàn đã báo cáo với Bác về những kết quả của đoàn tại Cu Ba. Bác nói: “Các cô chú, các cháu đã đại diện cho nhân dân ta, đất nước ta, Bác rất vui và tuyên dương các cô, các chú, các cháu đã biểu diễn thành công tại nước bạn”.

Lần đầu tiên, năm 1968, suốt hai tháng ở Nhật Bản chúng tôi đi khắp các tỉnh, thành phố từ Tokyo, Kyoto, Kawazaki đến Hiroshima, Ôkinawoa... Đi đến đâu, chúng tôi cũng được đón tiếp nồng nhiệt. Điều đặc biệt là khán giả Nhật Bản bao giờ cũng đến nhà hát rất sớm để cùng hát bài hát Việt Nam: “*Vì nhân dân quên mình*”, “*Kết đoàn*”. Những bài hát được khán giả hát đồng ca sôi động và những tiết mục biểu diễn của đoàn được khán giả vỗ tay theo nhất là: *Hồ kéo pháo*, *Bà má miền Nam*, *Múa Sạp*... Có khi cả hội trường đứng lên nối tay nhau cùng hô to Việt Nam Hồ Chí Minh, chúng ta cùng cố gắng lên “Gambalo”. Kết thúc buổi diễn khán giả ra cửa đứng hai bên tiễn chúng tôi lên xe rồi vỗ tay cho đến khi xe đi xa...



Chủ tịch Hồ Chí Minh và các diễn viên (người ngoài cùng bên trái là nghệ sĩ múa Chu Thuý Quỳnh) - Ảnh: Đinh Đăng Định

Lần đi Pháp, Ý và Angiêri, Bác giao trách nhiệm cho nhà thơ Cù Huy Cận - Thứ trưởng Bộ Văn hoá làm Trưởng đoàn, đồng chí Mai Vu - Vụ trưởng Vụ Nghệ thuật và Chu Thuý Quỳnh làm Phó đoàn. Bác nói: “Lần trước Bác ra đi phải lần trốn vì là người mất nước, ngày nay các cháu sang các nước với tư thế của người chiến thắng, của những chiến sĩ, nghệ sĩ của đất nước độc lập, tự do. Phải nói lên bằng văn hoá, văn nghệ của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Mong các cháu đi biểu diễn thành công”. Chúng tôi mang theo lời dặn dò của Bác đi biểu diễn tại Paris, Marseille, Toulouse, Bordeaux, Rome, Algie. Ở tất cả mọi nơi chúng tôi đến đều được đón nhận và hoan nghênh. Các bà, các mẹ, các anh chị Việt kiều xa Tổ quốc lâu năm đã đón tiếp và chăm sóc chúng tôi từ bữa ăn đến giấc ngủ để chúng tôi biểu diễn thật tốt. Chúng tôi đã đến nơi Bác đã ở và làm việc bí mật trong thời kỳ tiền cách mạng, gặp các đồng chí chiến sĩ cộng sản cùng Bác thời tìm đường cứu nước. Mọi người đều nhắc đến Bác với tình cảm kính trọng, yêu quý người cộng sản cách mạng Việt Nam.

Trong mỗi tiết mục biểu diễn khán giả đều đứng dậy vỗ tay, vẫy cờ Việt Nam và hô vang "Việt Nam - Điện Biên Phủ - Hồ Chí Minh". Sau buổi diễn khán giả đứng vẫy chào lưu luyến mãi. Có khán giả lái xe theo đoàn về chỗ ở, hô vang "Việt Nam - Hồ Chí Minh - Điện Biên Phủ - Võ Nguyên Giáp - Hồ Chí Minh". Thật xúc động. Hình ảnh ấy mãi mãi là những ấn tượng sâu sắc, niềm tự hào đối với mỗi người chúng tôi trong đời nghệ sĩ.

Tôi may mắn là người có nhiều lần gặp Bác. Bác thường hỏi về tình hình học tập của tôi, tình hình của đoàn. Có bữa vào ngày chủ nhật, tôi lại được vào ăn cơm với Bác, tôi thấy Bác dùng bữa với những thức ăn rất đạm bạc: đậu phụ, rau muống chấm tương.

Tôi hỏi Bác: “Thưa Bác, sao Bác không dùng nước mắm?”. Bác nói Bác thích chấm tương. Tôi thưa: “Sao các

đồng chí phục vụ không làm nước mắm riêng để Bác dùng ạ?”. Bác lại nói: “Bác có phải là vua đâu mà làm nước mắm riêng”. Rồi Bác cười vui. Có một kỷ niệm thật hạnh phúc đối với tôi sau khi tôi đã xây dựng gia đình năm 1966. Thường vào sau các bữa ăn bao giờ Bác cũng cho ăn quả. Hôm ấy, sau khi ăn cơm xong Bác cho tôi thêm một quả táo. Bác nói: “Cháu ăn đi, Bác cho quả này để cháu mang về cho “cái nhà biết đi” của cháu nhé”. Tôi ngượng nhưng trong lòng thì âm ỉ một niềm vui sướng.

Nhớ lại một lần năm 1956 trong lúc ngồi đọc báo cho Bác nghe, tôi hỏi Bác: “Thưa Bác, sao Bác không xây dựng gia đình để có con ạ?”. Bác vỗ vai tôi và để tay lên đầu tôi: “Bác đã có con đây rồi thôi”. Tôi cảm động quá, được Bác coi là con, tôi nghẹn ngào gật đầu mà trong lòng rung rung muốn khóc. Đây là lời nói đầy thân thương của Bác mà bây giờ tôi mới viết ra. Vào năm 1958 Bác tiếp Đoàn ca múa của Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên, Bác cho tôi và diễn viên bé nhất đoàn Triều Tiên ngồi hai bên Bác. Lúc đó Bác còn hút thuốc lá, Bác có cái hộp đựng thuốc lá đã hết thuốc. Đây là chiếc hộp sắt có bông lúa bên ngoài. Đang định đưa cho tôi hay đưa cho bạn Triều Tiên tên là Đoàn Nhật Ngọc, thì Bác nói: Hôm nay cháu nhường bạn Triều Tiên nhé! Tôi vâng và không dám nghĩ về món quà ấy.

Bỗng một lần, anh Vũ Kỳ, thư ký của Bác đưa tôi chiếc hộp, dặn Bác cho Quỳnh để đựng kim chỉ. Tôi vô cùng cảm động vì một chi tiết nhỏ mà Bác vẫn nhớ. Chiếc hộp đã theo tôi đi khắp mọi nơi, nhất là thời kỳ đi biểu diễn phục vụ bộ đội, thời chống Mỹ. Thỉnh thoảng tôi mang hộp kim chỉ ra vá áo cho bộ đội và thương binh.

Bác tuy bận trăm công nghìn việc nhưng vẫn luôn dành tất cả tình cảm cho nhân dân, từ cụ già đến em bé, tới các chiến sĩ bộ đội, thanh niên xung phong và thanh thiếu niên, trong đó có tôi.

Tôi còn nhớ mãi Tết Nguyên đán 1961 tôi được vào ăn Tết với Bác, hôm đó có cả đồng chí Nguyễn Lương Bằng. Tết 1965-1966, có bác Phạm Văn Đồng và con trai của bác là Sơn Dương (hiện tại Sơn Dương đã là một vị tướng trong Quân đội nhân dân Việt Nam). Những bữa ăn, những ngày Tết thật ấm cúng không khí gia đình và tràn đầy tình thương yêu, hạnh phúc.

Nhớ nhất là sau chuyến đi Pháp, Ý, Angiêri... về, thấy Bác rất mệt, gầy và tay mọc nhiều rôm. Tôi đã khóc. Bác hỏi: “Gặp Bác phải vui, sao cháu lại khóc”. Tôi thưa: “Cháu thấy Bác gầy và nóng phát ban, tay Bác nhiều rôm quá ạ!”. Bác cười: “Bác không sao đâu, chỉ em bé mới có nhiều rôm chứ người lớn làm gì có rôm nào”. Bác an ủi tôi như thế. Ra về tôi cứ thấy buồn mãi. Tôi nhìn Bác cười mà thấy lo, linh cảm điều gì đó không rõ rệt sẽ đến. Đây cũng là lần cuối cùng tôi được gặp Bác. Điều linh cảm đó đã đến thật rồi. Đầu thu năm 1969 nghe tin Bác mệt nặng, tôi lúc này cũng đang nằm bệnh viện. Tôi lo lắng vô cùng và rất muốn được thăm Bác lần nữa nhưng các đồng chí Vũ Kỳ, Cù Văn Chúc cũng rất bận chăm sóc Bác. Tôi không thể liên hệ được.

Đến ngày 2-9 Bác đã ra đi. Toàn dân thương tiếc Bác, nhớ Bác, khóc Bác thật nhiều. Tôi xin ra viện để được tiễn đưa Bác. Hoà cùng dòng người lặng lẽ đi quanh Bác, tôi vừa khóc, vừa nhìn Bác như vị tiên đang ngủ. Tôi tự nhủ: Xin Bác yên lòng, con mãi mãi nhớ lời dạy của Bác và làm theo lời Bác.

Bây giờ nhớ lại những lần vinh dự được gặp Bác, được Bác ưu ái dạy dỗ, tim tôi vẫn trào lên niềm thương nhớ, kính yêu và tự hào về một người cha, một vị lãnh tụ có tâm hồn dung dị mà nhân ái, hết lòng vì đất nước, dù là một chi tiết nhỏ giữa đời thường.

Tháng 3-2010

SIU PHÍCH VÀ NHỮNG KỶ NIỆM VỀ BÁC HỒ

TRƯƠNG LỆ HẠNG

Cho tới cuối cuộc đời mình, Siu Phích vẫn không thể quên cảm xúc của những lần gặp Bác, chúng luôn mới rọi như vừa diễn ra, dù hơn nửa thế kỷ đã qua và rất nhiều điều đã mờ chìm trong ký ức.

Lần đầu gặp Bác là lúc Siu Phích đang học ở Trường học sinh miền Nam, đóng tại Gia Lâm, Hà Nội. Hôm đó, nghe Bác Hồ sẽ đến thăm, thầy và trò cả trường đều hồi hộp, náo nức. Siu Phích càng rạo rức mong chờ. Hồi còn ở nhà, người làng Chợ Glong, An Khê - bây giờ là Kon Chro - vẫn truyền tai bảo rằng Bác Hồ ở dưới biển, mỗi khi đất nước có việc quan trọng, Bác Hồ lại hiện lên để bày cho mọi người những điều tốt. Trong tưởng tượng của Phích, Bác Hồ là một Yang, một vị thần như trong những câu chuyện già làng hay kể. Khi lên đường ra Bắc, điều khát khao lớn nhất của Phích là có một ngày được gặp vị Yang ấy. Cả đêm thao thức không ngủ, sáng sớm Siu Phích đã cùng các thầy cô, bạn bè đứng dọc từ cổng trường vào lớp học để chờ Bác đến. Không chỉ ngóng ra cổng, Phích còn nheo mắt ngó lên trời vì biết đâu Bác sẽ từ trên trời bay xuống. Chờ mãi mà chưa thấy Bác hiện ra, Siu Phích bắt đầu nóng ruột thì nghe xôn xao ở một góc trường. Thì ra Bác không vào theo cửa chính treo đèn kết hoa mà Bác đi lối sau, kiểm tra tận mắt nơi ăn ở, vệ sinh của các cháu! Và Bác kia rồi! Ô, Bác Hồ, Bác giản dị, hiền hậu và gần gũi như một già làng trong buôn của mình thôi. Phích muốn đến sờ vào tay Bác nhưng người đông quá, chỉ đứng từ xa

mà ngắm Bác không chán mắt, ngắm thật kỹ để sau này về kể với mọi người. Bác ân cần hỏi thăm, dặn dò các cháu học sinh miền Nam phải cố gắng học thành người để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, sau này thống nhất về miền Nam phục vụ quê hương. Niềm hạnh phúc được nhìn thấy Bác khiến mấy ngày sau Phích còn thấy lâng lâng.

Siu Phích không ngờ mình còn được gặp Bác lần nữa, và lần này còn xúc động hơn cả lần đầu. Đó là hôm Bác tiếp khách quốc tế - vợ chồng luật sư Lôdoby, người đã cứu Bác năm xưa. Siu Phích lúc này đang là diễn viên Đoàn Ca múa Tây Nguyên. Bác Võ Hồng Cương đến chọn vài tiết mục vào biểu diễn trong Phủ Chủ tịch. Thế là được múa hát cho Bác Hồ xem rồi! Niềm rạo rực hân hoan của Phích và các bạn không thể nói bằng lời! Đến nơi Bác làm việc rồi, trước lúc vào diễn, Bác gặp riêng dặn dò: Khách của Bác là người Anh nhưng là người Anh cộng sản, là bạn bè của Việt Nam, các cháu đừng coi họ là bọn tư bản, đừng căm thù mà hãy vui vẻ nhé! Hôm đó, Siu Phích cùng nhóm múa bài *Đi săn* do chuyên gia Triều Tiên biên đạo, cùng xem còn có cả Bác Tôn, Bác Đồng. Diễn xong, Bác vỗ tay khen ngợi rồi dẫn sang phòng bên mời ăn bánh kẹo. Bác hỏi: Các cháu ra đây có vui không? Mọi người đồng thanh: Có ạ! Có tập luyện thường xuyên không? Có ạ! Có nhớ quê không? Có ạ! Bác thân mật đứng bên, hai tay đặt lên vai Siu Phích: Cháu có người thân ở đây không? Thưa Bác không ạ! Bố mẹ cháu đâu? Thưa Bác cháu mồ côi cha mẹ ạ! Thế cháu sống với ai? Cháu sống với bác ruột cháu! Cháu có buồn không? Có nhớ buôn làng không? Thưa Bác có buồn, có nhớ ạ! Siu Phích thật thà trả lời nhưng nhìn qua anh Trưởng đoàn, thoáng thấy nét mặt anh không vừa ý. Chết rồi, sao lại nói là có buồn, có nhớ nhà! Được sống ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa này, được học hành này, phải nói là vui chớ, nói buồn Bác phê bình mấy anh lãnh đạo chết! Nhưng không ngờ Bác khen: Cháu rất thật thà, xa người thân, xa cha mẹ buôn làng của mình thì phải nhớ, phải buồn chứ. Thật thà như thế là rất tốt.

Nhưng buồn nhớ thì cũng phải hoàn thành nhiệm vụ là cố gắng học tập để sau này trở lại quê hương phục vụ đồng bào. Các cháu đừng khách khí, ăn bánh kẹo đi, ăn không hết các cháu mang về cho các bạn...

Lời khen của Bác, sự âm áp từ đôi bàn tay Bác đã thành báu vật cả cuộc đời của Siu Phích. Hơn nửa thế kỷ sau, kể lại cho tôi nghe câu chuyện ấy, giọng Siu Phích vẫn còn bồi hồi cảm động: Mình là thằng bé ở tận rừng núi đâu đâu, ở títt dưới bùn, đã được cán bộ Bác Hồ đưa ra Bắc học hành chăm sóc nên người, lại còn được chính Bác đặt tay lên vai ân cần thăm hỏi, lại còn được Bác khen, toàn những điều nằm mơ cũng chẳng thể thấy. Mấy năm sau lần biểu diễn cho Bác xem, Siu Phích đang du học ở Trung Quốc thì xảy ra cách mạng văn hoá, Bác cho gọi hết lưu học sinh Việt Nam về nước. Bác lo lắng cho từng người với tấm lòng của một người cha, bù đắp cho cậu bé người Thượng mồ côi bao nhiêu tình cảm. Và trọn cuộc đời mình, Siu Phích đã cố gắng sống cho xứng đáng với tình cảm ấy.

Từ một diễn viên múa, Siu Phích được nhạc sĩ Lưu Hữu Phước phát hiện và chuyển sang học thanh nhạc, được ca sĩ Trần Hiếu hết lòng dạy bảo, yêu thương. Rồi Đoàn Văn công Tây Nguyên, Siu Phích về Đoàn Ca múa Quân giải phóng miền Nam – đoàn nghệ thuật được thành lập theo chỉ thị của Bác và được Bác theo dõi từng đường đi nước bước. Anh đã cùng đoàn đi biểu diễn hầu khắp các nước xã hội chủ nghĩa: Liên Xô, Anbani, Cộng hoà dân chủ Đức, Bungari, Rumani, Triều Tiên, Cu Ba... Đến đâu, đoàn cũng được hoan nghênh nhiệt liệt, đặc biệt khi đến Cu Ba, đoàn được đón tiếp như nguyên thủ quốc gia, đích thân Phiden Caxtorô đã đến xem, choàng vai Siu Phích khen ngợi. Đó là những năm tháng cuộc chiến tranh chống đế quốc Mỹ đang bước vào giai đoạn ác liệt nhất. Những chuyến biểu diễn của đoàn không chỉ giới thiệu với bạn bè quốc tế tài năng và văn hoá Việt Nam mà quan trọng hơn, những người nghệ sĩ còn thực hiện một sứ mệnh chính trị cao cả: để cho cả thế giới thấy

được sức mạnh tinh thần của người Việt Nam, tiếng hát át tiếng bom, giữa chiến tranh khốc liệt, người Việt Nam vẫn kiên cường, yêu đời với một sức sống bất diệt. Xen giữa những chuyến lưu diễn nước ngoài, Siu Phích còn hăng hái phục vụ đồng bào trong nước. Khắp nơi trên miền Bắc đã in dấu chân Siu Phích và đồng nghiệp. Kỷ niệm khó quên của anh là lần đi biểu diễn ở Vĩnh Linh năm 1962, đúng dịp 2-9, Siu Phích cất tiếng bên bờ bắc sông Bến Hải, giọng hát ngân vang qua loa phóng thanh, một người lính ngụy bên bờ Nam cũng đứng nhিপ chân theo...

Sau ngày miền Nam giải phóng, mặc dù có điều kiện ở lại miền Bắc nhưng Siu Phích quyết định trở về quê nhà, công tác tại Đoàn Ca múa Đam San. Anh lại đem điệu múa, lời ca đến với đồng bào Kinh - Thượng ngay trên mảnh đất ông bà, như lời dặn dò của Bác năm xưa...

Ngẫm lại cuộc đời Siu Phích, có người so sánh ông với người này người khác, tiếc cho ông vì cả cuộc đời cống hiến, đến lúc nghỉ hưu vẫn chẳng có một danh hiệu nào như một sự ghi nhận công lao. Tôi hỏi ông: Bao nhiêu công lao thế, ngay cả danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú cũng không có, chú có chút buồn nào không? Ông cười điềm đạm: Tôi có may mắn là cha mẹ sinh ra đủ tay đủ chân, lại may mắn được Đảng, Bác Hồ nuôi dạy từ lúc 14 tuổi, được ca múa cho đồng bào mình xem, thế là quá tốt rồi, không cần những thứ đó đâu. Tôi biết lời ông nói là suy nghĩ thành thực, không một chút vắn gọn. Thành thực và trong sáng cả khi tôi vô tình hỏi ông được kết nạp Đảng năm nào, ông nói đùa: "Cả đời tôi chỉ là cộng sản ngoài rìa thôi cháu ạ". Ông lấy cho tôi xem mảnh vải đen để tang Bác Hồ ông cất giữ hơn bốn chục năm nay, không giấu niềm tự hào: "Nhưng tôi đã cố gắng sống theo gương những người cộng sản, theo gương Bác Hồ mình, theo những lời dặn dò của Bác". Tôi nhìn miếng vải, hình dung biết đâu sẽ có lúc nó trở thành hiện vật trong Bảo tàng Hồ Chí Minh, như một minh chứng cho lòng kính yêu của những người con Tây Nguyên với vị cha già dân tộc.

Tôi ngắm ông, một gương mặt Bohner ngoại thất tuần, tai vẫn còn dấu đeo khuyên, dáng ngồi co gồi trên ghế như già làng ngồi bên bếp lửa. Ông kể chuyện cho tôi nghe bằng giọng trầm ấm của một ca sĩ hát giọng bass còn pha nhiều âm sắc dân tộc và một trí nhớ minh mẫn, một phong cách giản dị mà lịch thiệp. Tôi nhìn ông đón đưa cháu ngoại từ tay bà, cảm nhận được niềm hạnh phúc thanh thản của một người già mà không phải ai cũng có thể tìm thấy.

BÁC HỒ VỚI NGHỆ THUẬT XIẾC

LÊ ANH

Bác Hồ rất quan tâm đến các loại hình nghệ thuật sân khấu của Việt Nam, trong đó có nghệ thuật xiếc. Với xiếc, kể từ ngày xiếc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ra đời (16-1-1956) cho đến ngày Bác Hồ đi xa (2-9-1969), trong khoảng 13 năm ấy, dù vô cùng bận với công việc lãnh đạo đất nước sản xuất và chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược và phá hoại nước ta, Bác vẫn dành không ít thời gian quan tâm đến sự nghiệp phát triển của xiếc; Người còn dành cả tình thương bao la cho diễn viên nữa.

Một hôm, vào lúc khoảng hơn 10 giờ ngày 10-1-1960, Bác đến thăm Đoàn xiếc Trung ương trong lúc anh em Đoàn đang hạ rạp bạt tại hồ Bảy Mẫu, Hà Nội. Thấy Bác vào cửa khu rạp xiếc, diễn viên Phi Hùng mừng rỡ reo lên: Bác Hồ, Bác Hồ đến...! Mọi người vô cùng sung sướng dừng công việc hạ rạp lại. Nghệ sĩ Tạ Duy Hiền, Trưởng đoàn xiếc ra đón Bác và đưa Bác đi thăm khu rạp: nhà ăn, nhà tập, cả nhà để thú nữa, tất cả đều mới dựng bằng tranh tre, vách liếp. Xem xong, Bác bảo anh em quây quần bên Bác. Bác hỏi:

- Các cháu hạ rạp, chuyển rạp đi đâu?
- Dạ, thưa Bác, chuyển rạp đi diễn ở Hải Phòng, Thái Bình... (Nghệ sĩ Tạ Duy Hiền thưa).
- Đoàn đã diễn ở đây được bao nhiêu buổi và có đông người xem không?
- Thưa Bác, đã diễn được hai tháng mười ngày với 65 buổi diễn, buổi nào cũng rất đông người xem.

- Bác biết, nhân dân ta rất thích xiếc và Bác cũng rất thích xiếc.

Bác nói tiếp:

- Các cháu biểu diễn xiếc thì các cháu phải biết xiếc Việt Nam có từ lâu đời. Vậy Đoàn xiếc phải xây dựng được nhiều tiết mục đúng là xiếc Việt Nam mà không lẫn với xiếc ngoại.

Thời gian Bác đến với xiếc chỉ khoảng hai mươi phút, nhưng hai mươi phút ấy chính là nguồn lực vô cùng quý giá, không chỉ cổ vũ lòng yêu nghề của những người nghệ sĩ xiếc mà Người còn chỉ ra đường hướng phát triển của xiếc Việt Nam.

Một lần nữa giữa năm 1963, Bác lại đến thăm Đoàn xiếc Trung ương tại khu văn công Trung ương Mai Dịch đúng vào thời điểm Đoàn mới chuyển từ khu Thanh Xuân về đây tập huấn. Sau khi Bác đến thăm các đoàn nghệ thuật ở đây, Bác đến Đoàn xiếc cũng là đoàn cuối cùng nhưng Bác lại dành cho Đoàn này nhiều thời gian hơn. Bác thăm nơi ăn, ở của anh em rồi vào sân tập trong lúc diễn viên đang luyện tiết mục. Bác bảo các cháu ngồi xuống, cùng ngồi với Bác trên tấm thảm tập. Bác cho Lý lùn (diễn viên) ngồi lòng Bác, anh vô cùng cảm động và sung sướng được vuốt râu Bác! Bác hỏi:

- Đoàn xiếc đã đi biểu diễn ở tỉnh nào?

- Thưa Bác, kể từ ngày Bác đến thăm Đoàn chúng cháu lần trước (10-1-1960), đến nay đã qua bốn mùa biểu diễn, Đoàn đã đi diễn được ở khắp các tỉnh miền Bắc.

Bác vui vẻ hỏi tiếp:

- Tập xiếc vất vả lắm, vậy bữa ăn các cháu có ăn no không?

- Thưa Bác, chúng cháu ăn còn đói! (Nữ diễn viên Tạ Dung mạnh dạn thưa).

- Có đúng không?

Mọi người cùng thưa Bác:

- Đúng ạ!

Hội ấy lương thực còn thiếu thốn lắm. Nhưng chỉ sau ít ngày Bác đến, diễn viên xiếc đang tiêu chuẩn từ 14 cân lên 22 cân.

Bác vẫn quan tâm đến xiếc, nhất là mỗi khi Đoàn xiếc đi biểu diễn hữu nghị ở nước ngoài. Sau chuyến đi biểu diễn ở ba nước Trung, Triều, Mông, tháng 9-1967, Đoàn lại đi diễn ở bảy nước Đông Âu. Trước ngày đi, Bác gọi vào Phủ Chủ tịch, diễn từng tiết mục để Bác xem, có tiết mục Bác còn chỉ cho rõ thêm cả ý đồ và kỹ thuật diễn nữa như tiết mục “Trò khéo trên chân” của nữ diễn viên Cao Oanh. Rồi Bác căn dặn: “Các cháu đi biểu diễn ở các nước đó cho tốt. Việt Nam chiến đấu anh hùng, thì xiếc Việt Nam cũng phải diễn cho hay, thể hiện được tinh thần đó”. Khi Đoàn về nước, Bác cũng gọi Đoàn vào báo cáo Bác nghe kết quả của chuyến đi này. Ngô Ngọc Yên, Trưởng đoàn thưa với Bác: “Chuyến đi này ba tháng, chúng cháu diễn ở 43 thành phố của 7 nước, gồm 108 buổi diễn, với tổng số 173.200 lượt người xem, trong đó diễn ở Liên Xô 36 buổi, có 52 lượt người xem. Nhân dân các nước đó khen xiếc Việt Nam và cổ vũ rất nhiệt tình trong các buổi diễn”. Bác vui vẻ, gật đầu. Sau đó Bác chụp ảnh với anh em trong Đoàn đi này.

Cũng vì chăm lo cho xiếc, một hôm xiếc diễn buổi tối ngoài trời (22-12-1962) tại Nhà hát Nhân dân (khu Đấu Xảo cũ, Hà Nội), Bác Hồ cũng đến xem, có cả bác Tôn Đức Thắng cùng đi xem với Bác. Trước khi về, Bác còn gửi lại gói kẹo gồm để phát cho diễn viên.

Hội ấy, xiếc được coi là *mũi nhọn* của ngành sân khấu, bởi xiếc được đông đảo nhân dân rất hâm mộ. Do vậy, những buổi tiếp khách quốc tế trong Phủ Chủ tịch hoặc chiêu đãi ở Hội trường Ba Đình (có tới hàng chục buổi), Bác thường cho mời xiếc vào biểu diễn phục vụ, Bác cùng xem với khách. Có lần diễn cả chương trình hoặc một số tiết mục. Những tiết mục luôn được vào đây diễn là: *Uốn dẻo, Tung hứng, Cô hàng giải khát, Hình tượng, Đế trụ, Luồn thang, Thang đưa, Nhào lộn, Ảo thuật,*

Hề... Những buổi diễn đó, diễn viên rất vinh dự nên đã thể hiện hết mình với tất cả sự điều luyện và tâm hồn của người nghệ sĩ xiếc, các tiết mục đó đều có sức truyền cảm mạnh mẽ, sôi động, cuốn hút người xem. Phòng diễn, mỗi khi diễn chỉ có trên dưới mười người xem mà những tràng vỗ tay cứ liên tiếp vang lên như pháo nổ. Một hôm, Giang Kim Thanh diễn xong tiết mục *Uốn dẻo*, Bác vậy Thanh đến bên, Bác xoa đầu cô diễn viên trẻ, cho Thanh kẹo và hỏi:

- Cháu diễn như thế, có mệt không?

- Dạ, thưa Bác... (Thanh cảm động quá, nói chẳng nên lời...!).

- Bác biết, diễn xiếc vất vả lắm, diễn uốn dẻo còn mệt hơn, mệt lắm!

Thanh vô cùng cảm động, sung sướng quá! Bác rất hiểu giá trị của những tiết mục xiếc nói chung và thông cảm với nỗi vất vả khổ luyện của mình. Ôi, tình thương của Bác bao la thế! Hình ảnh của Bác, Thanh không bao giờ quên. Bác đã thôi thúc những người nghệ sĩ xiếc càng say mê gắn bó với xiếc hơn.

Tình thương bao la của Bác còn luôn luôn hoà quyện rất cụ thể với diễn viên xiếc, nhất là với những diễn viên, chị em đã tự nguyện thể hiện một hình thức nghệ thuật ngược với cơ chế sinh lý của mình nên Bác rất quý lớp diễn viên này. Một hôm, Bác cho đồng chí Vũ Kỳ ra tận Đoàn xiếc đón Thuý Hằng, Thuý Hương, Cao Oanh và Lý Vân vào Dinh Chủ tịch, Bác cho ăn bữa sáng với Bác. Ăn xôi muối vừng, có thêm ruốc thịt nữa. Trong bữa ăn, Bác hỏi từng diễn viên, rồi hỏi đến Lý Vân:

- Bố mẹ cháu ở đâu?

- Thưa Bác, bố mẹ cháu là người Hoa, nay đang làm ở nông trường Tân Việt Hoa (Đại Từ, Thái Nguyên).

- Vậy cháu có thuộc bài hát nào của Trung Quốc, cháu hát cho Bác nghe?



Bác Hồ thăm Đoàn xiếc Nhân dân Trung ương (người mặc áo dài đen là ông Tạ Duy Hiền, Trưởng đoàn) - Ảnh: Đinh Đăng Định

- Vâng, cháu hát bài *Công xã là hoa hướng dương*.

Lý Vân hát... Bác vỗ nhịp trên bàn ăn.

Một hôm khác, Bác cho gọi Tạ Nhẫn, Tạ Hùng, Tạ Thuý Ngọc (con cháu Tạ Duy Hiên) vào, cho ăn bữa cơm trưa với vài ba món thanh đạm. Nhưng trưa hôm đó Bác bận việc, Bác bảo Thủ tướng Phạm Văn Đồng ăn cơm với các cháu. Vinh dự hơn cả là Lưu Kim Oanh, cô diễn viên trẻ này đã được Bác trực tiếp gặp tới bốn lần. Một lần giữa buổi trưa hè năm 1960, Oanh đi diễn ở công trường thuỷ lợi Bắc Hưng Hải, vừa về tới Đoàn, Bác cho người ra gọi Oanh vào cùng ăn bữa cơm trưa với Bác. Đặc biệt, với nghệ sĩ xiếc lão thành Tạ Duy Hiên, Bác rất quý tài năng nghệ thuật của ông. Ngày ông qua đời (3-10-1966), Bác viết thư, ký Hồ Chí Minh dưới những dòng chữ: *Được biết cụ Tạ Duy Hiên qua đời, Bác rất thương tiếc. Bác thân ái gửi lời chia buồn đến gia quyến cụ Tạ và Đoàn xiếc Nhân dân Trung ương.*

Với xiếc, sự quan tâm của Bác không chỉ dành riêng cho xiếc Việt Nam mà Người còn quan tâm cổ vũ nhiều cho xiếc của bạn. Ngày Đoàn xiếc Tê Tê Cáp Nhĩ (Trung Quốc) sang Việt Nam cuối năm 1961 và Đoàn xiếc Đức sang năm 1964, trước ngày về, Đoàn nào cũng được Bác mời vào Phủ Chủ tịch, Bác cảm ơn, khen ngợi xiếc của bạn và chụp ảnh với các nghệ sĩ trong đoàn. Hai buổi gặp mặt này, có cả diễn viên đoàn xiếc của ta. Buổi gặp nào Bác cũng tạo cơ hội cho diễn viên xiếc của hai nước gần gũi nhau. Bác bảo diễn viên ta ngồi xen kẽ với diễn viên bạn. Bác còn đưa gói kẹo cho hề Tuấn Nhật, bảo Tuấn Nhật tặng gói kẹo này cho nghệ sĩ Vương Triệu Kỳ - một vai hề xiếc nổi tiếng của Trung Quốc hồi ấy. Ngày Bác sang Cộng hoà Dân chủ Đức (1957), sau sáu ngày làm việc liên tục, dù rất bận, Bác vẫn dành thời gian đi xem xiếc... Chiều 30 tháng 7, Bác về nghỉ ở nhà khách dành cho các nguyên thủ quốc gia tại Phăng-cô. Người phụ trách lễ tân lễ phép bước vào phòng nghỉ của Bác trân trọng mời Bác đi xem Đoàn xiếc Aêrox biểu diễn tối ngay tại rạp xiếc Berlin. Đáp lời mời Bác tươi cười nói:

- Cảm ơn đồng chí! Tôi rất vui lòng...

Rồi Người nói với đặc phái viên Phritxolăngghê:

- Đi xem xiếc thì còn gì bằng! Từ ngày tôi còn trai trẻ, tôi đã thích hình thức nghệ thuật rất kỳ diệu này. Với xiếc, con người chứng tỏ những kỳ tích của mình, thực sự vượt lên trên cái bản ngã tự nhiên của chính mình.

Người còn cho đặc phái viên biết: cách đây một năm rưỡi, ở Việt Nam cũng đã cho ra đời Đoàn xiếc Trung ương, coi đó là một sự kiện trong đời sống văn hoá, nghệ thuật của nước nhà. Trước giờ đi xem xiếc. Người nói với những người có mặt, trong đó có Bộ trưởng Bộ Văn hoá Hoàng Minh Giám:

- Xiếc Đức có từ lâu đời, có lẽ cũng như ở Việt Nam ta vậy. Có điều, ở Việt Nam dưới thời phong kiến, nghệ thuật xiếc không phát triển được, phần lớn chỉ là những gánh xiếc rong mà thôi... Đi xem xiếc của bạn, chúng ta sẽ học được nhiều điều. Đây cũng là một cách đến với văn hoá Đức. Rồi đây giữa hai tổ chức xiếc Việt Nam và Đức nên có sự giao lưu hợp tác, học hỏi lẫn nhau.

Những người Đức có mặt trong buổi diễn đêm đó đều kể rằng: Bác Hồ đã xem xiếc với một niềm hứng thú lớn lao. Người chăm chú theo dõi những động tác thuần thục và tài hoa của các nghệ sĩ. Những con vật như ngựa vằn, hổ, gấu, khi,... cũng đem lại những tiết mục hấp dẫn, thú vị. Người vui cười vỗ tay mỗi khi các nghệ sĩ trình diễn xong một tiết mục, nhất là những tiết mục đặc sắc, đáng khen ngợi. Sau khi tiễn các quan chức lãnh đạo của nước bạn về, Bác còn ngồi lại trò chuyện lâu với các thành viên trong đoàn và những người giúp việc. Nhắc lại những trò như *Thăng bằng trên dây*, *Nhào lộn*, *Xiếc động vật*... của Liên đoàn xiếc Aêrôx.

Thực hiện lời căn dặn của Bác, kể từ 1960 trở đi, giữa hai Đoàn xiếc Việt Nam và Đoàn xiếc Đức đã có quan hệ hợp tác

với nhau cả về trao đổi kinh nghiệm và biểu diễn xiếc. Đặc biệt, năm 1960 ngành xiếc Đức tặng Đoàn xiếc nhân dân Việt Nam một đôi thú quý (sư tử); năm 1970, đào tạo diễn viên và xây dựng cho ta một tiết mục sư tử tại Đức, tương đối lớn và hiện đại. Ba năm sau, diễn viên Phương Hảo đưa tiết mục này về nước, biểu diễn liên tục trên sân khấu xiếc Hà Nội và rất hấp dẫn người xem hội ấy.

Tư tưởng của Bác Hồ với nghệ thuật xiếc, và tình thương bao la của Người dành cho diễn viên xiếc là những gì vô cùng quý giá, đọng lại mãi trong ký ức những người nghệ sĩ xiếc Việt Nam.

BIỂU DIỄN XIẾC CHO BÁC XEM

DUY NAM

Năm 1961, NSND Tâm Chính mới về Đoàn xiếc Nhân dân Trung ương công tác, nhưng đến năm 1963, chị đã được gặp Bác Hồ. Hôm đó Bác Hồ đến thăm Đoàn trong lúc anh chị em đang dựng rạp chuẩn bị đêm diễn. Tất cả các anh chị em chạy đến chào đón Bác. Bác ân cần hỏi thăm anh chị em diễn viên, chỉ cho các anh chị đang lao động cách buộc thật chặt các nút dây.

Năm 1966, với tiết mục *Cô hàng giải khát* thành công, Tâm Chính được vào Phủ Chủ tịch, biểu diễn cho Bác và các vị khách quốc tế cùng xem. Trước khi diễn, Bác nhắc diễn viên, tiết mục khó đấy, các cháu cứ bình tĩnh mà diễn, Bác cũng là khán giả xem thôi. Sau buổi diễn, Bác hỏi Tâm Chính: "Cháu tập tiết mục này lâu chưa?". Tâm Chính vội đáp: "Thưa Bác, Đoàn xiếc mới phân công cháu tập ạ!". Bác nhẹ nhàng căn dặn: "Cháu cố gắng tập cho tốt hơn nữa, phải tập cho nhiều người cùng biết, cùng diễn, để thay nhau biểu diễn phục vụ nhân dân nhiều hơn, tốt hơn...".

Một lần khác, Bác đến thăm các đoàn văn công tại khu Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội. Các đoàn đứng chờ đón Bác rất đông, Bác đến và triu mến hỏi: "Cháu nào ở xiếc?". Tâm Chính bước ra chào Bác, Bác cười rất tươi: "A! *Cô hàng giải khát*, cho Bác xin một cốc...". Tháng 6-1966, Tâm Chính cùng Đoàn đi biểu diễn tại Trung Quốc, Mông Cổ và Triều Tiên, được khán giả nước bạn khen ngợi, Đoàn xiếc Trung Quốc đã cử diễn viên đi theo Đoàn xiếc Việt Nam, học tiết mục "*Cô hàng giải khát*" của chị, cho đến khi làm được tiết mục này mới thôi.

Năm 1967, Đoàn xiếc Trung ương vinh dự được vào biểu diễn báo cáo với Bác Hồ, đồng chí Trường Chinh và Thủ tướng

Phạm Văn Đồng về các tiết mục xiếc, chuẩn bị đi diễn tại Trung Quốc và các nước bạn - Đông Âu (Liên Xô, Tiệp Khắc, Ba Lan, CHDC Đức, Rumani, Bulgarri...). Bác Hồ xem từ đầu đến cuối, khi kết thúc chương trình, Bác góp ý kiến cho từng tiết mục. Tiết mục *Cô hàng giải khát*, Bác nhắc nhở: "Tiết mục của cháu cần phải làm sao đưa được sức sống thêm vào. Nếu chỉ diễn mấy chiếc ghế, mấy cái cốc thì tài giỏi mấy cũng không thể đem đến cảm thụ hay cho người xem được. Theo Bác, nội dung tiết mục của cháu là phục vụ nhân dân, cháu phải thể hiện được tốt điều đó".

Làm theo lời Bác dạy, tiết mục của Tâm Chính diễn trước đó chỉ trông được ba khay, trượt bập bênh, chạy trên một con lăn, sau này dần dần chị nâng lên trông được bảy khay cốc, cùng chạy trượt trên con lăn. Hệ thống khay cốc và con lăn lại chạy trên bàn nhỏ kê trên bốn chiếc chai lên trên chiếc bàn bốn chân. Tâm Chính nhảy dần lên từng khay, đứng trên cái khay trên cùng, tay vừa tung hứng, vừa điều khiển đung đưa hệ thống các khay cốc di chuyển, chạy nhẹ nhàng, bồng bênh như sóng biển, nhịp nhàng trượt trên và theo con lăn quay tròn. Trong vai diễn *Cô hàng giải khát*, Tâm Chính là cô mậu dịch viên bán hàng với nụ cười tươi tắn trên môi, đã thu hút được tất cả người xem.

Các anh chị em nghệ sĩ xiếc còn nhớ mãi kỷ niệm, một lần biểu diễn ở Hội trường Ba Đình, Bác vào tận hậu đài sân khấu, thăm hỏi, động viên mọi người. Đột nhiên, Bác quay sang hỏi đồng chí phụ trách tổ chức đêm diễn hôm đó: "Chú đã chuẩn bị bồi dưỡng cho các cháu sau buổi diễn chưa?". "Thưa Bác, chúng cháu đã chuẩn bị ạ!". "Thế chú định bồi dưỡng cho các cháu món gì?". "Dạ thưa Bác, bánh mì patê và nước chanh ạ!". Nghe vậy, Bác tỏ vẻ không vui, Bác nói: "Xiếc là môn lao động nghệ thuật rất nặng nhọc, nếu là chú sau khi làm việc mệt nhọc, chú có muốn ăn bánh mì không? Bác đề nghị chú cho các cháu ăn món ăn có nước...".

Những lần gặp Bác là kỷ niệm ấm lòng với các nghệ sĩ xiếc Việt Nam.

VÀO ĐỜI

ĐINH NGỌC LIÊN

... Ngày 19-8 - Hà Nội đã rầm rập khí thế cách mạng. Lính tráng chả dám lộ mặt ra phố.

Sáng 19-8, nghe quân cách mạng đã chiếm phủ Khâm sai (Bắc Bộ phủ) mấy viên đội tập trung lại xin ý kiến tôi - bây giờ là cấp to nhất trong trại xem phải làm gì. Tôi trả lời: "Tôi chỉ biết kèn, tôi không biết súng" và tôi vẫn ngồi trong phòng riêng. Ngoài kia, binh lính đã mở toang cửa đón quân chúng cách mạng vào như sóng vỗ bờ. Anh em, trong đó có nhiều người lính kèn của tôi hăm hở chỉ đường cho quân cách mạng chiếm lĩnh kho súng, quân trang.

Tôi lo lắng ngồi trong phòng đợi. Tôi đang hình dung những người cách mạng hùng hổ vác súng vào áp giải tôi... thì cửa phòng mở. Trước mặt tôi là bốn cô tiểu thư quần trắng áo dài bước vào phòng (tôi chỉ còn nhớ có tên cô Minh và cô Thi). Tôi bàng hoàng cả người. Xưa nay trong trại lính chả bao giờ có bóng đàn bà con gái. Mà lại là con gái "cảnh vàng lá ngọc" như thế này. Tôi lịch sự kéo ghế mời. Các cô, cô nào cũng ánh mắt sáng ngời, vui vẻ kể chuyện chiếm lĩnh phủ Khâm sai cho tôi nghe, hỏi thăm tình hình trong trại. Trong chốc lát, nỗi lo lắng của tôi tiêu tan: "Cách mạng thân mật như thế này sao?".

Lúc đó đã quá 11 giờ trưa, người cần vụ, theo lệ thường vẫn bê suất cơm lên cho quan quân. Tôi nhìn suất cơm quen thuộc có liền cơm tấm, có đĩa thịt kho, có bát canh thịt... Tôi nhìn bốn cô gái trẻ, lúng túng hỏi:



Bác bắt nhịp bài ca Kết đoàn - *Ảnh: TTXVN*

- Các cô đã xoi cơm chưa?

- Tụi em đi từ đêm, chưa ăn uống gì, đói rồi.

Tôi thành thật mời bốn cô xoi suất cơm của tôi, chỉ lấy thêm cơm. Các cô đồng ý.

Tôi bảo anh lính bê suất cơm của tôi xuống nhà ăn. Tôi biết tôi không thể nào ăn được trong lúc này. Không ăn mà không hề cảm thấy đói.

Thấy các cô vui vẻ, tôi mạnh dạn hỏi:

- Người đứng đầu các cô là ai?

- Đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

Một trong bốn cô nhanh nhẩu trả lời.

Nguyễn Ái Quốc, lần đầu tiên tôi được nghe tên đó - Bước đường đi với cách mạng của tôi bắt đầu.

Ngày ngày hôm sau, quân cách mạng đã ổn định trật tự trong doanh trại.

...Tiếp đó là những ngày "Ban nhạc Vệ quốc quân" chúng tôi làm việc không kể giờ giấc. Nhiều việc lắm. Phục vụ các cuộc mít tinh, các buổi lễ, những buổi hoà nhạc ở vườn hoa Chí Linh, Bách Thảo, một tuần luôn 4, 5 tối ở Nhà hát lớn... rồi chiều thứ sáu dạy hát ở trụ sở Phụ nữ cứu quốc (Trường Ngô Sĩ Liên ngày nay), tối thứ sáu biểu diễn ở Đài phát thanh (số 2 Phạm Ngũ Lão), chiều thứ bảy dạy hát ở Toà thị chính, dạy các bài ca cách mạng cho bất cứ ai muốn học.

Các khu phố hội họp gì mà mời, Ban âm nhạc cũng đi. Thậm chí có lần đội nhi đồng phố nọ mời, chúng tôi cũng không từ chối.

Trong dịp này, qua những đợt biểu tình, diễu hành v.v., tôi nhận thấy bà con mình đi trong hàng ngũ cứ như người đi chợ, tôi bèn nghĩ phải làm cách nào để bà con đi đúng nhịp cho nó có khí thế mới được. Thế là tôi sáng tác bài "Hành khúc trong Vệ

quốc đoàn" với 16 nhịp trống giản dị, cử anh em trong ban nhạc đi phổ biến cho các đội trống nhi đồng của các khu phố. Các em gọi ngay là "trống ếch".

Nhịp trống ếch phổ cập dễ dàng, nhanh chóng lan đi khắp miền đất nước. Mỗi lần nhịp trống nổi lên, hàng ngũ rập đều khí thế. Sau này đi kháng chiến, nghe nhịp trống ếch ở những ngõ hẻm hang cùng, tôi rất vui với sự đóng góp nho nhỏ của mình. Sẽ là thiếu sót nếu không nhắc đến công lao to lớn của các đồng chí: Đỗ Thiên, Thanh Sơn, Chí Hiếu, Đình Thiêm v.v. trong tổ chuyên đi hướng dẫn các bài ca cách mạng, và các đồng chí Huỳnh - An - Hưng - Đĩa v.v. trong tổ hướng dẫn trống ếch cho các đội trống thiếu niên, nhi đồng khắp Thủ đô. Có nhiều lần toàn đội "Âm nhạc Vệ quốc quân" đến để phối hợp đôi với phong trào lúc này.

Rồi cái ngày mong đợi nhất đã đến, ngày mùng 2 tháng 9 lịch sử. Ngày Tuyên ngôn Độc lập nơi quảng trường Ba Đình. Ban âm nhạc Vệ quốc quân đã cố vốn liếng khá phong phú các bài ca cách mạng. Trước đó, bài "Tiến quân ca" của Văn Cao cũng chỉ được tấu, hát như mọi bài khác, như "Diệt phát xít", "Chiến sĩ ca", "Du kích ca"... thôi. Mãi hôm đó chúng tôi mới được lệnh tấu như Quốc thiều. Và cũng từ ngày đó bắt đầu lịch sử bản Quốc ca Việt Nam.

Tôi đứng trước đoàn quân nhạc, hướng thẳng vào lễ đài lòng nôn nao chờ đợi để được thấy ông Nguyễn Ái Quốc. Đến khi nghe giới thiệu là Cụ Hồ Chí Minh thì tâm hoang mang. Tôi vẫn hình dung người lãnh đạo phải là người oai vệ như kiểu Nguyễn Thái Học. Còn bây giờ, trước mắt tôi là một cụ già xương xương với bộ kaki đã sờn, với bộ râu thưa, với dáng vẻ đôn hậu, từ tốn bước lên lễ đài... Và Cụ trang trọng đọc bản Tuyên ngôn.

Tôi ở trong đội kèn đã lâu năm, đi đón các loại vua chúa, quan quyền đã nhiều, mỗi khi họ nói đều lên gân, cao giọng,

hách dịch làm cho người nghe phát sợ. Còn đây, giọng Cụ khoan thai, dong dạc, sang sảng mà ấm cúng làm sao! Chúng tôi nuốt từng lời và nghẹn ngào đến trào nước mắt. Khi Cụ dừng lại giữa chừng và tha thiết hỏi: "Tôi nói đồng bào nghe rõ không?". Câu hỏi đã đi vào lịch sử cùng với bản Tuyên ngôn vang dội. Câu hỏi như một chất keo vô hình đã gắn khối quần chúng cách mạng với lãnh tụ của mình. Tôi sung sướng biết bao được là một đồng bào của Cụ. Ai đó đã nói rất hay rằng: "Cách mạng là ngày hội của quần chúng!". Quả thật, những ngày đầu cách mạng, đối với chúng tôi, mỗi ngày vui như hội. Lúc nào cũng thấy ở phía trước bao nhiêu công việc chờ đợi mình. Ngót nửa năm sau ngày Tổng khởi nghĩa, ngày 6-1-1946 Tổng tuyển cử đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Hà Nội, một lần nữa rực rỡ trong màu đỏ của cờ, màu đỏ của hoa. Ban âm nhạc Vệ quốc quân bắt đầu một ngày từ 5 giờ sáng tới 5 giờ chiều. Chúng tôi đem kèn trống đi phục vụ các thùng phiếu Thủ đô, sang tới Gia Lâm, xuống tận Thanh Trì, toàn là đi bộ. Chiều hôm đó trở về đến doanh trại, tôi chấn chỉnh đội ngũ để nhận xét công tác trong ngày, động viên anh em như thường lệ, tôi đương định giải tán thì anh Phan Mỹ đưa cho một cái thư, tôi tưởng là công văn chỉ thị như mọi khi, định bỏ vào túi, đọc sau, mệt quá rồi, ai cũng chỉ mong chóng được trút bỏ bộ quần áo ra mà thở thì anh Phan Mỹ lại giục: "Đọc đi, đọc cho anh em nghe". Tôi giờ thư ra, trời ơi! Thư của Hồ Chủ tịch, còn tươi nét mực đây này. Tôi tỉnh người, lập cập đọc to cho anh em nghe. Cho đến bây giờ, tôi vẫn còn nhớ nguyên từng lời từng chữ và có thể chép ra đây mà không cần lục giở chút nào.

Thư Bác, góc trái in tiêu đề "Bộ Ngoại giao", Bác viết:

"Thân gửi Ban âm nhạc Vệ quốc quân.

Hôm nay 6-1 ngày Tổng tuyển cử, anh em đã nô nức đi cổ động khắp Thủ đô từ sáng sớm đến chiều làm cho ngày Tổng tuyển cử được tưng bừng vui vẻ và kết quả.

Bác thay mặt những ứng cử viên của Thủ đô Hà Nội cảm ơn và khen ngợi anh em.

Chào thân ái
HỒ CHÍ MINH"

Tôi đọc đến chữ "Bác thay mặt" thì ghen lại, không thể nào đọc tiếp được. Anh em xúm lại vỗ lấy thư, xuyết xoa chuyển thay nhau đọc. Tôi lấy thể chỉ huy, đọc quyền giữ bức thư Bác, lúc nào cũng để trong người, chỉ sợ mất.

Ngày hôm sau, gặp anh Trần Lâm (Giám đốc Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam) tôi đem khoe, anh Lâm lấy ngay và tự mình đọc trước máy trên đài. Nhảy thể.

Ba hôm sau, Bác đến Trường Kỹ nghệ thực hành khai mạc lớp học Quân chính (hồi này Bác luôn luôn tới các lớp học để huấn thị, Bác đi như thế, bao giờ Ban Âm nhạc chúng tôi cũng được đi theo phục vụ). Bác vào lớp, chúng tôi đứng ngoài đợi khi Bác ra thì thổi kèn tiến. Lúc ra, Bác tới ngay chỗ tôi đứng, thân mật hỏi: "Hôm mình gửi cho anh em Ban Âm nhạc cái thư, nhận được chưa?". Tôi cảm động quá ấp úng: "Thưa Bác, chúng cháu xin cảm ơn Bác!". Bác huých khuỷu tay vui vẻ gạt đi.. Tôi cứ bần thần suy nghĩ: "Bác bận trăm công nghìn việc, gửi lá thư nhỏ đi rồi, Bác còn nhớ để kiểm tra lại". Bài học đầu tiên về tác phong tỉ mỉ sâu sát của Bác, tôi nhận được từ hôm ấy.

... Năm 1946, Ban Âm nhạc Vệ quốc quân đi phục vụ dịp Bác khai mạc lớp học Quân chính ở khu Đông kinh nghĩa thực (gần chợ Đồng Xuân). Sau khi thổi kèn nghiêm, kèn chào và Quốc thiều xong, Bác vào lớp học... Chúng tôi được lệnh lên xe ca, gấp rút lên Tông (Sơn Tây) để phục vụ lễ khai mạc Trường võ bị khoá I Trần Quốc Tuấn. Tổ chức quy mô lắm, toàn học sinh trí thức, quân phục mới toanh, đội ngũ uy nghiêm, chỗ nào cũng mũi tên chỉ đường đi lối lại đâu ra đấy. Chúng tôi đứng nghiêm chỉnh vào đúng vị trí dành cho mình, chờ đợi. Khoảng gần 11 giờ, Bác tới. Kèn nghiêm,

tiếng hô bùng súng chào, kèn chào nổi lên. Đáng lẽ Bác đến thẳng trước lá Quân kỳ như mũi tên đã chỉ dẫn để làm lễ thì Bác lại xăm xăm rẽ vào chỗ quân nhạc, tươi cười Bác nói:-"Ồ xa, Bác nghĩ là đội nhạc khác, đến gần, té ra vẫn Bác cháu mình!". Mọi người gần đấy cười theo, làm cho không khí vui vẻ hẳn lên. Bác dặn tiếp: "Các cháu phải ra sức đào tạo thêm nhiều vào, quân đội ta ngày càng trưởng thành, càng cần nhiều quân nhạc".

Tôi đỉnh ninh lời dạy của Bác. Đi đâu, ở chỗ nào cũng nhớ nhiệm vụ đào tạo Bác trao.

Lớp nhạc sinh quân đầu tiên, chúng tôi tuyển được 12 em từ 12 đến 14 tuổi, trong đó có Huy Thục, Trọng Mai, Tú Ngọc... những nghệ sĩ quen biết sau này. Hiện nay số lớn nhạc sinh quân này đương đảm nhiệm những cương vị công tác quan trọng trong văn học nghệ thuật của đất nước.

Thâm tâm tôi còn muốn đào tạo cả nữ nhạc sinh quân nữa. Từ 1938, tôi đã thấy một ban nhạc hơi người Nga toàn là nữ, biểu diễn rất thành công. Nữ có lợi thế lưỡi mỏng và nhọn, môi mỏng, răng đều v.v. rất thuận lợi cho việc thổi kèn. Con gái thổi kèn búp trông cứ như đang cười tươi, thật đẹp (trong kháng chiến tôi cũng đã chú ý đào tạo nữ nhạc binh, nhưng vì hoàn cảnh chiến tranh nên chưa thành công).

Khi tướng Lur Hán còn ở Hà Nội, chúng ta cần tranh thủ, nên tôi cũng chú ý hoà âm phối khí một số bài hát của quân đội Tưởng, đã mấy lần trình diễn ở Nhà hát lớn. Tôi nhớ mấy lần đoàn văn công của Tàu Tưởng sang biểu diễn, họ mời quân nhạc ta đến phối hợp. Khi chúng tôi đi, anh Trần Độ dặn: "Họ sẽ đưa tiền đấy, tìm cách từ chối, đừng lấy". Quả nhiên, biểu diễn xong, họ khen lấy khen để và đưa cho tôi một bó tiền Quan kim to bằng cái gối bông lớn, tôi tìm cách từ chối khéo. Anh em trong đoàn thấy tôi không lấy tiền của Tàu thì vui ra mặt. "Phải cho họ biết thế nào là Quân nhạc Việt Nam độc lập chứ!", anh em bảo thế, tôi cũng nghĩ như vậy.

Chúng tôi vẫn lấy các bài ca cách mạng làm nội dung chính của các chương trình biểu diễn, với ý thức phổ cập tới quần chúng rộng rãi. Các đồng chí Hoàng Văn Thái, Đàm Quang Trung, Phan Mỹ luôn luôn trao đổi cách soạn chương trình với tôi. Các anh đều nói: "Tìm những bài nhẹ nhàng hơn cho chương trình thêm màu sắc phong phú, phải vừa phổ cập, vừa nâng cao. Có thể chọn thêm những bài cổ điển chẳng hạn!". Được lời như cởi tấm lòng, tôi đưa một số bài cận kim nổi tiếng vào chương trình. Nó vốn là sở trường của Quân nhạc mà. Bên cạnh những bài ca cách mạng sôi nổi, hùng hực khí thế, các buổi trình diễn của Quân nhạc còn đem đến cho Người Hà Nội những "Phiên chợ Ba Tư", "Dòng sông Đa Nuýp xanh", "Kỵ binh nhẹ", "Thi sĩ và nông dân", "Con đầm Bích", "Lêcôn-gơ-Đoócman", "Cácmen" bất hủ.

Có người Việt Nam nào được sống những ngày sau Cách mạng tháng Tám mà quên được không khí dạt dào lòng yêu nước trong "Tuần lễ vàng" lịch sử. Tuần lễ Bác Hồ kêu gọi quyên vàng mua súng đạn, nuôi quân đánh đuổi xâm lược, giữ gìn nền Độc lập non trẻ vừa giành được. Những tấm lòng hằng tâm hằng sản dốc lòng cho đất nước. Tuần lễ vàng ngày ấy với đầy đủ ý nghĩa cả vật chất lẫn tinh thần. Anh em Quân nhạc chúng tôi chẳng có tí vàng nào góp quyên cả, nhưng đã đóng góp những tấm lòng vàng. Quả thế, suốt một tuần lễ chúng tôi phục vụ không ngơi nghỉ. Dem kèn trống đến các hòm quyên khắp nội ngoại thành Hà Nội: Thanh Trì, Bưởi, Gia Lâm. Bài "Diệt phát xít" của Nguyễn Đình Thi với sức kêu gọi mãnh liệt của nó trở thành cái đỉnh trong tuần lễ vàng. Cứ đồng bào quyên từ một lạng trở lên là Quân nhạc tặng một bài. Cũng có trường hợp một vài chỉ vàng nhưng là cả tấm lòng dốc túi của cụ ông, cụ bà nào đấy chúng tôi cũng thôi tặng...

BÁC VỚI NGƯỜI NGHỆ SĨ

TRẦN VƯỢNG

Những ngày đầu tháng 2-1951, tôi dẫn một đơn vị văn công đi bộ năm ngày đường, từ vùng rừng Bình Ca lên Đầm Hồng, Chiêm Hoá tỉnh Tuyên Quang, để phục vụ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng Cộng sản Đông Dương. Thật ra, trên đường đi, ngay cả những người đảng viên trong đoàn cũng không thể đoán biết được rằng Đại hội lịch sử lần này sẽ đưa ra một quyết định cực kỳ quan trọng là đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam và ra hoạt động công khai nhằm tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng và đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến toàn thắng! Nhưng chỉ một ý nghĩ rằng đây là dịp may hiếm có để chúng tôi có thể được gặp Bác Hồ cũng đã đủ làm chúng tôi quên hết vất vả dọc đường.

Chúng tôi được phân đến ở những nhà sàn trong một bản của đồng bào dân tộc. Để giữ đúng nguyên tắc bảo mật phòng gian, chúng tôi tránh đi sang khu vực của các đại biểu Đại hội, cũng không la cà đến những lán của các bộ phận khác phục vụ Đại hội. Hôm ấy, một mình tôi đến hội trường chính ở trên một quả đồi có nhiều cây to rợp bóng, để nhận chỗ ngồi cho cả đoàn và để biết chúng tôi sẽ phải làm gì trong buổi lễ trọng thể khai mạc Đại hội vào sáng hôm sau. Công việc của chúng tôi sẽ rất ngắn gọn nhưng đòi hỏi một xúc cảm thiêng liêng và một tư thế thích hợp với cảnh tượng tôn nghiêm của buổi lễ: Chúng tôi sẽ cử bài *Quốc ca*, bài *Quốc tế ca* và bài *Lãnh tụ ca*. Sau đó chúng tôi được nghỉ, và đến giờ các đại biểu giải lao thì chúng tôi sẽ hoà nhạc ngoài trời dưới những vòm cây. Chợt tôi thấy một ông

già như một ông Tiên đang bước qua chỗ nước nông sẫm sấp bàn chân để sang bờ suối bên tôi. Tôi đứng ngây ra... Cho đến bây giờ, tôi chỉ được nhìn gương mặt Bác trong những khung ảnh. Ngay cả ngày Bác đọc Tuyên ngôn Độc lập ở vườn hoa Ba Đình, vì đứng tít tận đằng xa, tôi cũng chỉ nhìn thấy vóc dáng Bác bằng sự hỗ trợ của trí tưởng tượng nhiều hơn là bằng khả năng thực sự của con mắt. Vậy mà hôm nay tôi biết ngay ông già đang bước qua suối kia chính là Bác Hồ. Bây giờ râu và tóc Bác vẫn chưa bạc hết. Gương mặt Bác hơi gầy làm cho vàng trán càng cao thêm. Bác đi dép râu lớp cao su đen, vận quần nâu và khoác chiếc áo dạ màu cỏ úa, một loại chiến lợi phẩm nổi tiếng thời bấy giờ - chiến lợi phẩm của chiến dịch Biên giới. Đã xúc động mạnh vì gặp Bác lần đầu, tôi càng thêm hồi hộp vì chỉ có một mình, mà Bác đang đi tới cũng chỉ có một mình, không thấy có đồng chí cần vụ nào đi theo cả. Tôi cuống lên, đứng sang một bên để nhường lối và nghiêng mình áp ứng:

- Bác ạ...

Chắc là trên mặt tôi lúc đó có một nét xúc động rõ lắm và chắc là đã nhiều lần Bác nhận thấy cái nét đó trên gương mặt những người được gặp Bác lần đầu, nên Bác không nỡ đi qua mà không hỏi một câu gì. Tôi cảm thấy râu Bác thực sự đang cười chứ không phải chỉ rung rung vì gió suối:

- Chú chăm học nhỉ... Quyển sách gì đấy?

Tôi không ngờ Bác hỏi một câu như vậy. Cánh tay tôi như bị điện giật. Số là tôi đang cầm dưới nách một quyển sách Nga. Đó là một tuyển tập gồm bốn vở kịch dài của Tsêkhốp, dịch sang tiếng Pháp, do nhà xuất bản ngoại văn Matxcova ấn hành, và do một đồng chí đi công tác nước ngoài đem về Việt Bắc. Bây giờ ở A.T.K (tiếng dùng lúc ấy để chỉ an toàn khu) rất hiếm sách, nhất là sách ngoại văn. Phần là thiếu sách để đọc, phần là lần đầu tiên đọc kịch do người Nga viết, phong cách khác hẳn kịch Pháp mà

tôi được đọc lúc còn học trường phổ thông, nên tôi luôn luôn mang theo và đọc đi đọc lại những lúc rảnh rỗi.

- Dạ, thưa Bác, một quyển kịch do Liên Xô xuất bản...

- Chú làm văn nghệ?

- Dạ, thưa Bác, chúng cháu là văn công được gọi đến phục vụ Đại hội.

- À, chú ở đoàn kèn?

Lúc đó chúng tôi chỉ là một bộ phận nhạc hơi gồm mấy chục nhạc công hầu hết cao tuổi, trước phục vụ "toà khâm" và triều đình Huế, sau ngày toàn quốc kháng chiến chống Pháp thì thuộc quyền quản lý của Sở Thông tin tuyên truyền liên khu Bốn và phục vụ nhân dân các tỉnh Bình Trị Thiên và Nghệ Tĩnh, cuối năm 1949 được đưa ra Việt Bắc và nhập vào Đoàn văn công tổng hợp của Nha thông tin tuyên truyền Việt Nam.

- Thưa Bác, đoàn chúng cháu có cả các bộ phận nhạc dây, kịch nói và ca múa; nhưng chỉ có bộ phận nhạc hơi được đến phục vụ...

Từ bộ râu hiền từ của Bác lại ánh lên một nét cười và Bác chỉ vào tập kịch của tôi:

- Vậy là chú không muốn chỉ thổi kèn, mà còn định làm kịch nữa?

Tôi có cảm tưởng giống như ngày còn bé đang đứng trước ông tôi. Ngày ấy, hễ tôi tỏ ra ham muốn nhiều thứ cùng một lúc - chẳng hạn như vừa thích thả diều lại vừa thích đi câu - thì ông tôi cũng nheo mắt cười và bảo tôi bằng những lời thương mến như vậy.

- Thưa Bác, cháu chưa thổi được kèn, mặc dù cháu cũng có tập. Cháu làm công tác quản lý văn công. Ở đoàn chúng cháu bí nhất là kịch. Nhạc thì có những bài cũng tốt rồi, nhưng kịch bản dùng được thì bí quá. Giá mà chúng cháu có được vở *Con rồng tre* của Bác để diễn...

- Ày... ị...! - Nét nheo trên đuôi mắt Bác tạo thành vẻ hóm của một nụ cười đầy từng trải - *Con rồng tre* ấy thất lạc mất rồi, và lại hồi đó, Bác cũng là nhà báo viết kịch thôi... - Rồi Bác lại chỉ vào tập kịch, nói tiếp: - Các chú muốn viết kịch, đó là một việc tốt. Nhưng phải chịu khó học tập mới làm được. Ở nước ta, nhiều người làm được thơ, ít người biết viết kịch...

Đúng là tôi uống từng lời của Bác... Nhưng nguồn nước mát đó đột ngột bị chấm dứt bởi sự có mặt của mấy đồng chí "công tác đội" (những người chuyên làm lán và những dịch vụ khác ở A.T.K). Không biết họ từ những góc nào trong rừng mà đã phát hiện ra Bác và ủa đến như những cơn lốc! Và không biết như thế nào mà một ông "phó nháy" cũng đã chạy đến giờ máy ảnh lên. Tôi kịp nhận ra rằng không những tôi hết được nghe riêng những lời Bác dạy mà tôi cũng không còn được đứng gần Bác nữa rồi. Những người khác đã đẩy tôi ra để được đứng sát Bác trong khi máy ảnh loé sáng. Thật ức cho tôi quá, vì Bác dừng bước ở chỗ này là do "công" tôi chứ! Nhưng đúng lúc đó, tôi thấy Bác giờ tay vẫy gọi: "Đưa nó lại đây!". Tôi nhìn theo tay Bác thì thấy một chị cấp dưỡng đang bế con chạy đến. Bác giờ tay qua đầu mấy người đứng gần để đỡ lấy cháu bé và nói: "Chỗ tốt nhất phải là của nó chứ...". Đèn chiếu máy ảnh lại loé sáng, và lúc này thì quanh Bác đã là cả một đám đông như một cuộc mít tinh rồi...

Hôm sau, trong giờ hội nghị giải lao, chúng tôi hoà nhạc ngoài trời. Các vị đại biểu, nhóm năm, nhóm ba, đứng ngồi nghe nhạc hoặc nói chuyện dưới những tàn cây. Bác bận việc, chỉ thấy Bác Tôn và những đồng chí lãnh đạo khác ra ngoài nghỉ giải lao. Bác Tôn là người thính giả rộng lượng và xuê xoa nhất, ngồi lẫn vào chúng tôi, ngay trên cái băng của người nhạc công đánh trống ở cuối dàn nhạc; sợ Bác Tôn choáng tai, tôi vội đi kiếm một chiếc ghế đẩu đặt ở phía trước dàn nhạc để mời Bác ngồi. Bác Tôn cười xoa:

- Tôi không sành nhạc, ngồi chỗ nào tôi cũng thấy vui tai vậy thôi à! - Rồi Bác ghé tai tôi nói thêm - Bác Hồ rất khen ông nhạc trưởng của các đồng chí.

Bây giờ tôi hiểu ra rằng Bác Tôn ngồi cùng với chúng tôi ở phía sau dàn nhạc để hoà mình thân mật với anh em nhạc công và cũng có phần vì thích nhìn ông nhạc trưởng già. Nhạc trưởng Phạm Văn Minh của chúng tôi quả là một bậc tài ba hiếm có trong nghề. Ông vào nghề nhạc từ năm 1919, đã từng đi Pari biểu diễn năm 1931 và đoạt giải thưởng của Pháp. Ông thuộc lòng tất cả những bài nhạc do ông chỉ huy biểu diễn, nhất là những bài nhạc cổ điển phương Tây nổi tiếng; không bao giờ tôi thấy ông phải liếc nhìn vào bài nhạc đặt ở trên giá. Chiếc đũa chỉ huy của ông không phải đánh nhịp hay gõ nhịp mà là múa - một điệu múa ngoạn mục khó tả lại bằng lời. Chỉ nhìn vào chiếc đũa chỉ huy và bàn tay mềm mại của ông, người ta đã hiểu được ý tình ngụ trong từng nét nhạc.

Tối hôm ấy, chúng tôi hoà nhạc ở hội trường. Bác chỉ ra nghe được một lát, rồi lại vào, vì bận tiếp khách quốc tế. Lúc đi ngang qua, Bác bảo tôi:

- Ông *Chef d'orchestre* của các chú cừ lắm - Hình như thấy ai biết thứ ngoại ngữ nào thì lúc nói chuyện Bác thích dùng vài từ ngoại ngữ ấy cho người đó thoải mái. Bác nói thêm: "Bác sẽ mời ông lão ăn cơm riêng, chú chuẩn bị...".

Rồi Bác đi về phía hậu trường.

Tôi không thể tả được nỗi sung sướng và niềm vinh hạnh của nhạc trưởng Phạm Văn Minh sau khi được ăn một bữa cơm với Bác Hồ. Ông cứ nói đi nói lại với tôi một câu: "Bây giờ thì tôi chết được rồi... tôi tạ tội nguyện rồi...". Bây giờ, tôi nghĩ rằng câu nói đó chỉ biểu thị lòng hân hoan tốt độ của ông thôi; không ngờ mấy tuần sau, nhạc trưởng khả kính của chúng tôi qua đời thật!

Tất nhiên, không ai nghĩ rằng ông chết vì lời nói gở. Khác xa với ngày nay, ở Việt Bắc thời đó, bệnh sốt rét rừng hoành hành dữ dội. Bạn hãy hình dung mẩu chuyện tôi sắp kể đây: Một buổi sáng, chúng tôi tổ chức vào rừng lấy củi về cho tổ cấp dưỡng. Vì cơ quan đông, vả lại ai ngờ đâu mà kiếm mất từng người, cho nên mãi bữa cơm chiều chúng tôi mới nhận ra là thiếu mặt anh Ngô. Tìm không thấy đâu, chúng tôi đốt đuốc trở vào những góc rừng mà chúng tôi đã lượm củi. Cuối cùng tìm được anh Ngô như đang nằm ngủ nhưng thực ra anh đã chết rồi. Bác sĩ xác nhận anh đã bỏ mình vì một cơn sốt rét ác tính đột ngột! Chúng tôi không ai không lên cơn sốt rét vài lần mỗi năm. Sau một cơn sốt rét, ông nhạc trưởng lâm bệnh nặng, phải vào nằm ở bệnh viện Chiêm Hoá. Mặc dù được chăm sóc bởi các thầy thuốc danh tiếng ở Việt Bắc lúc bấy giờ, như giáo sư Hồ Đắc Di, giáo sư Tôn Thất Tùng, bác sĩ Nguyễn Văn Chánh... nhưng ông già Phạm Văn Minh đã tỏ ra không thể gánh thêm được một tuổi nào nữa. Trước khi mất, có một thời gian ông tỉnh táo hẳn lại và sáng suốt lạ thường: ông nói với tôi những điều mà tôi lược ghi lại sau đây:

- Tôi sinh ra làm một con chiên của Chúa, thuộc nhà thờ Phú Cam ở cố đô Huế. Kể về đường họ hàng thì Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Khôi phải gọi vợ tôi là cô họ; nhưng bà ấy thật là người tốt, thật là một người đàn bà chung tình; bà ấy không nghe theo Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Khôi mà đi theo tôi ra vùng kháng chiến. Khi tôi chia tay với vợ tôi ở Đô Lương - Nghệ An để lên Việt Bắc, bà ấy có nắm tay tôi, bảo rằng: "Tuổi ông còn mưu cầu công danh gì nữa! Ông hãy tự lượng sức khoẻ của mình, liệu có thể sống đến ngày vợ chồng gặp lại được nhau không!". Tôi nói: "Bà nói đúng. Cái nghề chơi nhạc của tôi, làm nhạc trưởng là tôi thích nhất thì đã làm rồi. Đâu phải tôi đi tìm công danh! Nhưng cái vinh quang của nghề tôi là trong đám thính giả hâm mộ mình, có cả những nhân vật lớn nhất một

thời... Dưới chế độ cũ, cả vua cũng gật gù nghe tôi hoà nhạc. Nhưng với chế độ mới, tôi chưa toại nguyện. Tôi lên Việt Bắc chuyển này với hy vọng nghề nhạc sẽ giúp tôi có cơ hội được gặp Bác Hồ"...

Tôi cười bảo ông già:

- Cụ so Bác Hồ với vua ư?

Ông già quả quyết nói:

- Khải Định, Bảo Đại là những ông vua mà không được nhân dân tôn kính. Bác Hồ thì toàn dân tôn kính mà thế giới càng khâm phục. Bác đáng được tôn làm vua của những ông vua...

- Cụ nói cả vua cũng gật gù nghe cụ hoà nhạc là ý nói vua Bảo Đại? Ông ta đối đãi với cụ ra sao?

- Tôi đã hoà nhạc cho vua Khải Định nghe. Còn vua Bảo Đại lên ngôi năm 1925, thoái vị năm 1945, trong thời gian 20 năm ấy, không có thực quyền mà lại hách. Các ông có ban lời khen thì phải vái tạ mà ra về, nói gì các ông ấy cho ăn cơm! Bác Hồ là vua của những ông vua thế nhưng Bác lại cho tôi cùng ngồi ăn cơm và khen tôi bằng những lời lẽ của hai ông già nói chuyện với nhau...

- Tôi hỏi thật cụ điều này: bọn thực dân đế quốc nhiều lần nói Bác Hồ là cộng sản để tách giáo dân ra xa Bác; riêng cụ nghĩ thế nào?

- Điều chủ yếu nhất trong lời răn của Đức Chúa nhân lành là tình thương, là lòng từ thiện, Bác Hồ là mẫu mực của lòng nhân ái, như vậy giữa Bác và Chúa không có hố ngăn cách. Tấm gương của linh mục Phạm Bá Trục đã giúp tôi giải quyết vấn đề này... - Ông già trầm ngâm một lúc rồi tiếp: - Sau này có dịp, tôi nhờ đoàn nói lại với vợ tôi rằng trước khi từ giã cõi đời, tôi có nhớ tới bà ấy, rằng tôi đã toại nguyện, vì Bác Hồ, người đứng đầu cách mạng đã nhìn nhận khả năng tôi...

Những ý nghĩ trên đây của một người giáo dân trung thực cho thấy sức cảm hoá sâu xa của Bác, dù chỉ qua một lần gặp gỡ. Nhạc trưởng Phạm Văn Minh và tôi, một trẻ một già, cùng được gặp Bác ở Đại hội lần ấy, và cả hai đi vào khúc ngoặt của đời mình, mỗi người theo một cách. Người nghệ sĩ già ấy đã yên tâm, mãn nguyện đi sang thế giới bên kia. Còn tôi thì quyết tâm đi vào con đường tôi mới lựa chọn.

Một hôm tôi nghe thấy anh Lê Lôi nói: "Trần Vượng từ hôm ở Đại hội về có vẻ khác hẳn...". Và hai anh Lê Yên, Lưu Quang Thuận có mặt lúc ấy cũng đồng tình. Tôi nghĩ: "Quái! Mình đã nói đã làm gì đâu..., hay là những suy tính trong bụng mình ảnh hưởng đến vẻ bên ngoài?". Thật ra thì bên tai tôi lúc nào cũng vang lên câu: "Các chú muốn viết kịch là tốt... Nước ta nhiều người làm được thơ, ít người biết viết kịch...". Tôi biết đó là một câu nói chọt đến với Bác để động viên một đứa cháu đang có vẻ ham thích kịch. Nhưng ở Bác, dù là những ý nghĩ thoáng qua, những lời nói chọt đến cũng vẫn phản ánh những nguyên lý cơ bản của tư tưởng và đạo đức cách mạng. Đối với bất kỳ ai, làm việc gì hay nghề nghiệp nào, Bác cũng nói đến sự cần thiết và cái giá trị của công việc hay nghề nghiệp đó, vì Bác xuất phát từ chỗ quý trọng lao động và yêu người lao động. Tôi nghĩ người viết kịch là rất cần: cái gì ít là cần, Bác đã nhận xét là ở ta ít người viết kịch. Tôi muốn mạo hiểm... Ở Đại hội lần ấy, đồng chí Tố Hữu được bầu uỷ viên Trung ương Đảng. Theo nguyên tắc nhất nguyên chế, Nha Thông tin tuyên truyền sáp nhập vào ngành văn nghệ để thành lập Nha tuyên truyền văn nghệ Việt Nam do đồng chí Tố Hữu phụ trách. Nhân dịp này, tôi đề đạt nguyện vọng. Đồng chí Tố Hữu dễ dàng thông cảm với người văn nghệ trẻ. Từ đó, tôi thôi phụ trách văn công để đi vào con đường thành bại khó lường: nghề viết kịch! 28 năm đã trôi qua, tôi chưa viết được những vở kịch có giá trị, nhưng tôi không buồn, bởi lẽ tôi đã quyết tâm lao vào một công việc được Bác gợi ý là cần. Còn như tôi không thành công sau bao nhiêu nỗ lực

thì cũng thêm một dẫn chứng cho cái thực tế ở nước ta nhiều người làm được thơ, ít người biết viết kịch!

*

* *

Lòng ưu ái của Bác đối với người nghệ sĩ còn thể hiện rõ hơn trong những kỷ niệm sau đây của anh Trần Bảng:

- Vở chèo cách mạng đầu tiên của chúng tôi - lời anh Trần Bảng kể - đã vinh dự được Bác xem hồi ở Việt Bắc. Năm 1952, sau một đợt thí điểm công tác ruộng đất, tôi có được một số tài liệu để dàn thành một đề cương kịch bản. Sau đó tập thể chấp bút - chủ yếu là anh Hồng Lực và anh Mai Khanh - rồi vở chèo *Chị Trâm* thành hình. Vở *Chị Trâm* được diễn phục vụ ở Hội nghị tuyên truyền chính sách ruộng đất. Bác đã không quản mệt nhọc ngồi xem hết vở, và lúc màn chót buông xuống, Bác đứng dậy, nói: "Cái phường này hát hay đấy!". Rồi Bác lên sân khấu bắt tay khen ngợi các diễn viên... Điều làm tôi kinh ngạc là 12 năm sau, Bác vẫn còn nhớ mặt người diễn viên trong vở diễn đêm ấy!

Bấy giờ vào năm 64 hoặc 65, tôi làm Trưởng ban nghiên cứu Chèo. Nhân dịp mừng thọ 80 tuổi của cụ Trùm Thịnh, báo *Nhân dân* có đăng tin về lão nghệ nhân nổi tiếng này. Bác đọc thấy, liền gọi điện hỏi Bộ Văn hoá xem đã có quyết định khen thưởng cụ Thịnh chưa? Bấy giờ Bộ Văn hoá mới cuống lên! Chẳng là trước đó Bộ Văn hoá đã có bàn việc này rồi mà chưa quyết được, vì có ý kiến nêu rằng cụ trùm Thịnh đúng là một nghệ nhân chèo cao tuổi nhất, tài cũng cao nhất, nhưng số năm phục vụ cách mạng thì chưa đủ tiêu chuẩn huân chương...

Thế rồi một hôm, tôi đang ăn cơm thì nghe có tiếng ô tô ì ì đi vào cổng khu văn công Mai Dịch và tiếp đó là những tiếng reo mừng khác thường. Biết ngay là Bác đến, tôi buông bát đĩa, chạy ra. Trông thấy tôi, Bác bảo: "Đang ăn hả? Vào ăn tiếp đi!". Nhưng tôi xin đưa Bác đến ngay buồng cụ trùm ở.

Cụ trùm Thịnh có một nét rất ngộ trong sinh hoạt là cụ chỉ sắm có mỗi một chiếc ghế bành; hàng ngày cụ ngồi bành chọe trên đó để trò chuyện, con cháu và khách khứa thì ngồi trên những chiếc ghế đẩu xung quanh bàn nước. Thấy Bác đến, cụ trùm cuống quýt đứng dậy, kéo chiếc ghế bành để mời Bác ngồi. Nhưng Bác nói:

- Cụ là chủ, tôi là khách, cụ cứ ngồi đấy. - Rồi Bác ngồi xuống chiếc ghế đẩu và vào chuyện luôn, khiến cụ trùm phải ngồi lại vào chiếc ghế bành để nghe Bác nói - hôm nay tôi đến thăm cụ và báo cho cụ một tin mừng: tôi đã ký thưởng huân chương cho cụ rồi - Bác ngừng một giây, mỉm cười - nhưng còn phải giữ bí mật đấy nhé, vì Chính phủ chưa công bố; chờ Chính phủ công bố, ta hẵng nói công khai...

Trong khi cụ trùm Thịnh còn đang cảm động và bối rối tìm lời bày tỏ lòng biết ơn thì Bác nói tiếp:

- Mà cũng chẳng sợ ai tị nạnh đâu; rồi có ai 80 tuổi mà cũng phục vụ cách mạng như cụ thì Chính phủ cũng sẽ tặng thưởng...

Lúc bấy giờ bà Năm Ngũ cũng có mặt trong số những người ngồi vây quanh nghe Bác nói chuyện ở nhà cụ trùm Thịnh. Bác chợt nhìn vào bà Năm, chỉ tay và bảo:

- Cô này đóng vai mẹ địa chủ hồi đó hả?

Bà Năm Ngũ bàng hoàng đứng dậy:

- Thưa Bác, vâng ạ, trong vở *Chị Trâm*...

Ai nấy đều sợ trí nhớ của Bác.

Sau ít phút chuyện vui, Bác đứng dậy nói với cụ trùm:

- Thôi, tôi đến mừng cụ như vậy; bây giờ để tôi đi thăm các cháu...

Mọi người đi theo Bác, trong số đó có cụ trùm Thịnh, sung sướng, hớn hờ như một đứa trẻ...

NHỮNG KỶ NIỆM KHÔNG THỂ NÀO QUÊN

TƯỜNG VI *kể*

Tôi đứng lại bên ngoài cánh cửa khép hờ và say sưa lắng nghe những âm thanh dồn dập ở nhiều cung bậc của cây đàn pianô từ trong căn phòng ấy vọng ra, cùng với tiếng luyện giọng của nữ nghệ sĩ Tường Vi - Chị là một ca sĩ nổi tiếng suốt thời kỳ chống Mỹ. Trong những năm ấy chị đã được gặp Bác Hồ nhiều lần. Chị kể về những lần gặp Bác, đối với chị là những kỷ niệm không thể nào quên.

Chị nói với tôi về những kỷ niệm đó bằng giọng nói đầy xúc động:

- Nếu như em cũng được gặp Bác, em sẽ cảm thấy mình hạnh phúc biết dường nào. Chúng ta yêu mến và kính trọng Bác, không phải vì Bác là lãnh tụ, mà vì ở Bác có một tình người rộng lớn. Sự tinh tế dịu dàng, sự hóm hỉnh và tình ưu ái của Bác làm cho những lần tôi được gặp Bác càng tràn đầy xúc động và rất khó quên. Những xúc cảm của Bác cũng đặc biệt như sự thông minh kiệt xuất của Người. Nếu dùng ngôn ngữ để ca ngợi thì quả là ngôn ngữ chỉ có thể làm giảm đi cái tính chất kỳ diệu mà Bác đã có. Những mẫu chuyện nhỏ của những lần được gặp Bác, được hát cho Bác nghe là một hạnh phúc lớn trong đời ca hát của tôi.

Một lần vào mùa đông, tôi được đến thăm Bác, thấy Bác ngồi làm việc, Bác đang đọc một tài liệu tiếng nước ngoài, tôi đứng sau Bác. Bác hỏi ngay: "Cháu có biết ngoại ngữ không?".

Tôi thưa: "Thưa Bác con có biết chút ít thôi ạ!". Bác nói: "Làm nghề hát cũng rất cần ngoại ngữ. Ngoại ngữ giúp mình hiểu rộng. Ngày xưa Bác đi làm thuê ở trên tàu, Bác cũng phải tự học thêm ngoại ngữ. Mỗi buổi sáng Bác viết lên cánh tay những từ mới, vừa làm vừa tranh thủ học. Mỗi ngày thuộc một ít từ, nhiều ngày sẽ thuộc nhiều từ. Bây giờ có điều kiện học thì các cháu phải cố gắng học ngoại ngữ cho giỏi". Rồi Bác bảo tôi ngồi chơi, chờ Bác làm việc một lát nữa. Bác ngồi đó, tay cầm bút viết, viết rất nhiều, thỉnh thoảng lại chấm bút vào lọ mực để trước mặt. Tôi ngồi ngắm những đồ vật xinh xắn, đơn sơ bày trong nhà Bác, tôi lại ngắm Bác, từ chòm râu tới mái tóc bạc trắng như cước, từ bộ quần áo lụa màu gụ đến đôi guốc mộc dưới chân Bác đều giản dị thanh cao, vừa gần gũi thân thiết, vừa hết sức thiêng liêng tinh khiết. Bác giống như một ông Tiên ở trong truyện cổ tích mà hồi nhỏ tôi thường nghe má tôi kể.

Tôi chưa thấy ai ở tuổi cao như vậy mà lại sống vui vẻ, trẻ trung, dí dỏm được như Bác. Một bữa trên đường vào nhà Bác, thấy Bác đang ngồi bên bờ ao cho cá ăn. Tôi định chào Bác một câu thật to cho bất ngờ, nhưng thấy Bác ngồi cheo leo ở mép nước, nên tôi bỏ ý định đó và rón rén lại gần, Bác quay lại, thấy tôi mặc quân phục nghiêm chỉnh. Người làm ra vẻ vội vàng bỏ giỏ xuống chân và đứng nghiêm chào tôi theo kiểu quân đội. Tôi cũng vội vàng đứng nghiêm chào lại Bác, và thế là hai bác cháu cùng đi dạo quanh vườn. Vườn của Bác thường nuôi giống ếch Cu Ba rất to, tiếng nó kêu ồm ồm. Bác bảo: "Đây là ca sĩ có giọng "baritông". Còn cháu có giọng gì?". Khi vào nhà, Bác lấy nước cho tôi uống, Bác hỏi: "Cháu hát có phải kiêng gì không? Có uống được nước chè không? Thôi để Bác lấy nước lọc cho". Bác còn hỏi: "Cháu hay hát bài của ai? Có hát bài của Chương không?"*. Những chuyện nhỏ như vậy mà Người cũng rất quan tâm. Lại một lần khác, Bác

* Trần Chương: Tác giả bài "Con trâu sắt" - chồng nghệ sĩ Tường Vi.

hỏi tôi: "Cháu có bài gì mới hát cho Bác nghe đi". Tôi chợt nhớ lần biểu diễn ở Phủ Chủ tịch một người bạn đồng nghiệp hát bài "Tiếng hát sông Lam" của Đinh Quang Hợp, Bác rất thích nên tôi đã hát bài này cho Bác nghe. Nghe xong Bác bảo: "Nhân dân ở đây không gọi *nước* mà gọi *nác*, nhưng người viết đổi *nác* là *nước* cho phổ thông - thế là tốt". Tôi hát hai bài dân ca nữa, Bác khen hay nhỉ - Rồi Bác lại hỏi: "Cháu có bài gì mới mới không? Hay bài *Chim họa mi* của Nga hoặc bài gì đó cũng được". Tôi hát bài "*Chim họa mi*" và một số bài hát cổ điển của nước ngoài. Bác vừa nghe vừa hát theo nho nhỏ. Tôi rất ngạc nhiên vì Bác cũng thuộc rất nhiều bài hát, kể cả những bài nhạc nhẹ. Loại tình ca Bác cũng rất thích và có một sự am hiểu thật tinh tế.

Bác rất quan tâm tìm hiểu đời sống của nhân dân ngay cả những con người ở xung quanh mà Bác tiếp xúc. Những lần đi biểu diễn phục vụ nhân dân và bộ đội ở các vùng biên giới hải đảo về, Bác thường hỏi tôi: "Cháu đi biểu diễn ở đây, thấy nhân dân và bộ đội sống thế nào? Ăn có no không? Mặc có lành không?". Tôi rất xúc động về những câu hỏi đó. Tâm hồn Bác nhân ái biết dường nào. Bao giờ Người cũng băn khoăn lo lắng về những điều đó rất nhiều.

Còn riêng tôi xa gia đình lâu không được ở gần ba má tôi, mỗi lần được gặp Bác tôi có ý nghĩ như gặp lại người cha thân yêu của mình. Lần nào gặp tôi, Bác cũng không quên hỏi thăm cháu bé của tôi.

Nhân lúc người hỏi han về gia đình nhà cửa thân mật như vậy, tôi cũng hỏi thăm: "Bác ơi, gia đình Bác còn những ai mà Bác chẳng đưa ra ngoài này ở cho vui. Bác ở một mình như vậy thì buồn chứ". Tôi nhớ mãi câu Bác trả lời: "Bác làm cách mạng chứ có phải làm quan đâu mà đưa cả gia đình theo. Ở đây có một mình, nhưng Bác làm việc nhiều, nên cũng không buồn. Buổi tối làm việc xong, nghe đài một lát thì Bác đi ngủ. Bác vẫn thường nghe thấy cháu hát trên đài đấy". Bao giờ cũng thế, Người chỉ

nghĩ tới quyền lợi chung của nhân dân, đất nước mà chẳng giành riêng gì cho mình. Bác! Bác của chúng ta là như thế, là con người tuyệt diệu có một không hai ở trên thế gian này. Cũng vì thế mà mỗi lần nhớ tới Bác, nghĩ tới Bác, tôi lại tự nhủ mình phải cố gắng làm việc nhiều hơn, tốt hơn nữa để xứng đáng với sự quan tâm săn sóc và lòng mong muốn của Người.

Bây giờ đã hơn 40 tuổi, tôi không biểu diễn được nhiều như trước nữa. Nhưng đối với nghề nghiệp tôi vẫn cảm thấy yêu tha thiết và không thể nào thiếu nó trong cuộc sống được. Do đó một mặt tôi vẫn cố gắng luyện tập, đúc kết một số kinh nghiệm bản thân và về nghệ thuật thanh nhạc để đóng góp cho thời kỳ mới. Thấy đội ngũ trẻ đông đảo, đầy triển vọng tôi rất phấn khởi. Bởi vậy mỗi lần nhớ tới Bác tôi lại cảm thấy mình trẻ trung hơn lứa tuổi của mình đã có rất nhiều.

NGUYỄN THUỖNG HIỀN ghi

NHỚ BÁC

ÁI LIÊN kể

1.

Trong nhà chị Ái Liên (diễn viên thuộc Nhà hát cải lương Việt Nam) có một tấm ảnh mà mọi người trong gia đình hết sức yêu quý, trân trọng. Tấm ảnh chụp sân khấu sau đêm biểu diễn. Các diễn viên mặc quần áo, hoá trang theo vai diễn, đang giơ hoa, giơ tay vươn tới phía trước, reo hò vui sướng. Phía trước họ, Bác Hồ đang đi tới. Bác mặc bộ quần áo ka-ki bạc trắng, vai khoác áo ngoài, chân đi dép cao su đen. Một tay Bác giữ áo khoác, một tay Bác chỉ vào một diễn viên đóng vai ông già, miệng Bác tươi cười đang nói điều gì...

Chị Ái Liên kể:

- Đạo đó là đầu năm 1955, tôi và cháu Ái Loan đang công tác ở Đoàn văn công liên khu Bốn. Tối đó, Đoàn được vào Phủ Chủ tịch, diễn vở cải lương *Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài* để Bác và khách xem. Được vào diễn ở Phủ Chủ tịch, được gặp Bác Hồ, anh chị em trong đoàn chúng tôi vui mừng, sung sướng lắm. Lệ thường, tối biểu diễn, thì quá chiều anh chị em mới đến Đoàn chuẩn bị đi diễn. Nhưng hôm đó chúng tôi sẵn sàng tập trung từ sáng sớm. Ai cũng kiểm tra, ôn luyện lại phần công việc của mình mà vẫn cảm thấy còn chưa đầy đủ. Sáu giờ chiều, ô tô đến đón. Trong Phủ Chủ tịch, sân khấu đã chuẩn bị xong. Tối đó tôi đóng vai Lương Sơn Bá, còn cháu Ái Loan đóng vai Ngân Tâm, cô hầu gái giả trai của tiểu thư họ Chúc...

Buổi tối đó, Bác Hồ ngồi ở hàng ghế thứ hai, chăm chú xem biểu diễn. Ở màn đầu, sự gặp gỡ thú vị của Sơn Bá - Anh Đài làm Bác cười rất vui. Giờ nghỉ giữa buổi biểu diễn, anh chị em diễn viên khăn trương chuẩn bị cho màn tiếp thì bất ngờ có tiếng ai reo to: "Bác Hồ!". Tất cả đều quay nhìn ra. Bác đã đến bên mọi người trong căn lều dựng làm hậu trường trên bãi cỏ.

Nói sao hết được nỗi mừng vui khi đó. Có anh diễn viên đang hoá trang lại, cứ đứng ngẩn người ra, miếng bông vẫn cầm trên tay. Mấy cô diễn viên thì chạy xô lại vây lấy Bác. Ái Loan nhanh chân nhất. Ái Loan cứ quần lấy Bác, giữ chặt lấy một bên tay Bác, miệng líu ríu mà không biết nói gì. Bác cười, gỡ tay Ái Loan ra, bảo với mọi người:

- Bác vào thăm, động viên các cháu diễn tiếp cho thật hay nữa... Diễn hay, lát nữa hết vở Bác có kẹo, Bác cháu ta cùng liên hoan đây...

Mọi người lại reo hò quanh Bác.

Lúc đó, tôi đang dở chút việc ngoài sân khấu. Nghe tiếng reo hò vội chạy vào. Tôi vừa xuống bậc thang vào hậu trường thì gặp Bác đi lên. Gặp Bác bất ngờ quá, tôi cứ đứng sững người, không nói được câu nào. Bác Hồ cười, Bác bồng vòng tay, cúi mình cất tiếng chào làm tôi giật mình như chợt tỉnh: "Xin kính chào hiền đệ!". Đó là câu chào, cử chỉ của Lương Sơn Bá khi gặp Chúc Anh Đài mà tôi diễn ở màn đầu.

Vở diễn hết, màn kéo lên, anh chị em ra chào khán giả. Bác Hồ đứng dậy vỗ tay rồi nhanh nhẹn đi lên sân khấu. Được Bác hỏi, mọi người vui sướng quá, cứ hò reo tranh nhau trả lời, Bác bồng giờ tay, bảo:

- Các cô chú, các cháu diễn hay rồi... Bây giờ các cô chú, các cháu có muốn biết ý kiến của Bác về vở diễn không?

- Có ạ!

Mọi người nhất loạt trả lời. Ai nấy vội nín lặng chờ nghe ý kiến nhận xét của Bác.

Bác Hồ đi lại mấy bước, rồi Bác cất tiếng đọc rõ từng câu, từng tiếng:

*"Một đôi Sơn Bá - Anh Đài
Chữ tình đáng trọng. Chữ tài đáng thương
Chỉ vì ông già dở dở ương ương..."*

(Bác dừng lại chỉ tay vào mặt chị Hồng Liên là người đóng vai Chúc công, bố Chúc Anh Đài).

Làm cho đôi lứa duyên ương không thành....

Bác ngừng đọc, đi đi lại lại. Rồi Bác cất cao tiếng hơn, một tay Bác nắm chặt gờ lên, nghiêm nghị nói tiếp:

*Đánh cho phong kiến tan thành
Cho bao nhiêu Anh Đài - Sơn Bá sẽ được thành lứa đôi...*

Những câu thơ đó chúng tôi chỉ được nghe có một lần giữa lúc tâm trạng vui sướng rộn ràng như vậy, thế mà mọi người đều nhớ ngay... - Chị Ái Liên kể - Đối với riêng tôi, hơn mười lăm năm qua rồi, mà tôi tưởng như vẫn đang nhìn thấy Bác khi đó, đang nghe tiếng Bác sang sảng bên tai. Bởi vì qua mấy câu thơ đọc ngay buổi đó, Bác đã dạy chúng tôi rất nhiều về nghề nghiệp, về cách xử lý đúng nhất đối với một vở diễn. Trước đây khi dựng, khi diễn vở Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài, chúng tôi đi sâu nhiều vào hoàn cảnh éo le của đôi trai gái để gây lòng thương xót, cảm thông của người xem, qua đó tố cáo chế độ phong kiến dã man độc ác, bóp nghẹt quyền sống của con người. Bây giờ Bác dạy chúng tôi phải nâng cao ý nghĩa đó hơn - phải hành động. Phải *"Đánh cho phong kiến tan tành..."*! Chúng tôi cùng nhau suy nghĩ, trao đổi lời Bác. Những buổi diễn sau, vẫn những lời hát, cử chỉ, điệu múa đó, nhưng chúng tôi diễn mạnh hơn, sôi sục hơn, quyết liệt hơn..., do đó sức tố cáo và tác động đến người xem cũng sâu sắc, mãnh liệt hơn...

2.

Cuối năm 1943, ở ngõ Nghè Hải Phòng có một ông già mù cả hai mắt tên là Thuyết. Nghe nói, hồi còn trẻ ông Thuyết đã là thủy thủ trên nhiều tàu buôn ra nước ngoài. Ông đã ở Pari ở Hồng Kông. Cuối năm 1943, ông về nước với chiếc batoong và chiếc hòm gỗ cũ. Ông như người mất trí, thường hay ra ngồi đờ đẫn ở vườn hoa, lảm lì cả ngày. Thảng hoặc có nói, ông già chỉ nói chuyện một mình bằng tiếng Anh, tiếng Pháp...

Nhưng đến năm 1946, nghe tin Hồ Chủ tịch sang Pháp đàm phán, đang trên đường về nước bằng tàu biển thì ông già Thuyết thay đổi khác hẳn. Ông già lôi từ đáy hòm ra một bộ quần áo dạ (hồi ở bên Pháp ông thường mặc bộ này...) bắt con cháu là lại, sửa soạn giày, tất chỉnh tề... mặc dù dạo đó đang là giữa mùa hè.

Chiều hôm đó, cả thành phố Hải Phòng xuống đường đón Bác. Đoàn xe hơi đưa Bác về nghỉ tạm tại trường nữ học sinh Minh Khai, cách ngõ nhà ông già Thuyết vài trăm thước. Ông già Thuyết mặc bộ quần áo dạ, xỏ tất, đi giày cẩn thận, rồi gọi đứa cháu gái bé bảo dắt ông sang gặp Hồ Chủ tịch. Cả nhà đều cho ông già là dở người, hết sức can ngăn. Nhưng ông già một mực khẳng khái:

- Tôi là bạn thân ngày trước với Hồ Chủ tịch. Ngày trước, ở chung với Cụ Hồ, tôi vẫn mặc bộ quần áo này.

Cực chẳng đã, mọi người phải để cháu bé dắt ông già đi.

Anh bộ đội gác cổng trường thấy một ông già nhận là bạn thân của Bác Hồ, đòi vào thăm, lúc đầu có vẻ hoài nghi. Nhưng sau khi hỏi chuyện, lại nhìn vẻ mặt kiên quyết của ông già, anh bèn bảo hai ông cháu đứng chờ rồi chạy đi báo cáo. Lát sau, anh bộ đội chạy ra, trân trọng mời hai ông cháu ông già Thuyết vào.

Vừa dắt ông tới phòng khách, cô bé cháu đứng dừng lại kêu "Ông!". Ông già Thuyết chưa kịp hỏi gì thì một người đã bước

tới nắm lấy hai bàn tay ông. Hồ Chủ tịch đã ra đứng đợi ở ngưỡng cửa. Bác nắm bàn tay người bạn cũ, thân mật hỏi:

- Thuyết đây à? Lâu lắm chúng ta mới được gặp lại nhau.

Ông già mù lảng lảng không nói được lời nào. Đứng ở bậc cửa, ông già đưa hai bàn tay sờ lên khuôn mặt người đứng trước, như để nhận ra những nét quen thân cũ. Bác Hồ cũng im lặng. Bác cảm động nhìn khuôn mặt, bàn tay người thủy thủ năm xưa đã giấu Bác dưới tàu sang Pháp, người bạn đồng nghiệp đã cùng sống với Bác trong một hiệu ảnh ở Pari... Hồi lâu chừng như hai bàn tay đã xác nhận được những đường nét quen thân trên khuôn mặt người bạn cũ, ông già Thuyết sung sướng, xúc động quá, chỉ lắp bắp được mấy tiếng:

- Hồ Chủ tịch. Hồ Chủ...

Nhưng Bác Hồ đã giữ bàn tay, ngắt lời ông già:

- Đừng xưng hô như thế! Cứ gọi tôi là Ba như ngày xưa...

Rồi Bác ân cần dắt ông cháu ông già Thuyết vào phòng nghỉ của mình để chuyện trò. Nửa giờ sau, khi lưu luyến tiễn chân người bạn cũ ra về, Bác thân thiết nắm tay, ân cần dặn dò:

- Tôi bây giờ tuy là Chủ tịch một nước, nhưng chẳng qua cũng chỉ là tôi tớ nhân dân mà thôi. Đối với anh trước sau tôi cũng vẫn là một người bạn thân. Anh nhớ gửi thư cho tôi luôn...

Bác còn đứng lại nhìn theo mãi ông cháu ông già Thuyết đi về.

Gia đình chị Ái Liên đã nhiều lần được nghe người dựng kể về những ngày Bác Hồ còn ở Pháp. Từ ngày hoà bình lập lại (1954) chị Ái Liên và các cháu Ái Xuân, Ái Vân nhiều lần được vinh dự vào biểu diễn để Bác xem, vào thăm Bác... nhớ lại thấy Bác Hồ vẫn không khác gì hình ảnh "anh Ba" như trong câu chuyện người dựng kể với gia đình...

Là một nghệ sĩ biểu diễn từ năm 16, 17 tuổi, gần 40 năm trên sân khấu, chị Ái Liên đã biết thế nào là cái vinh, cái nhục

của nghệ. Năm 1936, Ái Liên đi cùng với đoàn hát Đại Phước Cương vào Huế diễn mừng thọ lục tuần của mẹ Bảo Đại ở An Định cung. Gồng gánh đồ đạc vào đến nơi, một tên quan hầu dập dím đuôi mắt, lên giọng khinh khỉnh bảo chủ gánh: "Cung vừa rải bốn chục chai nước hoa đó. Chúng mi khéo làm hôi hám cung nghe!". Rồi trước khi diễn, màn phải mở lượt nhất để toàn ban từ chủ gánh đến anh kéo màn gõ phách ra quỳ trước sân khấu tung hô vạn tuế. Rồi khi diễn cứ việc bung tai, cấm mặt mà diễn, không được nhìn vào chỗ bọn vua quan đang ăn uống, cười đùa, diễn xong, đào kép nhất ban còn phải ra múa hát trước bàn rượu, khi nào bàn rượu tàn mới thôi... Mà kể gì tới bọn chớp bu triều đình, chỉ một tổng đốc, một tên tuần phủ, tri huyện làng nhàng, nghe nói có ban hát đến phủ, huyện mình trị nhậm cũng phái sai nha gọi tay đàn, đào nhất vào hầu rượu. Ngồi bên mâm rượu, muốn nghe hát thì hát hàm bảo đào, kép "hát đi". Ai bướng bỉnh chống lại thì toàn ban hát bị đuổi ra khỏi huyện, khỏi tỉnh.... Nhắc lại như vậy mới thấy hết nỗi xúc động, lòng biết ơn của những nghệ sĩ biểu diễn nhiều tuổi như chị Ái Liên đối với sự chăm sóc của Đảng, của chế độ ta, nhất là sự quan tâm chăm sóc của Bác Hồ.

Bác thường hỏi thăm hai cháu Ái Xuân, Ái Vân con chị Ái Liên. Biết hai cháu theo trường đi sơ tán xa Hà Nội, Bác hỏi Ái Liên đi thăm một tháng mấy lần. Bác bảo chịu khó vất vả lên thăm, đừng để các cháu nhỏ về Hà Nội. Đường xa các cháu mệt, v.v..

Không mấy buổi Bác không vào hậu trường hỏi han động viên anh chị em diễn viên. Có những người Bác chỉ gặp một lần. Bác cũng nhớ. Lần sau không thấy đồng chí đó vào diễn cùng đoàn, Bác hỏi. Gặp một diễn viên hoá trang mặt đỏ trong vở kịch ngắn *Giữ đất*, Bác hỏi đùa:

- Cháu đóng chi mà mặt đỏ như Quan Công ăn gừng vậy...

"Mặt đỏ như Quan Công ăn gừng" là câu nói đùa của một nhân vật trong vở kịch mà anh diễn viên vừa diễn.

Gặp một diễn viên khác trong hậu trường. Bác hỏi đóng trong vở gì. Anh diễn viên trả lời:

- Dạ. Vở *Thành phố rực lửa* ạ.

Bác đứng lại, sửa:

- Vở *Đường phố Sài Gòn rực lửa* chứ!

Trước khi đoàn văn công của ta đi biểu diễn ở Pháp, Bác hỏi anh chị em đã chuẩn bị quần áo ấm ra sao. Bác nói mùa đông ở Pháp rất lạnh, tuyết xuống dày... Anh em trong đoàn ai cũng cảm động, bồi hồi nhớ lại năm xưa khi Bác hoạt động cách mạng ở Pháp, ở Anh, chỉ có một viên gạch nung nóng ủ vào người để chống với cả mùa đông... Trong đợt đi biểu diễn này, vì thiếu người nên chị Ái Liên bỏ diễn đã lâu, giờ tuổi cao tập lại rất vất vả, gian khổ... Nhưng những buổi biểu diễn ở Pháp đã thu kết quả tốt. Về nước, Ái Liên được vinh dự thay mặt anh chị em trong đoàn lên báo cáo với Bác Hồ. Thời gian có ít, mỗi người chỉ nói trong vòng năm phút. Bao nhiêu suy nghĩ, bao nhiêu nỗi cảm xúc, tự hào trong mấy tháng diễn ở nước ngoài, bao nhiêu lời nhắn gửi của bà con kiều bào về nhờ nói với Bác Hồ. Ái Liên không biết nói thế nào cho hết cho đủ. Nhưng Bác đã cười bảo:

- Thế nào, tương võ báo cáo ngắn gọn theo kiểu quân sự chứ...

Câu nói cười bỏ tất cả nỗi lúng túng của Ái Liên. Thì ra dù ở xa, Bác Hồ biết tất cả, hiểu tất cả mọi công việc, mọi cố gắng suy nghĩ dù rất nhỏ của mỗi anh chị em trong đoàn.

3.

Giống mẹ ngày trước, hai cháu Ái Vân và Ái Xuân làm quen với nghệ thuật từ nhỏ. Ở trường, cả hai đều là học sinh giỏi, là cháu ngoan Bác Hồ. Và năm lên bảy tuổi, học lớp một, Ái Xuân đã được vào biểu diễn để Bác Hồ xem.

Lần đó chị em Ái Vân, Ái Xuân cùng hai bạn Tiên, Đạt được vào nơi Bác ở, Bác hỏi:

- Đây là Ái gì?

- Dạ, cháu là Ái Xuân.

- Cháu là Ái Vân.

- Còn một em nhỏ nữa tên là Ái gì?

- Dạ, là Ái Thanh.

- Ái Thanh cũng biết múa bài *Con thỏ rồi*. Lại cũng biết hát nữa...

Bác cười.

Buổi đó hai chị em hát bài *Tía em hết sợ*... Bác cười mãi. Hát xong, Bác cho kẹo. Kẹo đó hai chị em không ăn. Riêng Ái Xuân còn mang cho hai bạn thân ở lớp mỗi bạn một chiếc. Hai bạn cũng để dành. Các bạn kiểm lọ thủy tinh con đặt chiếc kẹo của Bác Hồ vào, đập nút kỹ. Tới nay chiếc kẹo vẫn còn mùi thơm.

Đầu năm 1968, gia đình vừa ăn cơm xong thì có người hỏi. Đó là chú bảo vệ của Bác. Chú đến từ lâu, nhưng thấy gia đình đang ăn cơm nên chưa vào, Bác cho gọi Ái Xuân, Ái Vân lên. Chú bảo vệ nói, đáng lẽ cho cả Ái Thanh cùng vào với Bác, nhưng hôm đó trời rét nên Bác lại bảo để Ái Thanh ở nhà. Hai chị em mừng quá sấm nắm toan đi ngay. Nhưng chú bảo vệ bắt hai chị em mặc đủ quần áo ấm.

Tới nơi Bác ở, chú Kỳ, thư ký của Bác nói Bác đợi đã mười phút. Hai chị em chạy ừa vào. Bác đang ngồi trong phòng, Bác dang rộng tay đón hai cháu nhỏ:

- Hai cháu có rét không?

- Có ạ.

- Rét thì để hai tay xuống thế này.

Bác bày cho hai chị em khi ngồi để luôn hai tay xuống dưới đùi cho ấm.

Bác lại hỏi:

- Hai cháu về Hà Nội hôm nào?

- Hôm qua ạ.
- Ở nơi sơ tán ăn cơm có nhiều thức ăn không?
- Dạ, có.
- Có thịt nhiều không?
- Dạ có.

Bác lắc đầu nhìn hai chị em:

- Chắc ăn vào phần tiêu chuẩn của má phải không?

Hai chị em cười rúc rích.

Bác bảo hai chị em hát Bác nghe. Vân và Xuân nhìn nhau, chưa biết hát bài gì. Lần trước lên với Bác, hai chị em hát bài *Miền Nam ơi, chúng tôi đã sẵn sàng*, Bác khen hay. Nhưng đến câu *Miền Nam yêu quý ta ơi... Ta hiến dâng cả...* hai chị em nhìn thấy Bác rút khăn tay lau nước mắt. Còn đang ngần ngừ, thì Bác đã giờ tay làm hiệu, bảo:

- Nào... *Miền Nam yêu quý ta ơi...* Bắt đầu đi!...

Hát xong, Bác cháu lại nói chuyện. Xuân thích quá, kể cho Bác nghe đủ chuyện. Nào chuyện ăn ốc luộc, để dành tiền trong lợn đất, thềm ốc lại đập vỡ lợn lấy tiền mua. Chuyện Xuân đi chơi lạc đường phải thuê xe xích lô để về nhà. Nào chuyện ở lớp học có bạn trai hay bắt nạt Xuân, Xuân gửi cặp sách đánh nhau tay đôi với bạn đó. Bác cười. Bác chỉ cảnh hoa cắm ở lọ trên bàn, hỏi Xuân:

- Cái gì đây nào?
- Dạ thưa Bác hoa ạ.
- Ba hoa đây!

Thế là ba bác cháu lại cười.

Nói chuyện rồi lại hát. Lần này hai chị em hát bài *Tự hào là em các anh...* Bác khen hay. Bác dặn hai chị em phải hát nhiều, hát luôn... Xong, Bác cho hai chị em cùng xem phim. Ái Vân, Ái Xuân được ngồi hai bên Bác. Xem phim, cứ gặp chỗ nào

chưa hiểu, toan hỏi thì như đã biết trước, Bác lên tiếng giải thích cho hai chị em ngay.

Xem phim xong, Bác cười hỏi:

- Thế nào? Bây giờ hai cháu muốn gì nào?

- Dạ...

Hai chị em luống cuống. Muốn gì ư? Hai chị em chỉ muốn được ngồi bên Bác mãi như lúc xem phim. Nhưng Bác đã lấy ra một đĩa kẹo nữa, bảo:

- Bây giờ hai cháu về nhà nhé. Về thì phải có quà cho ba má, cho bé Thanh...

- Bác!

Ái Xuân gọi, tự nhiên Ái Xuân bật nói:

- Cháu không muốn về đâu!

Bác im lặng xoa đầu Xuân, không nói câu gì.

4

Những ngày đầu tháng 9-1969, mưa sục sùi, buồn bã. Tối đó, chị Ái Liên đi biểu diễn ở câu lạc bộ Thống nhất. Chị cho mấy con cùng đi. Tối nơi, được tin buổi biểu diễn hoãn. Trời mưa nặng hạt hơn. Ra về, Ái Thanh níu tay mẹ hỏi sao hôm nay không có bắn pháo hoa, hỏi đến khi nào thì được gặp Bác Hồ như Ái Vân, Ái Xuân.

Sáng 3 tháng 9, Đài phát thanh báo tin Bác bị mệt nặng. Cả nhà tung chăn vùng dậy, sùng sốt. Trẻ nhỏ nghịch nhiều, ham ngủ, thế mà sáng đó Ái Xuân, Ái Thanh dậy ngay. Ái Thanh oà lên khóc nức nở.

Sáng 4 tháng 9, Đài báo tin Bác mất. Bây giờ thì không phải chỉ riêng Thanh, mà cả nhà khóc. Ái Thanh giậm chân nức nở: "Con không được gặp Bác Hồ rồi! Con không được gặp Bác Hồ rồi!".

Bác mất, gia đình tôi có cái buồn không bao giờ nguôi được - chị Ái Liên kể - Nhưng nhớ lời dạy của Bác, tôi với các cháu bảo nhau phải học tốt hơn, diễn tốt hơn để không phụ lòng chăm sóc của Bác. Cháu Ái Thanh cũng đã tập tiết mục đầu tiên của cháu. Cháu chưa được biểu diễn cho Bác Hồ xem, nhưng đôi lúc cả gia đình cứ có cảm giác như Bác chỉ đi đâu xa một thời gian. Bác sắp về. Có buổi, tôi bảo cháu Ái Thanh cố tập hát cho hay, múa cho dẻo để được vào biểu diễn cho Bác Hồ xem...

Còn tôi và hai cháu lớn, bây giờ mỗi lần đi biểu diễn ở đâu đều chọn những bông hoa đẹp nhất mang về dâng lên bàn thờ Bác.

TRẦN KIM THÀNH ghi

NHƯ CÓ VIÊN NGỌC ƯỚC

KIM NHỚ kể

Mọi lần sau đêm biểu diễn ngồi trên xe ô tô về Đoàn, là chúng tôi thường bàn tán nhiều chuyện. Nào tiết mục này khá hơn, hay anh em bạn múa nào đó đã làm sai động tác, cái kèn của anh kia bỗng nhiên lại chênh... Thôi thì đủ chuyện, ồn ào sôi nổi! Nhưng hôm nay thì khác hẳn, mọi người ngồi trên xe im lặng, chiếc xe bon nhẹ băng băng trên đường. Đêm đã khuya, phố xá im lìm. Hình như mọi người đang muốn kéo dài cái cảm xúc đặc biệt của đêm biểu diễn, cái đêm biểu diễn cho Bác Hồ xem. Tôi cũng trong tâm trạng như thế. Ngồi sát vào thành xe, tôi đưa mắt nhìn ra bên ngoài. Đêm mưa xuân, hạt mưa như bụi bay trắng xoá. Ôi cái mưa bụi mới thật là kỳ ảo làm sao! Quê tôi không hề có. Nhìn mưa bay, tôi lại nghe như vẳng tiếng Bác Hồ.

- Cháu hát hay lắm! Hát lại cho Bác nghe.

Tôi bàng hoàng cả người, cổ trần tỉnh, mãi lúc lâu tôi mới cất tiếng hát lại được.

*Rồi ngày anh đi
Đốc núi cao cao
Chị em tôi thương
Không thấy hình anh
Chỉ thấy dấu chân
Đồng bào tôi mong
Đợi ngày anh về*

...

Đó là bài *Thương anh cán bộ* tôi hát theo dân ca Hơ-rê. Hát xong Bác hỏi:

- Cháu người dân tộc gì?
- Thưa Bác cháu người Hơ-rê.
- Cháu ở vùng nào?
- Thưa Bác cháu ở gần với vùng trên của Quảng Ngãi ạ.
- À ra thế quê cháu gần với quê Bác Đồng đây. Bác chỉ Thủ tướng Phạm Văn Đồng ngồi bên cạnh Bác. Rồi Bác tiếp:
 - Lần đầu tiên Bác được nghe người Hơ-rê hát. Cháu hát hay lắm. Rồi Bác dặn:
 - Cháu ở ngoài này phải chịu khó học tập, luyện tập cho giọng hát thật hay, cho mọi người biết nghệ thuật của người Hơ-rê mình.

Bác ngừng, rồi tiếp:

- Bao giờ tập được bài nào, nhớ hát cho Bác nghe nhé. Bác rất thích nghe những bài hát dân tộc.

Về chỗ ngồi rồi, tôi vẫn cứ bồn thần cả người. Bác là thế ư? Bác giản dị, gần gũi thế ư? Nước mắt tôi bỗng trào ra... Bác nói với tôi, hay nói với người Hơ-rê? *Người Hơ-rê mình, phải làm cho mọi người biết nghệ thuật của người Hơ-rê mình.* Không biết người Hơ-rê đã có ai được gặp Bác Hồ? Người Hơ-rê ơi, Bác Hồ đang nói với người Hơ-rê đó!...

Cho đến lúc lên xe ra về tôi vẫn còn bồi hồi xúc động, ngồi trên xe tôi bỗng nhớ đến Tpát, người bạn lớn tuổi cùng quê. Tpát ơi, Tpát đang làm gì? Mình đâu có *viên ngọc ước* mà mình đã được gặp Bác Hồ, được nói chuyện với Bác Hồ rồi, Bác Hồ lại nhắc cả người Hơ-rê mình.

Đêm đó tôi thao thức mãi...

Quê hương tôi núi đồi trùng điệp. Ăn trong những quả đồi đó là những nương ngô, nương lúa. Những cây ăn quả: mít, bưởi, cam... cứ mùa về là trĩu quả. Quê hương thật là giàu, nhưng tôi phải đi ở đợ. Bố mẹ tôi mất sớm. Tôi phải đến ở với một người họ hàng. Và tôi lớn lên với những đồi sim bạt ngàn...

Bạn chăn trâu của tôi có Táp, Táp là chị họ lớn hơn tôi mấy tuổi, nhưng hai người rất thân nhau, Táp cũng khổ như tôi, nên hai đứa có gì ăn cũng dành cho nhau.

Một hôm đang chăn trâu giữa đồi sim, tôi và Táp gặp một người lạ mặt, người đó hỏi thăm vào blang (làng). Ít lâu sau tôi thấy dân làng đốt đuốc đến nhà rông họp rồi bầu người đó làm chủ tịch kháng chiến. Mọi người đều gọi người lạ mặt là *anh cán bộ*.

Anh cán bộ nói với dân blang:

- Thằng Pháp trước đã chiếm nước ta, chúng bắt ta nộp trâu, nộp bò, nộp lúa trên rẫy, lại nộp cả người cho chúng. Chúng làm người Hơ-rê sợ người Kinh, ghét người Ba-na, đánh nhau với người Mơ-nông... Nhưng mọi người đã đoàn kết đánh đuổi giặc Pháp, giành lại được độc lập. Nhưng bọn Pháp lại muốn chiếm nước ta một lần nữa. Muốn dân ta ăn ngô với tro rừng. Có một ông già là Bok Hồ. Bok Hồ có lòng thương dân, muốn cho mọi người đều có nhiều lúa trên rẫy, nhiều ngô trong quây... Muốn người Hơ-rê ai cũng một lòng đánh Pháp...

Anh cán bộ nói bằng mồm bằng mắt và cả bằng tay nữa. Dân blang hiểu ít, nhưng chủ tịch kháng chiến đã nói lại cho dân blang hiểu thêm.

Anh cán bộ cũng làm nương làm rẫy, cùng ăn với người Hơ-rê, ngủ trong nhà người Hơ-rê. Lại bày cách cho dân blang làm ra thêm nhiều lúa nhiều ngô. Bày cả cho thanh niên học chữ. Ai cũng mến anh cán bộ và gọi anh là *anh cán bộ Cự Hồ*.

Cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở đồng bằng đã lan đến núi rừng Hơ-rê. Nghe theo tiếng gọi của Cự Hồ, người Hơ-rê đi dân công tải gạo ra chiến trường. Táp cũng đi dân công. Táp đi dân công có mấy ngày mà biết được bao nhiêu chuyện. Táp đã kể cho tôi nghe nào chuyện đất nước mình càng đi càng rộng. Người Ba-na, người Ê-đê, người Gia-rai, người Kinh cũng gửi gạo đi đánh Pháp.

Tpát thì thảo nói với tôi:

- Kim Nhớ à, ai cũng nói chuyện về Bok Hồ. Bok Hồ là người giỏi lắm. Người đánh Pháp cùng với Bok Hồ đông như rừng cây. Súng của Bok Hồ nhiều như hoa sim ở đồi người Hơ-rê mình. Bok Hồ chỉ đâu là lúa mọc đấy. Bok Hồ rất thương trẻ con, nhất là trẻ con nghèo khổ...

Nghe cán bộ nói, bây giờ lại nghe Tpát nói, tôi bồn chồn trong dạ nghĩ đến Bok Hồ.

- Có bao giờ gặp được Bok Hồ không Tpát? - Tôi ngần ngừ hỏi.

- Mình cũng đã hỏi cán bộ rồi, cán bộ bảo cứ góp sức góp công nhiều cho kháng chiến, đánh Pháp thế nào cũng được gặp Bok Hồ.

Tôi liền hỏi Tpát:

- Mình đã đi dân công được chưa?

Tpát cười rũ rượi:

- Kim Nhớ còn nhỏ, cổ lên sang năm thì đi được. Nhưng muốn làm kháng chiến thì ở nhà đi làm liên lạc cũng được.

Tpát lại đi dân công, chuyến này Tpát đi lâu lắm. Đã đến hơn một con trăng mà vẫn không thấy Tpát về. Cứ hễ thấy ông mặt trời mọc thì tôi lại nhớ đến Tpát.

Một hôm tôi đang đuổi trâu trên nương, thì nghe có tiếng gọi, thoáng nghe tôi đã nhận ra tiếng Tpát. Tôi chạy ủa từ trên nương xuống.

- Tpát! Cái bụng mình nhớ Tpát lắm rồi. Sao con trăng đã hết từ lâu mà bây giờ Tpát mới về.

Chúng tôi ríu rít bên nhau. Tôi nói với Tpát là từ ngày Tpát đi dân công, tôi cũng đi làm liên lạc cho xã, lại được cán bộ dạy hát nhiều bài.

- Tpát ạ, cán bộ hát rất hay, cán bộ cũng bảo mình hát hay.

Chiều hôm đó, chúng tôi rủ nhau đi ra suối tắm. Tôi thấy Tpát có một ông tre con, tôi hỏi:

- Cái gì Tpát?

- Không mở được!

- Sao không cho mình xem?

Tpát ghé vào tai tôi thì thầm:

- Bí mật! Rồi lúc tôi không chú ý, Tpát giật ống tre bỏ chạy.

Tôi đuổi theo, mặc nước bắn lên người. Mặc kệ, tôi đuổi kịp được Tpát, nhưng Tpát giơ cao ống tre lên, hỏn hên bảo:

- Cho xem nhưng mà phải bí mật!

- Được. - Tôi liền bằng lòng.

Tìm một chỗ phẳng, cả hai chúng tôi ngồi xuống. Tpát mở ống tre lấy ra một cuộn giấy, rồi từ từ mở tờ giấy báo bọc ngoài, lộ ra một cuộn giấy nhỏ bên trong. Một bức ảnh trải dần theo tay Tpát.

- Ai đó? - Tôi liền hỏi.

- Bok Hồ!

Tôi sững người, nhìn Tpát rồi lại nhìn bức ảnh trên trên.

- Tpát được gặp Bok Hồ sao?

Tpát mỉm cười nhìn tôi:

- Chưa đâu. Cán bộ cho Tpát đây. Cán bộ bảo mình chịu khó, hoàn thành nhiệm vụ trong đợt đi dân công, mình được thưởng.

Rồi Tpát kể cho tôi nghe câu chuyện, Tpát nghe được về Bok Hồ:

- Ở một blang Ba-na, giặc Pháp tràn lên, chúng ừa vào nhà bắn giết đàn bà con trẻ, lục cướp đi mọi thứ. Chúng tìm được một tấm ảnh Bok Hồ. Chúng liền đốt ngôi nhà đó và tập trung dân blang lại. Chúng bắt 18 thanh niên trói vào 18 cái cọc. Thằng chỉ huy cầm tấm ảnh Bok Hồ giọng hăm dọa:

- Lũ bay chỉ trả lời một tiếng "xấu" là ta tha ngay.

Súng lăm lăm trong tay, hắn chỉ vào tấm ảnh rồi hát hàm hời:

- Người này tốt hay xấu?

Tất cả đồng thanh đáp:

- Tốt!

Một phát súng nổ. Một người ngã xuống.

- Người này tốt hay xấu?

- Tốt!

Lại một phát súng nổ, một người nữa ngã xuống.

Im lặng.

Bọn giặc chỉ thấy những ánh mắt như những bó đuốc. Những bàn tay nắm chặt. Khôì người kết lại như núi đá.

Bọn giặc hốt hoảng run sợ, rồi bỏ đi.

Mất một tấm ảnh Bok Hồ, người Ba-na, người Ê-đê, người Gia-rai... lại có nhiều tấm ảnh Bok Hồ khác giấu ở mọi nơi và ngay cả trong tim mình...

Nghe chị Tpát kể, tôi cứ ngấm mãi tấm ảnh Bok Hồ. Bok Hồ sao đẹp thế! Đôi mắt sáng như bó đuốc giữa rừng khuya. "Bok Hồ đánh Pháp cho dân mình sung sướng, Bok Hồ lại rất thương trẻ em, nhất là trẻ em nghèo khổ...".

- Tpát à. Ước gì mình được như chàng Ủa trong truyện cổ có viên ngọc ước. Mình cũng sẽ ước được gặp Bok Hồ.

- Ủ, mình có viên ngọc ước mình cũng sẽ ước được gặp Bok Hồ.

Muốn gặp Bác Hồ phải có viên ngọc ước. Thế mà bây giờ tôi đã được gặp Bác. Gặp Bác khi miền Bắc đã hoàn toàn được giải phóng, gặp Bác ở nhà Bác, lại được Bác hỏi chuyện, hỏi người Hơ-rê mình...

*

* *

Lần thứ hai tôi được gặp Bác cũng rất đột ngột. Lần đó tôi đã tốt nghiệp Trường Âm nhạc Việt Nam. Khi hoà bình lập lại trên miền Bắc, tôi được tập kết ra Bắc. Năm đó tôi mới 15 tuổi, không biết đọc biết viết, không biết nói tiếng Kinh. Tôi được vào học ở Trường Dân tộc trung ương. Rồi vì có giọng hát tôi được về công tác ở một Đoàn văn công. Sau đoàn cho tôi vào học Trường Âm nhạc. Sau những ngày tháng nỗ lực học tập tôi đã được tốt nghiệp. Hôm đó tôi đang chuẩn bị về Đoàn thì nhà trường cho gọi và nói là vào Phủ Chủ tịch. Trên đường tôi đã nghĩ có thể là được gặp Bác.

Đúng như tôi đoán, bước vào phòng khách, chúng tôi vừa ngồi thì Bác đã ra. Thấy Bác chúng tôi đứng cả dậy, Bác liền kéo chúng tôi ngồi quay bên Bác. Bỗng Bác hỏi tôi đột ngột:

- Kim Nhớ có "tủ" nào mới không?

Tôi giật mình. Mãi miết học tập ở trường tôi chưa có được một tiết mục nào mới. Bài tốt nghiệp của tôi cũng chỉ là những bài dân ca cũ. Tôi lúng túng thưa với Bác điều đó.

Bác nói:

- Đi học, tập trung học là tốt, Bác khen. Nhưng học phải gắn bó với phục vụ. Vừa học vừa phục vụ nhân dân, mà hát cho nhân dân nghe phải có bài mới.

Khuyết điểm rồi. Bác phê bình rồi. Quả thật tôi đã không chú ý đến điều đó. Với lại tôi cũng muốn chọn bài nào đó cho thật hợp với giọng hát của mình mới tập. Tôi ân hận quá.

Vào thời gian sau, khi tôi gặp Bác lần thứ hai, có một bài hát tôi rất thích. Bài *Chim pông-kle* của Nhật Lai. Bài hát phát triển trên những giai điệu của dân ca Tây Nguyên. Con chim pông-kle là một loại chim rất nhiều ở Tây Nguyên. Mỗi lần hát bài ấy tôi lại thấy buôn làng Hơ-rê hiện ra trước mắt. Tôi đã kiên trì tập nhưng vẫn không đạt được kết quả mong muốn. Đã có lúc tôi nản. Nhưng lời nói của Bác Hồ lại vang vọng bên tôi.

Tôi liền xin đi một chuyến thực tế. Để có những tình cảm gần với quê hương, tôi đã trở về với những bản làng Vân Kiều tận Trường Sơn. Một chuyện xảy ra ở một bản Vân Kiều tôi được chứng kiến làm tôi rất xúc động.

Một cô gái Vân Kiều đang tắm dưới suối, liền bị bọn phi bên kia biên giới sang bắt cóc. Cô gái giẫy giụa chống cự, nhưng bọn phi đã buộc chặt cô gái đưa lên ngựa lao vút vào rừng già. Nhưng vó ngựa của các đồng chí công an biên phòng đã kịp thời chặn chúng lại. Cô gái Vân Kiều được cứu thoát.

Sống với buôn làng Vân Kiều và chuyện được chứng kiến làm tôi nghĩ đến buôn làng Hơ-rê đang phải sống dưới ách kìm kẹp của bọn bán nước và cướp nước thật cực khổ biết chừng nào.

Thông cảm với cô gái Vân Kiều, tôi càng cảm phục anh cán bộ công an biên phòng, ngày đêm lặn lội núi rừng bảo vệ cuộc sống đồng bào.

Sau chuyến đi tôi đã có thêm những nhận thức mới, tôi gửi gắm tất cả tình cảm của mình vào bài hát. Bài hát đã có một sắc thái khác hẳn. Tôi đi biểu diễn ở nhiều nơi. Ở đâu tôi cũng được hoan nghênh. Bài hát tôi được thu thanh ở Đài Tiếng nói Việt Nam. Băng mới phát đã có thư yêu cầu phát lại.

Tôi vẫn thầm mong biểu diễn phục vụ Bác. Rồi tôi được đi biểu diễn ở nước ngoài. Thật không ngờ trước khi đi. Đoàn chúng tôi lại được gặp Bác. Thế là tôi đã được báo cáo với Bác. Bác đã khen tiết mục của tôi. Sau chuyến đi biểu diễn ở nhiều nước, lúc về, Đoàn lại được Bác cho gặp.

Đúng là những đứa con đi xa được về quây quần bên người cha. Bác ân cần hỏi:

- Các cháu đi ra nước ngoài thấy những gì?

Một đồng chí trong đoàn trả lời:

- Dạ thưa Bác, thấy đất nước của bạn giàu và đẹp ạ!

- Còn thấy gì nữa? - Bác hỏi tiếp.

- Thưa Bác chúng cháu thấy nhân dân lao động ở đâu cũng cần cù chịu khó ạ!

Bác nhắc lại:

- Đất nước giàu và đẹp, nhân dân cần cù và chịu khó, còn gì nữa.

Một đồng chí khác tiếp:

- Dạ thưa Bác, chúng cháu thấy rõ là chỉ có cách mạng vô sản nhân dân mới thật sự được sung sướng ạ!

- Chà "chính trị" ghê!

Bác cười làm mọi người cười vui vẻ.

Bác quay lại phía tôi hỏi:

- *Chim pông-kle* đi ra nước ngoài có thấy gì không?

Tôi cười, rồi thưa với Bác:

- Thưa Bác có ạ, đi thấy nhiều nơi núi đồi giống núi đồi Hơ-rê, nhớ Hơ-rê lắm Bác Hồ ạ!

- Nhớ thì phải hát thật hay, cả nước biết người Hơ-rê hát hay rồi, thế giới cũng biết người Hơ-rê hát rồi. Bây giờ phải hết sức cố gắng! Cố gắng rèn luyện giọng hát, học tập chính trị, văn hoá để rồi về hát cho người Hơ-rê nghe!

Lời Bác dặn, tôi đã ghi sâu. Tôi ra sức học tập, rèn luyện. Những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước tôi đã đi biểu diễn ở khắp các vùng tuyến lửa. Tôi ra phục vụ quân và dân cả những hòn đảo xa xôi. Tôi muốn mang tiếng hát của mình, tiếng hát được Đảng và Bác trao cho, phục vụ Tổ quốc đang chiến đấu.

Một hôm đêm đã khuya, tôi đi học văn hoá về, vừa lên giường đi ngủ, thì nghe tiếng gọi giật:

- Kim Nhớ, Kim Nhớ ngủ chưa?

Tôi vội ra mở cửa. Nay Hơ-vin, cô diễn viên cùng Đoàn giọng hồn hên:

- Bác Hồ gửi kẹo cho Kim Nhớ đây.

- Bác Hồ gửi kẹo! - Tôi nhắc lại rồi ôm chặt lấy Nay Hơ-vin, giọng sững sờ:

- Đoàn được lên biểu diễn cho Bác Hồ, hờ Nay Hơ-vin?

- Ủ, cả Đoàn được gặp Bác. Lúc gần về Bác hỏi. "Kim Nhớ có đây không?". Minh trả lời: "Thưa Bác Kim Nhớ đi học văn hoá ạ". Bác liền lấy kẹo gửi cho Kim Nhớ.

Bác bận bao nhiêu việc, thế mà Bác vẫn nhớ một giọng hát như tôi, thật xúc động làm sao, và cũng vinh dự làm sao đối với một người nghệ sĩ!

Một người con gái người dân tộc như tôi, được trở thành một ca sĩ đó là nhờ công ơn dìu dắt của cách mạng, của Đảng, của Bác Hồ. Thật cuộc đời ngày nay quả mong được ước thấy. Tôi biết mình phải làm việc vượt bậc mới xứng với những lời Bác Hồ đã chỉ bảo.

HÀI ĐĂNG ghi

BÁC DẠY CHÚNG TÔI CẤT CAO TIẾNG HÁT

MINH HUỆ kể

Chiều 18-5-1969, chúng tôi đang học tập tài liệu *Đạo đức cách mạng* do Bác Hồ viết để thiết thực kỷ niệm lần thứ 79 ngày sinh của Bác thì được lệnh vào gặp Bác. Tin đến đột ngột quá, chúng tôi ai cũng bàng hoàng.

Lúc ra đi, các đồng chí thủ trưởng đoàn giao trách nhiệm cho chúng tôi: "Các đồng chí cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ". Còn nhiệm vụ gì, chúng tôi chưa rõ. Giờ được biết sẽ gặp Bác, được biểu diễn văn nghệ để Bác xem và mừng thọ Bác 79 tuổi, chúng tôi sung sướng quá, vinh dự quá. Người tôi cứ nhẹ lâng lâng như được chấp cánh. Chúng tôi cố trấn tĩnh, hình dung lúc gặp Bác sẽ chào Bác thế nào. Khi Bác hỏi thì thưa chuyện ra sao. Nhưng vì quá phấn khởi, khi vào nhà Bác, mới trông thấy Bác, chúng tôi chạy ồa tới như đàn cháu nhỏ lâu ngày được gặp ông:

- Chúng cháu xin chào Bác ạ! Nhân ngày sinh của Bác, chúng cháu xin kính chúc Bác mạnh khỏe sống lâu!

Bác đặt cuốn sách dày và chiếc kính lão xuống bàn, cười rất hiền hậu, giọng Bác ấm áp:

- Chào các cháu!

Được Bác cho phép, chúng tôi ngồi xuống ghế.

Nhà Bác có hai gian lợp ngói đơn sơ. Trước nhà có bồn hoa nhiều loại, mùi hoa thơm phảng phất, thanh nhã. Trên chiếc bàn dài đặt giữa nhà có một số đĩa làm bằng mây. Chiếc ghế Bác đang ngồi cũng bằng mây.

Chúng tôi báo cáo với Bác:

- Thừa Bác, chúng cháu ở trong Đoàn văn công Quân khu Bốn theo đoàn đại biểu anh hùng chiến sĩ thi đua các lực lượng vũ trang Quân khu ra báo cáo với Trung ương Đảng và Bác về thành tích bốn năm chống Mỹ, cứu nước ạ.

Bác hỏi tên tuổi, quê quán, trình độ văn hoá, ngày nhập ngũ... từng người một trong đoàn. Bác chỉ chị Mai Tư:

- Còn cháu?

Nghe Mai Tư báo cáo tên tuổi, quê quán... biết Mai Tư quê ở Đô Lương, Bác cười:

- A, trai Cát Ngạn, gái Đô Lương...

Bác hỏi chuyện tới đâu, chúng tôi lễ phép trả lời tới đó. Chúng tôi rung rung cảm động. Bác bận việc nước việc dân mà vẫn dành thì giờ chăm sóc chúng tôi. Tôi thay mặt chị em thưa với Bác:

- Chúng cháu xin phép được hát để Bác nghe một số bài theo điệu dân ca miền Trung ạ.

Bác vui vẻ gật đầu, chăm chú nghe từng người hát. Khi nghe tôi hát ví dò đưa:

"Ai biết nước sông Lam rằng là trong, là đục, thì biết cuộc đời rằng là nhục là vinh...".

Bác cười:

- Ở Nghệ An, người ta gọi là "nác" chứ không phải là "nước".

Bác bảo chú Kỳ gọi các đồng chí làm việc gần đó cùng đến nghe.

Chúng tôi tiếp tục hát. Chị Nông hát điệu "Ru con", chị Lý hò khoan, sau mỗi câu hò có đệm. Tôi và Mai Tư không biết cách hò nên ngồi im. Bác bảo:

- Các cháu không hò khoan theo à?

Đến lượt Mai Tư hát dặm dò đưa:

"Nước sông Lam biết khi mô cho cạn, cũng như tình thân cách mạng của dân ta. Dù cho bão nổi mưa sa, Nghệ An Xô-viết xứng là Nghệ An"...

Mai Tư hát tiếp một câu ví ngắn:

*"Vững tay lái chiếc ca nô
Đưa phà đến bến chuyển mô cũng an toàn
Đã trăm lần bom đạn
Vẫn vững chí kiên gan..."*

Mai Tư hát nhanh, dồn dập. Bác quay sang hỏi chú Kỳ:

- Chú có hiểu không?

Chú Kỳ người Bắc nghe không hết được. Bác lại hỏi Mai Tư:

- Trong ta chừ có dệt vải nữa không?

- Dạ thưa Bác, có ạ!

- Có phường vải không?

- Dạ, không làm phường như trước, bà con đã vào hợp tác xã làm ăn tập thể cả.

- Rứa cháu có biết hát phường vải không?

- Dạ thưa Bác, có ạ.

Bác bảo Mai Tư hát một câu mà các cụ ngày xưa thường hay hát.

Mai Tư thưa với Bác:

- Dạ, thưa Bác, có phải *"dài lưng tốn vải ăn no lại nằm"* không ạ!

- Giờ cháu tiếp tục câu thứ hai đi!

Mai Tư lúng túng không biết, Bác nhắc:

*"Lưng dài có võng đòn cong
Áo dài đã có lụa hồng vua ban"*

Mai Tư hát câu Bác vừa nhắc theo điệu hát ví Nghệ An, nhưng nhớ sai đòn cong thành vòng tôm.

Bác cười:

- Đòn cong chớ!

Mai Tư hát xong thì Tuấn Mỹ "lấy Kiều" được Bác khen. Mỹ hát thêm mấy câu thơ của chú Tổ Hữu theo điệu ví ngắn:

*"Mình về với Bác đường xuôi,
Thưa giùm Việt Bắc không nguôi nhớ Người..."*

Đến lượt tôi, tôi đứng dậy thưa:

- Thưa Bác, bây giờ cháu xin hát điệu ru em, dân ca miền Trung theo lời cũ ạ. Tôi cất giọng:

"À ờ ơ... ru em em ngủ cho muôi".

Bác sửa lại:

"Ru tam tam théc cho muôi..."

("Tam" là tiếng miền Trung dùng để chỉ "em", "théc" là "ngủ").

Tôi hát lại:

*"Ru tam tam théc cho muôi
Để mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu..."*

Bác lại sửa:

- Để mạ chứ không phải để mẹ.

Tôi sung sướng hát tiếp:

*"... Để mạ đi chợ mua vôi ăn trầu
Mua vôi chợ Quán, chợ Cầu
Mua cau chợ Sài, mua trầu chợ Dinh".*

Bác cười, ân cần sửa nốt:

- Mua cau Cam Phô chứ không phải "chợ Sài".

Chao ôi! Bác nhiều tuổi rồi, Bác đã từng đi khắp năm châu bốn biển, Bác biết nhiều thứ tiếng, am hiểu nhiều phong tục tập quán các nơi, thế mà Bác vẫn nhớ rất lâu từng tên đất, tên người, cả tiếng hát quê nhà. Tôi lại hát dân ca miền Nam theo điệu "Ru con" cho Bác nghe nữa. Tôi chọn bài thơ "Ru con" của chú Tổ Hữu:

"Con ong làm mật yêu hoa

Con cá bơi yêu nước, con chim ca yêu trời..."

Bác ngồi nghe say sưa, dáng tư lự. Tôi thầm đoán: "Chắc Bác đang nghĩ về miền Nam đó".

Trời tối rồi. Sao đêm tháng năm mọc chi chít. Tiếng hát chúng tôi vẫn ngân vang. Nhưng đội chiếu bóng đã chuẩn bị xong, Bác cho phép chúng tôi ra xem chiếu bóng với Bác. Trước khi kết thúc, Bác hỏi chúng tôi:

- Các cháu có đi phục vụ chiến trường không?

- Dạ thưa Bác, chúng cháu có đi Cồn Cỏ và một số chiến trường xa ạ!

Nghe chúng tôi báo cáo, Bác rất vui. Sau đó, Bác nói:

- Bây giờ Bác thưởng cho mỗi cháu ba chiếc kẹo.

Bác tự tay chọn phát cho mỗi chúng tôi ba chiếc kẹo. Số kẹo còn lại, Bác trao cả cho Tuấn Mỹ:

- Cháu ni nhỏ nhất, Bác cho cả đĩa!

Chúng tôi còn được xem chiếu bóng với Bác hơn một giờ nữa. Nhưng khi ra về, mọi người vẫn cảm thấy sao thời gian trôi qua nhanh quá, cứ bồi hồi lưu luyến mãi, không muốn rời Bác. Trên đường về, chúng tôi nói với nhau: "Hôm nay chúng mình được vào gặp Bác để hát cho Bác nghe, nhưng chính Bác lại dạy chúng mình hát". Chúng tôi nguyện sẽ mãi mãi mang lời ca tiếng hát mà Bác đã dạy chúng tôi đi khắp các chiến trường, các đơn vị để phục vụ cán bộ và chiến sĩ góp phần đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược.

HỒ KHẢI ĐẠI và TRẦN HỘI ghi

BÁC HỒ VỚI CÁC MÀM NON NGHỆ THUẬT

T.N.A.

"Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng. Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu nhi Việt Nam"...

Đó là tiếng hát của các em học sinh thuộc hệ sơ trung của Trường Âm nhạc Việt Nam (nay là Nhạc viện Hà Nội) vang lên sôi nổi trong ngày 1-6-1979 khi các em được vinh dự biểu diễn báo cáo thành tích học tập với Bác Hồ kính yêu lần cuối cùng trước khi Bác mất.

Sáu năm sau, ngày 19-5-1975 trên màn ảnh vô tuyến truyền hình Việt Nam, đội đồng ca của các em lại biểu diễn bài hát đó để mừng ngày sinh của Bác và mừng chiến thắng vĩ đại của dân tộc. Tiếng hát của các em tuy vẫn trong trẻo nhưng hình như có cái gì lắng đọng: một niềm thương nhớ Bác vô hạn.

Thầy và trò Trường Âm nhạc Việt Nam không bao giờ quên được những giờ phút bên Bác lần cuối cùng. Nhất là trong những ngày vui lịch sử của dân tộc, cũng như ngày kỷ niệm 40 năm thành lập nhà trường, những kỷ niệm sâu sắc đó lại hiện lên càng rõ nét.

Hôm ấy, tuy sức khoẻ Bác đã yếu nhưng Bác rất vui khi thấy các cháu biểu diễn đàn vĩ cầm, đàn dương cầm rất giỏi và các cháu còn biểu diễn rất hay, rất say sưa những loại dân tộc cổ truyền như: sáo, nhị, bầu... Bác gọi các cháu là "những nghệ sĩ tí hon", "những nghệ sĩ tương lai", rồi Bác nói: "Các cháu phải học giỏi để sau này phục vụ nhân dân".

Bác ôm các cháu vào lòng, hỏi han từng người:

- Cháu chơi đàn gì?

- Bố mẹ cháu làm gì?

Khi các em giới thiệu với Bác cây đàn thập lục và tam thập lục, Bác cười và bảo: "Ta có tiếng ta sao các cháu không gọi là đàn 16 dây và đàn 36 dây có hơn không?". Từ đó hai cây đàn này đã được mang một cái tên đơn giản bằng ngôn ngữ dân tộc mà Bác Hồ đã chỉ bảo và mỗi lần nhắc đến cái tên này các em đều nhớ tới Bác.

Sau mỗi tiết mục biểu diễn Bác vỗ tay thật to và nói:

- Các cháu vỗ tay to lên để hoan nghênh bạn đánh đàn hay chứ!

Khi chia kẹo cho các cháu, Bác bảo: "Cho cháu này thêm một cái vì bé nhất và đánh đàn hay".

Quây quần bên Bác có các cháu ở thành phố, ở nông thôn, là con em cán bộ, công nhân, nông dân, các dân tộc miền núi, ở cả hai miền Nam Bắc.

Em Triệu Tiến Vượng, con một gia đình nông dân, quê ở Hà Tây là học sinh môn sáo dân tộc của trường. Em vô cùng sung sướng được thổi sáo để Bác nghe. Xưa kia, các em nhỏ ở nông thôn được bước chân tới trường học văn hoá đã là một điều vô cùng hạnh phúc hoặc có chăng chỉ là những lúc được thả hồn bay bổng theo tiếng sáo điều mỗi lần đi chăn trâu về. Ngày nay nhiều em nhỏ như Vượng không những được học văn hoá mà còn được học cả âm nhạc nữa và Tiến Vượng nay đã trở thành giảng viên của Nhạc viện Hà Nội.

Em Bàn Quảng Chương người dân tộc Sán Dìu, quê mãi miền rừng núi xa xôi. Em đã được đón về Thủ đô học âm nhạc. Em cũng được vinh dự biểu diễn báo cáo với Bác. Xưa kia có ai ngờ, trên màn ảnh vô tuyến truyền hình hôm nay lại xuất hiện một em gái nhỏ trong bộ quần áo dân tộc Mèo đang say sưa biểu diễn đàn 36 dây, đó là Hoàng Thị Hoa. Quê em ở tận trên vùng



Bác Hồ và học sinh sơ cấp Nhạc viện Hà Nội (1969)

Ảnh: TTXVN

cao, nơi mà dưới chân em lúc nào cũng chỉ có mây trời bay lượn. Không phải chỉ có Bằng Quảng Chương, Hoàng Thị Hoa mà còn biết bao nhiêu em khác đã được nuôi dưỡng và trưởng thành, như Nông Thị Ninh, người dân tộc Tày, là học sinh dân tộc miền núi đầu tiên đã tốt nghiệp đại học môn đàn dương cầm.

Đàn dương cầm và vĩ cầm là hai loại nhạc cụ phải khổ công rèn luyện từ bé và rất lâu năm. Trước đây chỉ có con nhà quyền quý mới được học đến nơi đến chốn và chỉ có những bàn tay "ngà ngọc" mới được lướt trên những phím đàn dương cầm. Ngày nay con em nhân dân lao động cũng được chơi những loại đàn đó. Em Mai Bích Liên mới lên 7 tuổi, mẹ chết sớm, bố là thợ rèn. Khi đoàn tuyển sinh của trường về tận quê em phát hiện thấy em có năng khiếu, nhà trường đã tuyển em vào học đàn dương cầm. Em luôn luôn được mọi người chú ý chăm sóc đặc biệt vì em bé nhất trường, lại sớm mồ côi mẹ. Trong dịp Tết Nguyên đán năm ấy thầy Hiệu trưởng Nguyễn Văn Thương đã đón em về nhà riêng ăn Tết. Mặc dầu ở xa gia đình, những em nhỏ như Liên đã được nhà trường, các thầy cô giáo chăm nom, săn sóc như con cái của mình. Nếu Bác Hồ còn chắc sẽ vui lòng vì những việc làm đầy tình nghĩa này.

"Vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người", lời dạy của Bác đã trở thành mục tiêu trong sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ Việt Nam. Một trong những mục tiêu đó là việc rèn luyện các mầm non nghệ thuật. Vì vậy sau khi đánh đuổi được thực dân Pháp, hoà bình vừa được lập lại trên miền Bắc nước ta, Trường Âm nhạc Việt Nam đã được thành lập. Ngày nay trường đã trở thành một cơ sở giảng dạy có quy mô từ sơ cấp đến cao học với đầy đủ các bộ môn: nhạc cụ truyền thống, nhạc cụ mới, sáng tác, lý luận, chỉ huy, thanh nhạc, v.v.. Những gương mặt trong bức ảnh giờ đây đã trở thành những thầy cô giáo dạy nhạc, những nghệ sĩ biểu diễn tài ba, những người lãnh đạo các cơ sở văn hoá nghệ thuật trên toàn đất nước.

Đặc biệt trong thời gian chiến tranh phá hoại ác liệt nhất, Trường Âm nhạc vẫn phát triển đều đặn. Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ các em học sinh nhỏ đã được đưa đi sơ tán xa Thủ đô để bảo đảm an toàn tính mạng, đồng thời vẫn tiến hành công việc học tập. Thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ trong ngày gặp gỡ cuối cùng với Bác, thầy và trò đã khắc phục mọi khó khăn để học tốt và dạy tốt. Điều đó được thể hiện rõ nhất là sau khi tiếng bom đạn vừa dứt, ta đã cử được hai học sinh đi dự cuộc thi quốc tế âm nhạc ở Liên Xô (cũ) là Ngô Văn Thành và Tôn Nữ Nguyệt Minh. Tiếp sau đó là Đặng Thái Sơn đã đoạt được giải nhất cuộc thi quốc tế về đàn dương cầm mang tên Sôpanh ở Ba Lan. Cả thế giới lúc đó khâm phục Việt Nam, không những ta thắng lợi trên lĩnh vực quân sự, chính trị, ngoại giao mà còn thắng lợi cả trên lĩnh vực văn hoá giáo dục nữa.

MỘT LÀN ĐIỀU DÂN CA QUA TIẾNG SÁO BÁC HỒ

ĐINH THÌN *kể*

Điều sung sướng, điều vinh dự nhất đối với mỗi thanh niên chúng ta là được gặp Bác Hồ, được chuyện trò thân mật với Bác. Đinh Thìn ở Nhà hát ca múa nhạc Việt Nam, là một người có cái vinh dự đó. Anh đã được gặp Bác Hồ nhiều lần; hơn thế nữa anh đã nhiều lần được đến chỗ Bác Hồ ở, thổi sáo cho Bác Hồ nghe.

Chúng tôi đến thăm anh, trong lúc anh đang cùng dàn nhạc dân tộc, tập hoà tấu một bản nhạc mới, viết dựa theo một ý trong lời *Di chúc* của Bác. Biết chúng tôi muốn nghe chuyện về những lần anh được gặp Bác, anh bồi hồi xúc động kể:

- Tôi không bao giờ quên buổi đầu tiên được gặp Bác. Lúc bấy giờ tôi còn ở Đoàn chèo Trung ương. Hôm đó, chúng tôi chỉ có bốn người ở lại bốn đoàn nghệ thuật. Một hát, một múa, một xiếc và một sáo. Bốn chúng tôi vừa bước vào phòng khách, thì Bác ra. Tôi đã thấy Bác nhiều lần, nhưng chỉ thấy xa, hôm nay bên Bác tôi không sao nén được xúc động. Ôi! Bác dung dị quá! Râu tóc bạc phơ, da dẻ hồng hào, Bác mặc bộ quần áo bằng lụa Hà Đông. Thấy chúng tôi lúng túng, Bác liền nắm tay kéo chúng tôi ngồi xuống quanh Bác.

Bác hỏi chuyện từng người, rồi Bác hỏi tôi có mang sáo thì thổi cho Bác nghe. May quá, tôi có mang theo sáo, nhưng bây giờ cứ lúng túng mãi tìm không ra.

Bác ngồi dựa hẳn vào thành ghế, chăm chú nghe tôi thối sáo. Hôm ấy tôi thối một nhịp đuối trong làn điệu chèo. Nghe xong, Bác gật gù, rồi hỏi:

- Cháu học thối sáo đã lâu chưa?

- Dạ thưa Bác cháu học thối sáo từ lúc còn nhỏ ạ. Nhưng từ ngày vào đoàn chèo cháu mới được cụ Ly trong đoàn dạy bảo tận kẽ ạ.

- Tuổi cụ bao nhiêu?

- Thưa Bác cụ đã hơn bảy mươi ạ.

- Bảy mươi tuổi mà còn thối được sáo? Trước cụ làm gì?

- Dạ thưa Bác, cụ Ly là một nghệ nhân, cụ đã từng đi biểu diễn khắp nơi trong nước. Cụ là một trong những người thối sáo hay nhất hiện nay ạ.

Bác cười rồi bảo:

- Thế thì tốt, cháu đã gặp thầy rồi đó. Thanh niên phải chịu khó học. Âm nhạc dân tộc của ta rất độc đáo. Bác đã đi nhiều nước trên thế giới, nhưng Bác vẫn nhớ những câu hát của dân ta. Ta có nhiều câu hát dân ca hay lắm. Bây giờ phải khai thác và phát triển nó lên. Cháu là thanh niên, cháu phải làm nòng cốt, tiếp thu và phát triển âm nhạc dân tộc.

Sau đó Bác hỏi quê tôi ở đâu. Nghe tôi nói quê ở Thanh Chương, Nghệ An, Bác nói luôn:

- "Nhút Thanh Chương, tương Nam Đàn" hả.

Rồi Bác hỏi:

- Cháu đi văn công từ bao giờ?

Tôi ngập ngừng trả lời Bác:

- Dạ, thưa Bác cháu đi văn công từ năm cháu 13 tuổi ạ.

Đinh Thìn, ngừng kể, anh đưa mắt nhìn xa xăm.

Chúng tôi quen biết Đinh Thìn từ năm 1962, sau khi anh đoạt Huy chương Vàng ở Hội diễn chuyên nghiệp toàn miền

Bác. Gia đình Thìn nghèo lắm, ở nông thôn nhưng không có một tấc đất cắm dùi. mấy anh em lớn đều phải đi ở cho nhà giàu trong làng. Ngày ngày Thìn dắt trâu chủ ra đồng, mang theo quang liềm đi cắt cỏ. Nhưng lao động cực nhọc, không làm cần được tâm hồn thơ mộng của cậu bé. Một tiếng chim hót cũng làm Thìn chú ý. Nhiều buổi Thìn bị chủ mắng vì đã bỏ việc, mê mẩn nghe những bác xẩm đánh đàn, thổi sáo. Rồi chú bé Thìn cũng biết khoét ống sáo giắt theo người.

Đứa bé chăn trâu đó bây giờ trở thành một nghệ sĩ độc tấu sáo, đã đi biểu diễn khắp nơi trong nước và nhiều nước trên thế giới.

Một lần Đình Thìn được gặp Bác rất đột ngột. Anh nói:

- Hôm đó Bác tiếp khách riêng của Bác. Trong phòng người nghe không đông lắm, tôi thổi bài *Nhớ về Nam*. Bác ngồi ngay trước mặt tôi, Bác nghe chăm chú. Thổi xong tôi cúi đầu chào, định quay về chỗ ngồi, thì Bác đứng dậy, Bác cầm xem chiếc sáo của tôi. Bác hỏi:

- Chiếc sáo này cháu tự làm lấy hay mua?

- Thưa Bác cháu làm lấy ạ.

- Tự làm như thế là giỏi. Làm sáo có khó khăn lắm không cháu? Trong kháng chiến chống Pháp, Bác thấy các chú bộ đội làm sáo nhanh lắm. Đi hành quân, đi tập đều mang theo, thổi rất vui.

Nói rồi Bác cầm ống sáo lên miệng thổi. Bác thổi hai, ba lần nhưng hơi vẫn phì ra, ống sáo không kêu. Tôi thưa với Bác:

- Bác để môi sát vào miệng lỗ sáo ạ.

Bác để lại và nhẹ nhàng thổi, lòng ống sáo có gió liền phát ra thành tiếng.

Bác hỏi:

- Ngón tay để thế này đúng chưa?

Tay tôi run hân lên, tôi khẽ cầm vào ngón tay Bác, sửa cho từng ngón bịt vào từng miệng lỗ sáo.

Bác đề sáo lên miệng thổi. Không khí trong phòng bấy giờ như ngưng đọng lại, mọi người nín thở chờ đợi tiếng sáo của Bác. Bác lắng hơi, nhẹ thổi. Hơi chạy vào trong ống sáo, thoát ra các ngón tay của Bác gợi thành một làn điệu dân ca. Bác thổi vừa dứt, tiếng vỗ tay trong phòng rộn lên, vừa ngạc nhiên vừa sung sướng. Bác bỏ ống sáo xuống, lấy dấp điệu, cúi chào như một diễn viên thực thụ. Tiếng vỗ tay, tiếng cười vui vẻ lại vang lên.

Bác cũng vui vẻ cười.

Lần gặp Bác đã để lại cho tôi những ấn tượng không thể phai mờ được. Bác đi tìm con đường cách mạng cứu dân cứu nước từ lúc còn trẻ, Bác đi năm châu bốn biển, những câu hát đồng quê vẫn còn lắng đọng trong lòng Bác.

Đinh Thìn dừng lại suy nghĩ rồi tiếp:

- Sau những lần được gặp Bác, thổi sáo Bác nghe, tôi lại lao vào học tập, khổ luyện, biểu diễn phục vụ đồng bào. Tôi thấy mình cố gắng làm việc bao nhiêu cũng không xứng đáng với công ơn của Bác. Tôi càng yêu chiếc sáo - chiếc sáo may mắn đã được Bác thổi. Tôi càng say mê âm nhạc dân tộc.

Tôi có ý định viết lại điệu *Cò lả* cho sáo, tập và hôm nào gặp Bác sẽ thổi Bác nghe, xin ý kiến Bác.

Thường cứ sau những chuyến đi biểu diễn ở nước ngoài về, chúng tôi được gặp Bác.

Hồi tháng 7, sau chuyến đi dài biểu diễn ở Pháp, Ý, Angiêri, Liên Xô, Trung Quốc về, chúng tôi lại được quây quần bên Bác. Tôi còn nhớ rõ, hôm đó đường Phủ Chủ tịch hoa phượng đỏ ối. Chúng tôi ngồi quanh người cha tôn kính. Bác chăm chú nghe chuyện của những đứa con đi xa về. Vẫn như

những lần gặp trước, Bác chủ động, vui vẻ, hóm hỉnh và ân cần hỏi chuyện chúng tôi.

Trong đoàn chúng tôi có đồng chí khi nói chuyện với Bác gọi "tốp ca nữ", Bác hỏi ngay:

- Ca là gì cháu?
- Thưa Bác là hát ạ.
- Thế nữ là gì?
- Thưa Bác nữ là gái ạ.
- À, thế thì nên nói là "tốp hát gái".

Trong lúc chuyện trò thân mật tôi nói với Bác:

- Ở Angiêri, ở Ý, mỗi lần tiết mục của ta hay, họ vỗ tay đến vỡ nhà hát và hô tên Bác kéo dài. Ở nước ngoài được nghe người ta hoan nghênh và hô tên Bác, chúng cháu không sao nên được sung sướng tự hào. Bấy giờ cháu muốn có thật nhiều bài hát về Bác. Nhưng cháu nghĩ những điệu múa, những bài ca về con người Việt Nam, về non sông đất nước ta cũng là nói về Bác...

Bác hỏi lại:

- Được khen như thế có phồng mũi không?

Chúng tôi đều cười vui vẻ và ai nấy đều biết đó là câu Bác có ý răn bảo mình.

Trong chúng tôi có ai dám nghĩ, lần đó gặp Bác lại là lần cuối cùng!

Nghe tin Bác mất, cả nhà hát chúng tôi đều sùng sốt, rồi oà lên khóc. Tôi vẫn không tin đó là sự thật. Hôm chúng tôi gặp Bác, Bác còn khoẻ lắm. Bác còn vui đùa với chúng tôi... Cái tin đau đớn quá chừng!

Hôm vào viếng Bác, nhìn thi hài Bác, tôi không còn đứng vững được nữa. Bác nằm trong quan tài kính.

Bác gầy quá! Lòng tôi trào lên một điều ân hận, tôi đã không làm đúng được lời hứa với lòng mình. Điệu *Cò lá* tôi viết cho sáo vẫn chưa xong. Bác ơi cháu có lỗi với Bác nhiều...

Đình Thìn đứng dậy, đưa chúng tôi đi xem qua các phòng tập. Sân múa đang tập tiết mục mới, tốp hát gái đang luyện giọng. Dân nhạc dân tộc đang hoà tấu một bản nhạc viết dựa theo một ý trong lời *Di chúc* của Bác.

Nhà hát, sau những ngày chịu tang Bác đang rộn lên không khí làm việc mới. Đình Thìn xin lỗi chúng tôi để vào tập với dân nhạc.

Chia tay Đình Thìn, trên đường về chúng tôi cứ nghĩ mãi về làn điệu dân ca mà Bác thổi. Tiếc rằng không ghi lại được cho mọi người cùng nghe. Cái gì trong làn điệu làng quê kia đã làm nó sống trong lòng vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc? Phải chăng đó là tâm hồn Việt Nam, là sức sống mãnh liệt của người nông dân Việt Nam qua bao thế kỷ? Có thể bài hát về Bác chưa nhiều, nhưng Bác là non sông là đất nước, là một bài hát ru con, là một thành ngữ, một điệu dân ca, một câu ca dao đồng quê in đậm trong mỗi người dân Việt Nam từ đời này qua đời khác.

9-1969

ĐĂNG TRUNG ghi.

TIẾNG HÁT DÂN GIAN

LÊ THUẬN

Mùa hè năm 1952, giữa tháng năm, tôi được cùng các đồng chí Văn công quân đội đến phục vụ Đại hội Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

Đúng như điều tôi mong mỏi, Hồ Chủ tịch đến dự Đại hội.

Mặc dù đã được gặp Bác đã ba lần, tôi vẫn cứ thêm được ngắm Bác, thêm được đứng cạnh Bác, hơn cả đứa bé con thêm bố mẹ.

Bác ở Đại hội mấy hôm liền. Ngoài những giờ làm việc, Bác thường đến thăm các đồng chí công nhân phụ trách máy điện, các anh chị em nấu bếp, hoặc Bác đi tìm gặp nói chuyện thân mật với các đại biểu.

Biết vậy, tôi cứ rình. Bác đi chơi đâu, tôi tìm cách theo đi đấy. Bác xuống nhà ăn, tôi xuống nhà ăn. Bác ra chỗ anh em nhảy múa, tôi ra chỗ anh em nhảy múa. Buổi tối, Bác ngồi nghe báo cáo tôi cũng cố chen lấy chỗ gần. Chỉ với một mục đích: ngắm Bác, nhìn cử chỉ và nghe giọng nói của Bác.

Một buổi chiều, ăn cơm xong, tôi đang đứng giữa sân thì thấy Bác từ phòng làm việc đi xuống. Da mặt Bác hồng. Tóc Bác trắng. Bác mặc bộ quần áo cánh rộng màu nâu nhạt. Ánh nắng chéch dài trên bãi cỏ. Bác đi trên cỏ xanh, thong thả từng bước, tay cầm cái quạt giấy, tay cầm điều thuốc lá đang cháy dở.

Tôi đứng ngây người nhìn Bác. Tôi nghĩ vụng: vừa này thôi, khi ở hội trường Bác kêu gọi mọi người dốc sức ra đánh

giặc, trông Bác quắc thước và kiên quyết biết chừng nào, thì lúc này Bác lại hiện ra bình dị, thông dong, đẹp quá chừng, tưởng nhìn không bao giờ chán mắt.

Không bỏ lỡ dịp, tôi vòng ra sau lưng Bác, đi theo. Tôi đi cách Bác hai bước chân, vừa đi vừa nhìn mái tóc trắng tròn tròn trên gáy Bác, nhìn đôi dép cao su, nhìn điều thuốc toả ra những sợi khói xanh đậm. Tôi đoán Bác đang suy nghĩ về một việc gì quan trọng, cho nên tôi bước rất nhẹ để khỏi làm rầy đến Bác. Lúc ấy, thật tôi chỉ mong được đi một mình bên cạnh Bác như thế rõ lâu.

Nhưng cũng chỉ được một lúc. Trước mặt tôi, có một chị đi đến. Chị đội một tấm khăn vuông đen, mặc chiếc áo ngắn nâu.

Thấy Bác, chị khẽ cúi:

- Thưa Bác ạ.

Bác đứng lại:

- Cô ở đâu?

- Dạ, cháu là diễn viên...

- À, nữ nghệ sĩ đến phục vụ Đại hội... Tốt lắm. Diễn viên về ngành gì?

- Dạ, diễn viên hát ạ.

Bác giờ quạt chỉ xuống cỏ:

- Vậy cô ngồi xuống đây hát cho Bác nghe đi, bây giờ còn đang giờ nghỉ.

Vừa nói xong, Bác đã ngồi xếp xuống cỏ, chống hai cánh tay lên hai đầu gối. Từ xa, một tốp người nữa kéo nhau lại ngồi sát quanh.

Tôi đang đứng loay hoay tìm một chỗ nào ngồi thuận tiện nhất thì thỉnh lình Bác giờ cái quạt lên vẩy vẩy bảo tôi:

- Chú có nghe hát thì phải ngồi xuống cho hân hoi chứ?

Tôi ngoan ngoãn ngồi như một đứa cháu nghe lời ông bảo. Các đại biểu, chiến sĩ và các nhân viên phục vụ xúm lại mỗi lúc một đông.

Chị diễn viên gương mặt:

- Thưa Bác, Bác cho phép cháu hát bài gì ạ?

Tôi biết chị là một nghệ sĩ đã lâu năm trong nghề. Tôi cũng đã được nghe chị hát nhiều lần. Nhưng lần này, tôi sắp được nghe chị hát cho Bác Hồ nghe, trên một bãi cỏ, giữa một khu rừng cây cao vút. Không hiểu sao, người tôi cứ rạo rạo, hai tai mở rộng như sắp được thu một điệu nhạc gì hay nhất trong đời mình đây.

Bác bảo:

- Cô hát bài gì mà cô thích hát xưa nay, tùy ý cô, không bắt buộc.

Chị diễn viên vẫn lúng túng. Tôi hiểu chị đang lo lắng không biết nên hát bài gì.

Bác lại bảo:

- Trước cô vẫn hát cho bà con thôn quê nghe phải không? Đây, cứ hát như hát cho bà con nông dân ta nghe ấy.

Được Bác nhắc tới hai lần, chị ngần ngừ, rồi tùm tùm:

- Cháu xin hát sa mạc...

Bác gật đầu:

- Ừ, sa mạc, được lắm.

Mọi người im phắc. Tôi nín thở, chờ xem chị sẽ hát câu gì.

Bỗng chị nhìn lên một ngọn cây trước mặt, giọng trầm trầm rồi lên cao:

*Mây bay dưới núi, mây lượn quanh ngôi
Lá cây nâng đội lưng đồi càng xanh
Thương nhau đôi chữ chung tình
Núi xanh một dải, rừng xanh một vùng...*

Tôi vẫn chăm chú nhìn Bác. Mắt Bác đăm đăm không chớp, điều thuốc trên môi Bác cứ rung rung theo nhịp điệu câu hát đang trôi cuồn cuộn vào lòng người nghe như một dòng suối ngọt. Tôi cũng không quên nhìn chị diễn viên. Mắt chị vẫn dõi thẳng lên ngọn cây mà sao long lanh một cách lạ. Tôi hiểu chị đang tập trung hết sức lực, hết tâm hồn mình. Giọng chị như xúc động đến nghẹn ngào lên:

... Ai ơi chua ngọt đã từng

Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau...

Chị hát xong mới đưa mắt nhìn Bác. Nhưng Bác vẫn ngồi im, điều thuốc vẫn rung rung trên môi như còn đang đợi nghe tiếp. Chị nói:

- Thưa Bác, cháu hát xong rồi ạ.

Khi ấy Bác mới đưa tay nhắc điều thuốc lá ra khỏi miệng. Rồi Bác đứng dậy:

- Cô hát hay lắm... Cô còn phải hát hay hơn, nhiều hơn, hát làm sao cho bà con nghe mà thêm yêu đất nước, yêu mọi người, mà nức lòng sản xuất, giết giặc, rõ không?

- Dạ, rõ ạ.

Bác đưa một vòng cái quạt chỉ vào những người ngồi nghe:

- Bác thay mặt tất cả anh chị em ngồi quanh đây cảm ơn nữ nghệ sĩ.

Tôi cảm động quá. Tôi thấy Bác sao mà hiền hậu, đáng yêu quá. Tôi hiểu Bác khen hay, một phần vì giọng người hát rất trong, nhưng phần chính là vì Bác là người rung cảm nhạy bén hơn ai hết với những tình cảm đầm ấm trong đời sống, trong tiếng hát thường ngày của dân gian.

Chị diễn viên bỗng nắm lấy tay tôi:

- Thế nào anh, tôi hát mấy câu ấy có được không anh?

Tôi vừa mãi nhìn theo Bác đang đi về phía máy nổ, vừa trả lời chị:

- Sao lại không được?
- Sợ không có ý nghĩa gì cả?...
- Sao lại không có ý nghĩa... Chỉ tiếc là chị hát ít quá. Tôi đang mãi ngắm Bác ngồi nghe thì chị lại không hát nữa...
- Ừ nhỉ... Nhưng chỉ sợ Bác phải nghe lâu... Tôi cứ luống cuống thế nào ấy, hát chả câu nào ra câu nào...

Nói xong, chị lại cùng tôi đứng nhìn theo Bác, nhìn theo mái đầu bạc lững thững trên cỏ xanh. Một lát sau tôi mới quay lại nhìn chị, chợt thấy đôi má chị ửng lên một màu hồng, cái màu hồng tự nhiên của tuổi trẻ đã lâu không thấy có trên mặt người nữ diễn viên đã già dặn trong nghề.

CHÚ THÍCH VỀ TÁC GIẢ*

1. TÔ HỮU (1920-2002)

Tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành. Quê quán: Thừa Thiên - Huế. Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng về văn học Hồ Chí Minh (1996). Giải thưởng văn học ASEAN (1996). Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học - nghệ thuật (1996). **Tác phẩm chính:** *Từ ấy* (thơ, 1946); *Việt Bắc* (thơ, 1954); *Gió lộng* (thơ, 1961); *Ra trận* (thơ, 1972); *Máu và hoa* (thơ, 1977); *Một tiếng đờn* (thơ, 1992); *Xây dựng một nền văn hoá nghệ thuật lớn xứng đáng với nhân dân ta, thời đại ta* (tiểu luận, 1973); *Cuộc sống cách mạng và văn học nghệ thuật* (tiểu luận, 1981)...

2. NGUYỄN ĐÌNH THI (1924-2003)

Tên khai sinh là Nguyễn Đình Thi. Quê quán: Hà Nội. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, Tổng Thư ký Hội Văn hoá cứu quốc, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Văn nghệ Việt Nam (từ 1948). Từ năm 1955 về công tác tại Hội Văn nghệ Việt Nam, Tổng Thư ký Hội Văn nghệ (1956-1958). Từ 1958: làm Tổng Thư ký Hội Nhà Văn Việt Nam các khoá I, II và III. Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996). **Tác phẩm chính:** *Xung kích* (tiểu thuyết, 1951); *Mấy vấn đề văn học* (tiểu luận, 1956-1958); *Bài thơ Hắc Hải* (thơ, 1959-1961), *Con nai đen* (kịch, 1961); *Vỡ bờ* (tiểu thuyết, 1962-1970), *Mặt trận trên cao* (tiểu thuyết, 1967)... *Diệt phát xít, Người Hà Nội* (ca khúc)...

3. BẢO ĐỊNH GIANG (1919-2005)

Tên khai sinh là Nguyễn Thanh Danh. Quê quán: Tiền Giang. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Từng kinh qua các chức vụ: Phó Tổng Thư ký Hội Văn nghệ Việt Nam, Vụ phó Vụ Văn nghệ Ban Tuyên huấn Trung ương, Tổng biên tập báo *Văn nghệ*, Phó Chủ tịch Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật thành phố Hồ Chí Minh, Tổng biên tập báo *Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh*. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2001. **Tác phẩm chính:** *Đường giải phóng* (thơ, 1977); *Đêm huyền diệu* (thơ, 1985); *Hà dạ* (kịch, 1948); *Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga* (kịch bản phim, 1990); *Mấy vấn đề văn nghệ yêu nước và cách mạng* (nghiên cứu, 1964); *Ca dao Bảo Định Giang* (1990); *Văn nghệ - một thời để nhớ* (sưu tầm, 1996)...

4. PHAN TỬ (1930-1995)

Tên khai sinh là Lê Khâm. Quê quán: Quảng Nam. Ông từng giữ chức Quyền Tổng biên tập Nhà xuất bản Giải phóng năm 1966. Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn, Ủy viên Ban Thư ký (Ban thường vụ) Ban Chấp hành Hội Nhà văn khoá III. Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật (2000). **Tác phẩm chính:** *Bên kia*

* Để tiện tra cứu, chúng tôi xếp thứ tự các tác giả theo mục lục. Một số người chưa có điều kiện tìm đủ thông tin cần thiết, chúng tôi sẽ bổ sung vào các lần tái bản sau (BT).

biên giới (tiểu thuyết, 1958, 1978); *Trước giờ nổ súng* (tiểu thuyết, 1960); *Gia đình má Bảy* (tiểu thuyết, 1968, tái bản 1971, 1972, 1975); *Mãn và tôi* (tiểu thuyết, 1972, 1975, 1978, 1987, 1995), *Người cùng quê* (tiểu thuyết 3 tập, 1985, 1995, 1997)...

5. HUY CẬN (1919-2005)

Tên khai sinh là Cù Huy Cận. Quê quán: Hà Tĩnh. Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam. Từ 1955-1984, Thứ trưởng Bộ Văn hoá. Từ 1984: Bộ trưởng đặc trách công tác văn hoá thông tin tại Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng, kiêm Chủ tịch Ủy ban TƯ Hội LHVHNT Việt Nam. Từng là Phó Chủ tịch UBTVQ Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, Ủy viên Hội đồng chấp hành UNESCO từ năm 1978-1983, Đồng Chủ tịch Hội đồng văn học Á Phi 1962 tại Cairo, Đồng Chủ tịch Hội đồng Văn hoá thế giới 1968 ở La Habana, Ủy viên Hội đồng văn học Pháp ngữ 1985-2000. Năm 2001 được bầu là Viện sĩ Viện Hàn lâm Thơ thế giới. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996). **Tác phẩm chính:** *Lửa thiêng* (thơ, 1940); *Trời mỗi ngày lại sáng* (thơ, 1958)... *Kính cầu tự* (văn xuôi, 1942); *Đất nở hoa* (thơ, 1960); *Cha ông nghìn thuở* (tráng ca, 2002)...

6. XUÂN DIỆU (1917-1985)

Tên khai sinh là Ngô Xuân Diệu. Quê quán: Hà Tĩnh. Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam. Từng giữ các chức vụ: Thư ký toà soạn tạp chí *Tiên phong*. Kháng chiến chống Pháp công tác ở Đài Tiếng nói Việt Nam, Hội Văn nghệ Việt Nam, Thư ký tạp chí *Văn nghệ*, là Ủy viên thường vụ, Ủy viên Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam (khoá I, II, III), Viện

sĩ thông tấn Viện Hàn Lâm nghệ thuật Cộng hoà dân chủ Đức (1983)... Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996). **Tác phẩm chính:** *Thơ thơ* (thơ, 1938); *Gửi hương cho gió* (thơ, 1945, 1967); *Ngọn quốc kỳ* (thơ, 1945, 1961); *Hội nghị non sông* (thơ, 1946), *Phản thông vàng* (văn xuôi, 1939, 1967); *Những bước đường tư tưởng của tôi* (tiểu luận phê bình, 1958); *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam* (tiểu luận phê bình, 2 tập, 1981, 1982); *Thi hào Nadim Hítmét* (dịch, 1962); *Thơ Nicôla Ghiden* (dịch, 1982)...

7. HOÀNG VĂN BÀN (1930-2006)

Tên khai sinh là Hoàng Văn Bàn. Quê quán: Đồng Nai. Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật Đồng Nai. Giám đốc Nhà xuất bản Đồng Nai. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2007... **Tác phẩm chính:** *Vỡ đất* (tiểu thuyết, 1952); *Tướng Lâm Kỳ Đạt* (truyện thiếu nhi, 1962); *Tuổi thơ ngọt ngào* (tiểu thuyết, 1994); *Khắc nghiệt* (tiểu thuyết 4 tập, 1990); *Nhớ người xưa* (tiểu thuyết, 2004)...

8. NGUYỄN CÔNG HOAN (1903-1977)

Tên khai sinh là Nguyễn Công Hoan. Quê quán: Hưng Yên. Ông từng là Chủ nhiệm tờ *Quân nhân học báo*, biên tập viên tờ *Vệ quốc quân* (báo *Quân đội nhân dân* ngày nay). Khi thành lập Hội Nhà văn Việt Nam, được bầu làm Chủ tịch Hội, kiêm Chủ nhiệm tuần báo *Văn* (tiền thân của báo *Văn nghệ*). Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996). **Tác phẩm chính:** *Quyết chí phiêu lưu* (viết năm 17 tuổi); *Kiếp hồng nhan* (tập truyện ngắn, 1923); *Bước đường cùng* (tiểu thuyết, 1938), *Lá ngọc cành vàng* (tiểu thuyết, 1934), *Đời viết văn của tôi* (hồi ký, 1971)...

9. HOÀNG NGỌC PHÁCH (1896-1973)

Tên khai sinh là Hoàng Ngọc Phách. Quê quán: Hà Tĩnh. Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam. Ông từng viết cho tạp chí *Nam phong* và nhiều tờ báo khác. Từng đảm nhận nhiều cương vị: Giám đốc học khu Bắc Ninh (1945-1951); Giám đốc Giáo dục khu XII (1947-1948); Giám đốc Trường Cao đẳng sư phạm Trung ương (1951)... Từ năm 1959 về Viện Văn học, chuyên phụ trách, sưu tầm, hiệu đính các tác phẩm văn học Việt Nam cận đại. **Tác phẩm chính:** *Tổ Tâm* (tiểu thuyết, 1925); *Thời thế với văn chương* (1941); *Thơ văn Nguyễn Khuyến* (1957); *Sơ tuyển thơ văn yêu nước và cách mạng* (1959); *Khảo luận về Nhị Độ Mai* (1959)...

10. THẾ LŨ (1907-1989)

Tên khai sinh là Nguyễn Thứ Lễ. Quê quán: Bắc Ninh. Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam. Ủy viên thường vụ Hội Văn nghệ Việt Nam; Chỉ đạo nghệ thuật Đoàn Sân khấu Việt Nam. Từ 1957 là Chủ tịch Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (2000). **Tác phẩm chính:** *Mấy vần thơ* (thơ, 1935); *Vàng và máu* (truyện, 1934); *Mai Hương và Lê Phong* (truyện, 1937); *Trại Bỏ Tù Linh* (truyện, 1941); *Cụ Đạo sư ông* (kịch, 1946)... Dịch giả nhiều vở kịch của Sêchxpia, Gôcơ, Sinle và Pôgôđin...

11. TÚ MỠ (1900-1976)

Tên khai sinh là Hồ Trọng Hiếu. Quê quán: Hà Nội. Từ 1932, tham gia Tự lực văn đoàn. Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam. Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam (khoá I, II). Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ

thuật (2000). **Tác phẩm chính:** *Dòng nước ngược* (2 tập, 1943); *Nụ cười kháng chiến* (thơ trào phúng, 1952); *Thơ Tú Mỡ* (thơ, truyện, 1971)...

12. NGUYỄN HUY TƯỜNG (1912-1960)

Tên khai sinh là Nguyễn Huy Tường. Quê quán: Bắc Ninh (nay thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội). Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam. Từng tham gia Ban biên tập báo *Tiên phong* của Văn hoá cứu quốc, từng giữ các trọng trách: Phó Thư ký Hội Văn hoá cứu quốc Việt Nam (1946), Ủy viên thường vụ Hội Văn nghệ Việt Nam, Tổng Thư ký Ban Trung ương Vận động *Đời sống mới*, Thư ký toà soạn tạp chí *Văn nghệ*, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam khoá I, Giám đốc Nhà xuất bản Kim Đồng... Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996). **Tác phẩm chính:** *Đêm hội Long Trì* (tiểu thuyết, 1942, được chuyển thể điện ảnh, chèo, cải lương 1990); *Vũ Như Tô* (kịch, 1943); *An Tư* (tiểu thuyết, 1944), *Bắc Sơn* (kịch, 1946); *Những người ở lại* (kịch, 1948); *Ký sự Cao Lạng* (ký sự, 1951); *Truyện Anh Lục* (tiểu thuyết, 1955); *Lũy hoa* (truyện phim, 1960); *Sống mãi với Thủ Đô* (tiểu thuyết, 1961); *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* (truyện thiếu nhi)...

13. ANH THƠ (1918-2005)

Tên khai sinh là Vương Kiêu Ân. Quê quán: Bắc Giang. Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam (khoá I, II), Ủy viên thường vụ Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội. Từ 1971-1975 công tác tại tạp chí *Tác phẩm mới*. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2000, giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 2007. **Tác phẩm chính:** *Bức tranh quê* (thơ, 1941); *Kể chuyện Vũ Lăng* (truyện thơ,

1967); *Tiếng chim tu hú* (hồi ký, 1995); *Từ bến sông Thương* (hồi ký, 2002)...

14. NÔNG QUỐC CHÂN (1923-2002)

Tên khai sinh là Nông Văn Quỳnh. Quê quán: Cao Bằng. Người dân tộc Tày. Sau 1945 làm Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật khu Việt Bắc. Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Văn hoá kiêm Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hoá, Hiệu trưởng Trường viết văn Nguyễn Du, Chủ tịch Hội Văn hoá văn nghệ các dân tộc thiểu số Việt Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 2000. **Tác phẩm chính:** *Tiếng ca người Việt Bắc* (thơ, 1959); *Người núi Hoa* (thơ, 1961); *Một vườn hoa nhiều hương sắc* (tiểu luận, 1977)...

15. TÔ HOÀI (1920)

Tên khai sinh là Nguyễn Sen. Nguyên quán: Hà Tây, nay thuộc Hà Nội. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1957), Chủ tịch danh dự Hội Văn học nghệ thuật Hà Nội. Từ 1945-1952 làm báo *Cứu quốc*. Từng là Tổng thư ký, Bí thư Đảng Đoàn Hội Nhà văn Việt Nam, Chủ tịch Hội Văn nghệ Hà Nội. Giải thưởng Hội Nhà văn Á Phi (1970). Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996). **Tác phẩm chính:** *Để mền phiêu lưu ký* (truyện thiếu nhi, 1941); *Truyện Tây Bắc* (1956); *Quê nhà* (1967); *Chuyện cũ Hà Nội* (1980)...

16. Y ĐIỀNG (1928)

Tên khai sinh là Y Điềng Kpăhôi. Quê quán: Phú Yên. Người dân tộc Êđê. Từng là Thư ký riêng của cụ Y Bi-a-lê-ô (Phó Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban

Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam). Từng giữ chức Phó Chủ tịch Hội Văn nghệ Khánh Hoà. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật (2007). **Tác phẩm chính:** *Em chờ bộ đội Ama Hô* (truyện ngắn, in chung, 1962); *Ông già Khơ Rao* (truyện ngắn, 1964); *Hơ Giang* (truyện dài, 1978); *Chuyện trên bờ sông Hing* (truyện dài, 1994); *Y Điềng thơ* (2006). Sưu tầm và dịch các sử thi: *Xinh Nhã, Đăm Di, Khinh Dú, Y Prao* (1961)...

17. VŨ TÚ NAM (1929)

Tên khai sinh là Vũ Tiến Nam. Quê quán: Nam Định. Từng giữ các chức vụ: Thư ký toà soạn báo *Văn học*, Phó Tổng biên tập báo *Văn nghệ*, Giám đốc nhà xuất bản *Tác phẩm mới*, Tổng thư ký Hội Nhà văn Việt Nam (khoá IV), Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam các khoá I, II, III, IV. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2001... **Tác phẩm chính:** *Bên đường 12* (1950); *Sống với thời gian hai chiều* (1983); *Mùa xuân tiếng chim* (1985)...

18. HỒ PHƯƠNG (1930)

Tên khai sinh là Nguyễn Thế Xương. Quê quán: Hà Tây, nay thuộc Hà Nội. Nguyên Phó tổng biên tập tạp chí *Văn nghệ Quân đội*, nguyên Tổng biên tập tạp chí *Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam*, tham gia Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam khoá III. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2001. **Tác phẩm chính:** *Cỏ non* (tập truyện ngắn, 1960); *Cánh đồng phía Tây* (tiểu thuyết, 1994); *Chúng tôi ở Cồn Cỏ* (kỷ sự dài, 1968); *Ngàn dâu* (tiểu thuyết, 2002); *Cha và con* (tiểu thuyết, 2007)...

19. PHAN ANH (1912-1990)

Tên khai sinh là Phan Anh. Quê quán: Hà Tĩnh. Năm 1940, ông cùng Vũ Đình

Hoè, Vũ Văn Hiền thành lập báo *Thanh Nghị* (1941-1945). Sau Cách mạng tháng Tám, ông được mời giữ chức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Ông là người cùng với luật sư Nguyễn Mạnh Tường sáng lập Hội Luật gia Việt Nam.

20. VŨ NĂNG AN (1916-2004)

Tên khai sinh là Vũ Năng An. Quê quán: Nam Định. Từng là Giám đốc Xí nghiệp Phim truyện Việt Nam (sau là Hãng Phim truyện Việt Nam 1973-1979). Huy chương Vì sự nghiệp văn học nghệ thuật, Huy chương Vì sự nghiệp Điện ảnh Việt Nam. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật, lĩnh vực nhiếp ảnh (1996). **Tác phẩm chính:** *Bác Hồ ở Đông Khê, Quảng trường Nhà hát lớn, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà...*

21. ĐÌNH ĐĂNG ĐỊNH (1920-2003)

Tên khai sinh là Đình Đăng Định. Quê quán: Hà Nội. Từng là phóng viên nhiếp ảnh Ủy ban Kháng chiến Hành chính Khu 10, phóng viên nhiếp ảnh Phủ Thủ tướng, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Tổng Thư ký Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam, Tổng biên tập tạp chí *Nhiếp ảnh*. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật, lĩnh vực nhiếp ảnh (2000). **Tác phẩm chính:** *Nông dân Plu-a* (Tây Nguyên), *Đưa tiếng nói của Đảng xuống quần chúng, Công việc hàng ngày, Những tác phẩm về Hồ Chủ tịch...*

22. NGUYỄN PHAN CHÁNH (1892-1984)

Tên khai sinh là Nguyễn Phan Chánh. Quê quán: Hà Tĩnh. Ông là người đầu tiên mang vinh quang về cho tranh lụa Việt Nam. Từng là giảng viên hội hoạ Trường Đại học Mỹ thuật, từng được bầu vào Ban Chấp hành Hội Mỹ thuật

Việt Nam khoá I. Ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 1996. Nguyễn Phan Chánh đã để lại một sự nghiệp đồ sộ với số lượng ước khoảng trên 170 tác phẩm. Ông là người đang giữ kỷ lục về số tác phẩm được trưng bày tại Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam. Tiêu biểu: *Chơi ô ăn quan, Lên đồng, Chiều về tắm cho con...*

23. TÔ NGỌC VÂN (1906-1954)

Quê quán: Hưng Yên. Ông được đánh giá là người có công đầu tiên trong việc sử dụng chất liệu sơn dầu ở Việt Nam. Ông còn được xem là một trong những họa sĩ lớn của hội hoạ Việt Nam, nằm trong "bộ tứ" nhất Trí, nhì Vân, tam Lân, tứ Cẩn (Nguyễn Gia Trí, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Tường Lân, Trần Văn Cẩn). Từ năm 1950 ông phụ trách Trường Mỹ thuật Việt Bắc. Phụ trách Đoàn văn hoá kháng chiến Việt Bắc rồi Xưởng hoạ Việt Bắc. Ủy viên Ban Chấp hành Hội Văn hoá kháng chiến. Trưởng ban Mỹ thuật TƯ. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 1996. **Tác phẩm chính:** *Thiếu nữ bên hoa huệ* (1943), *Hai thiếu nữ và em bé* (1944), *Hồ Chủ tịch làm việc tại Bắc Bộ phủ* (1946), *Hai chiến sĩ* (1949)...

24. DIỆP MINH CHÂU (1919-2002)

Quê quán: Bến Tre. Ông từng giữ chức Chủ tịch danh dự Hội Mỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh, giảng viên Trường Cao đẳng Mỹ thuật Việt Nam, Ủy viên thường vụ Ban Chấp hành Hội Mỹ thuật Việt Nam, Chủ tịch Hội Mỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996). **Tác phẩm tiêu biểu:** *Bác Hồ và ba em thiếu nhi Trung - Nam - Bắc* (tranh lụa vẽ bằng máu, 1947), *Bác Hồ câu cá ở Việt Bắc* (tranh sơn dầu), *Bác Hồ ở Việt Bắc* (tượng đồng - 1990)...

25. XU MAN (1925-2007)

Tên khai sinh là Siu Yong, người dân tộc Bohnar, Hội viên Hội Mỹ thuật Việt Nam. Từng là Phó Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật Gia Lai khoá đầu tiên. Ông đã vẽ trên dưới 100 bức tranh đặc tả hình tượng Bác Hồ.

26. PHAN KẾ AN (1923)

Tên khai sinh là Phan Kế An. Quê quán: Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Ông được coi là người đầu tiên ký hoạ chân dung Hồ Chí Minh. Hoạ sĩ vẽ tranh biếm hoạ nổi tiếng của báo *Sự thật*. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật (2001). **Tác phẩm chính:** *Nhớ một chiều Tây Bắc* (sơn mài, 1952), *Gặt ở Việt Bắc* (sơn mài, 1955), *Bác Hồ làm việc ở lán Nà Lừa* (sơn mài, 1970)...

27. TRẦN VĂN CẦN (1910-1994)

Tên khai sinh là Trần Văn Cần. Quê quán: Bắc Ninh. Ông là một trong bộ tứ danh hoạ hàng đầu của nền mỹ thuật hiện đại Việt Nam: *Nhất Trí, nhì Văn, tam Lân, tứ Cần*. Từng là Hiệu trưởng Trường Đại học Mỹ thuật trong 15 năm (1954-1969), Tổng Thư ký Hội Mỹ thuật Việt Nam (1957-1983), Chủ tịch Hội Nghệ sĩ tạo hình Việt Nam khoá II (1983-1987). Từng là Phó Chủ tịch Ủy ban TƯ Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996). **Tác phẩm chính:** *Em Thúy* (sơn dầu, 1943), *Gội đầu* (khắc gỗ, 1943), *Mùa xuân sắp đến* (sơn mài, 1962), *Tát nước đồng chiêm* (sơn mài, 1958), vẽ mẫu Quốc huy 1955...

28. NGUYỄN VĂN NINH (1908-1975)

Quê quán: Lạng Sơn. Năm 1932, ông vào Huế và trở thành kiến trúc sư cung đình. Ông đã thiết kế, tu bổ và xây dựng

nội ngoại thất các công trình trong thành nội. Khi kháng chiến thành công, Nguyễn Văn Ninh được giao nhiệm vụ thiết kế lễ đài Ba Đình để đón Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng, Chính phủ về Thủ đô. Năm 1957, ông được Bác Hồ trực tiếp giao thiết kế ngôi nhà sàn của Bác.

29. NGUYỄN THỊ KIM (1917-2009)

Tên khai sinh là Nguyễn Thị Kim. Quê quán: Hà Nội. Từng là giảng viên Trường Mỹ thuật Việt Nam, thành viên Ban Chấp hành Hội Mỹ thuật Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Văn nghệ Hà Nội, thành viên Ủy ban Hoà bình Thành phố Hà Nội. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật, chuyên ngành mỹ thuật (2000)... **Tác phẩm chính:** *Chân dung Hồ Chủ tịch* (tượng đồng, 1946), *Hạnh phúc* (phù điêu, 1950), *Nữ du kích* (tượng gỗ, 1962)...

30. NGUYỄN VĂN THÔNG

Đạo diễn điện ảnh, Nghệ sĩ Nhân dân. Ông là tác giả kịch bản và đạo diễn phim *Con chim vành khuyên* (1962)...

31. PHẠM VĂN KHOA (1913-1992)

Tên khai sinh là Phạm Văn Khoa. Quê quán: Hải Phòng. Ông là đạo diễn lão thành của điện ảnh cách mạng, từng là Giám đốc đầu tiên của Doanh nghiệp Quốc gia Chiếu bóng và Chụp ảnh (1953), Giám đốc Hãng Phim truyện Việt Nam. Ông được trao tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân (1984) và Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật (2007). **Tác phẩm chính:** Phim tài liệu *Việt Nam trên đường thắng lợi* thực hiện năm 1956 cùng với đạo diễn điện ảnh Xô-viết Rôman Cácmen. Bộ phim *Chị Dậu* từng được Huy chương Vàng tại Liên hoan phim Nantes Pháp, phim *Làng Vũ Đại ngày ấy* được gửi đi dự Liên hoan phim quốc tế ở Hawaii (Mỹ)...

32. NGUYỄN THẾ ĐOÀN (1911-2009)

Tên khai sinh là Nguyễn Văn Nghiệp. Quê quán: An Giang. Ông là một trong những nhà quay phim đầu tiên trên chiến trường Nam Bộ từ năm 1947. Năm 2009, nghệ sĩ Nguyễn Thế Đoàn đã được Nhà nước trao Huân chương Độc lập hạng Nhì. Những đoạn phim quý của Nguyễn Thế Đoàn được sử dụng trong phim về Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh và nhiều phim trong nước và ngoài nước.

33. TRÀ GIANG (1941)

Tên khai sinh là Nguyễn Trà Giang. Quê quán: Quảng Ngãi. Trong sự nghiệp điện ảnh của mình bà đã được nhiều giải thưởng lớn như: Giải Bông sen vàng, giải Nữ diễn viên xuất sắc nhất tại LHP Việt Nam lần thứ IV, Huy chương Bạc LHP Quốc tế Matxcova... Năm 1984 bà được tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân. **Các phim đã tham gia:** *Một ngày đầu thu, Huyền thoại về người mẹ, Vĩ tuyến 17 ngày và đêm, Chị Tư Hậu...*

34. ĐỨC LƯU

Diễn viên nhà hát Kịch Hà Nội. Quê quán: Hà Nội. **Các phim đã tham gia:** *Những cô gái nông trường, Đêm tháng 7, Con tôi cả, Người giám khảo cuối cùng, Ngôi sao ban ngày...* Vai Thị Nở trong phim *Làng Vũ Đại ngày ấy* là vai diễn nổi tiếng nhất của bà.

35. MA CƯỜNG

Quê quán: Thái Nguyên. Nhà quay phim, người dân tộc Tày. Từng công tác tại Xưởng phim thời sự, phóng sự nay là Hãng phim Tài liệu - Khoa học Trung ương. Được nhận giải thưởng tại LHP quốc tế Lai-xích, Cộng hoà Dân chủ Đức với bộ phim tài liệu *Lũy thép Vĩnh Linh*. Ông được giao trọng trách đi theo các bậc tiền bối Phạm Trọng Quý, Tô Phương để quay hình ảnh của Bác đón các đoàn khách nước ngoài tới Việt

Nam cũng như ghi lại hình ảnh về chuyến viếng thăm của Người tới các quốc gia khác.

36. NÔNG ÍCH ĐẠT

Đạo diễn điện ảnh. **Các tác phẩm chính:** *Cô giáo vùng cao, Bàn đề án bị bỏ quên, Kim Đồng...*

37. CHU THUÝ QUỲNH (1941)

Chu Thuý Quỳnh là diễn viên, biên đạo múa và đạo diễn chương trình, hiện đang là Chủ tịch Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam, nguyên Giám đốc Nhà hát ca múa nhạc Việt Nam. Bà còn là nhà nghiên cứu phê bình múa, tác giả của nhiều giáo trình múa và các công trình nghiên cứu. Bà được trao tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân (1988) và Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật (2000). **Tác phẩm chính:** *Hoa Tràng An, Vũ khúc đàn Trưng, Hương xuân, Hương quê, Cánh chim không mỏi, Trống hội, Những cô gái Việt Nam...*

38. SIU PHÍCH

Diễn viên múa và ca sĩ người Bohnar. Từng là thành viên Đoàn Ca múa Quân giải phóng miền Nam - Đoàn nghệ thuật được thành lập theo chỉ thị của Bác.

39. TÂM CHÍNHH

Tên khai sinh Nguyễn Thị Tâm Chính. Quê quán: Thanh Hoá. Từng là Chủ tịch Liên chi hội xiếc Việt Nam. Bà đã nhiều lần biểu diễn cho Bác Hồ xem mỗi khi Bác tiếp khách quốc tế. Năm 1997, bà được trao tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân. **Tiết mục tiêu biểu:** *Cô hàng giải khát, Thang đưa...*

40. ĐÌNH NGỌC LIÊN (1912-1991)

Đình Ngọc Liên là nhạc sĩ chỉ huy dàn nhạc kèn của Quân nhạc Việt Nam. Quê quán: Nam Định. Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, ông cùng 72 nhạc

công của đội đi theo Việt Minh, trở thành *Ban âm nhạc Giải phóng quân*. Trong ngày Quốc khánh 2 tháng 9 năm 1945, đoàn nhạc kèn do ông chỉ huy đã cử hành *Tiến quân ca* (Văn Cao) trong buổi lễ chào cờ tại Quảng trường Ba Đình. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp, dàn nhạc trở thành một Tiểu đoàn quân nhạc dưới sự chỉ huy của ông, từng biểu diễn trong ngày đón Trung ương Đảng và Chính phủ cùng Hồ Chủ tịch về Thủ đô (11-1955). Trong suốt những năm kháng chiến chống Pháp, ông đã phối khí, chuyên soạn nhiều ca khúc cách mạng, đánh dấu bước đi đầu tiên của khí nhạc Việt Nam sau này. Ông là một trong những người có công xây dựng Đoàn quân nhạc Việt Nam trở thành chính quy. Sau này, ông giữ chức Đoàn trưởng Đoàn Quân nhạc Việt Nam và được phong quân hàm Đại tá. Năm 1988, ông được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân. **Tác phẩm hoà tấu:** *Tiến quân ca* (Văn Cao), *Vũ khúc tung bồng* (Lương Ngọc Trác), *Diệt phát xít* (Nguyễn Đình Thi)... **Tác phẩm sáng tác:** *Xuân chiến thắng*, *Hải cảng về ta*, *Chúng ta có Bác Hồ*, *Vọng gác tiền tiêu*...

41. TRẦN VƯỢNG (1925)

Nhà viết kịch tên khai sinh là Trần Vượng. Quê quán: Hà Tây, nay thuộc Hà Nội. Giải của Ủy ban Quốc gia Dân số và Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam (hài kịch tư liệu *Hết mình cho người khác* - năm 1983). **Tác phẩm chính:** *Thói cũ* (1962); *Bức tranh mùa gặt* (1966); *Campuchia máu và nước mắt* (1979)...

42. TƯỜNG VI (1938)

Tên khai sinh là Trương Tường Vi. Quê quán: Quảng Nam. Hiện bà là Giám đốc của ba Trung tâm nghệ thuật tinh thương tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Bà cũng là một trong số ít ca sĩ được nhiều lần biểu diễn trước Chủ tịch Hồ Chí Minh, được trao tặng

danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân vào năm 1993. Bà thể hiện thành công nhiều ca khúc cách mạng như *Cô gái vót chông*, *Tiếng đàn Ta Lư*, *Bóng cây Kơ-nia*...

43. ÁI LIÊN (1918-1991)

Tên khai sinh là Lê Thị Liên. Quê quán: Hải Phòng. Bà là ca sĩ, diễn viên, nghệ sĩ cải lương tài danh trong thập niên 1930-1940. Sau này, bà còn là một diễn viên nòng cốt của nghệ thuật cải lương cách mạng miền Bắc. Ái Liên được truy tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân vào năm 1997. Ngoài ra Ái Liên còn thể hiện thành công nhiều ca khúc như *Un Bateau*, *Santa Lucia*, *Guitare d'Amour*, *Une Chanson Pour Nina*...

44. KIM NHỚ (1940-2003)

Tên khai sinh là Đinh Kim Nhớ, người dân tộc Hrê. Quê quán: Quảng Ngãi. Kim Nhớ tốt nghiệp Nhạc viện Quốc gia Việt Nam. Những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Kim Nhớ đã mang giọng ca tràn đầy cảm xúc của mình phục vụ chiến sĩ và đồng bào trong vai trò một nghệ sĩ - chiến sĩ. Kim Nhớ là một trong số rất ít các ca sĩ được vào Phủ Chủ tịch biểu diễn phục vụ Bác Hồ và được Người nhiều lần khen ngợi. Bà cũng là người dân tộc Hrê đầu tiên được phong danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú (1988), là một trong những nữ ca sĩ hàng đầu của nền âm nhạc cách mạng Việt Nam vào những năm 60 thế kỷ XX.

45. ĐÌNH THÌN

Nghệ sĩ sáo danh tiếng, người đã đem tiếng sáo Việt Nam đi biểu diễn khắp 30 nước trên thế giới, ở đâu cũng được hoan nghênh nhiệt liệt. Gia đình ông có ba đời làm nghệ thuật và ông gắn bó suốt đời với cây sáo trúc. Ông đã được trao tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú.

MỤC LỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN	5
LỜI TỰA CỦA NHÀ THƠ HỮU THÌNH	7
1. Được gặp Bác Hồ trong những ngày độc lập đầu tiên <i>Tố Hữu</i> (Trích hồi ký, Báo Văn nghệ, số 36 ngày 2-9-2000)	11
2. Yêu Bác lòng ta trong sáng hơn <i>Tố Hữu</i> (Báo Văn nghệ, số 1583-1584 ngày 19-5-1990)	19
3. Lần đầu được gặp Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp <i>Nguyễn Đình Thi</i> (Tập chí Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam, số 8-2007)	27
4. Bác Hồ với văn nghệ sĩ miền Nam <i>Bảo Định Giang</i> (Trích hồi ký “Cuộc sống tinh thần - nhớ lại”, Báo Văn nghệ, số 20 ngày 15-5-1993)	45
5. Phút thiêng bên Bác <i>Phan Tứ</i> (Báo Văn nghệ, số 35+36 ngày 30-8 – 6-9-2003)	52
6. Một Tết kháng chiến ở Việt Bắc <i>Cù Huy Cận</i> (Tập chí Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam, số 1-2001)	64
7. Bác Hồ của chúng ta <i>Xuân Diệu</i> (Trích bút ký “Bác Hồ của chúng ta”, Báo Văn nghệ, số 309 ngày 12-9-1969)	66
8. Tháng năm kỳ lạ <i>Hoàng Văn Bôn</i> (Theo dost – dongnai.gov.vn)	69
HỒ CHÍ MINH VỚI VĂN NGHỆ SĨ – VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH	389

9. Điều làm tôi ngạc nhiên nhất là lần đầu tiên tôi được gặp Bác, Bác không làm tôi ngạc nhiên tí nào

Nguyễn Công Hoan
(Trích “Bác Hồ với văn nghệ sĩ” - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995)

77

10. Hồ Chủ tịch với văn nghệ

Hoàng Ngọc Phách
(Trích “Bác Hồ với văn nghệ sĩ” - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995)

88

11. Tôi được diễn chèo cho Bác Hồ xem

Thế Lữ
(Trích “Bác Hồ với văn nghệ sĩ” - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995)

90

12. Hai lần gặp Bác Hồ

Tú Mỡ
(Trích “Bác Hồ với văn nghệ sĩ” - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995)

94

13. Hồ Chủ tịch nói chuyện về cách viết

Nguyễn Huy Tưởng
(Trích “Bác Hồ với văn nghệ sĩ” - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995)

102

14. Lần đầu được Bác đọc thơ

Anh Thơ
(Trích hồi ký “Từ bến sông Thương” tập II, Báo Văn nghệ, số 1583-1584 ngày 19-5-1990)

107

15. Một số mẩu chuyện về Bác Hồ ở Việt Bắc

Nông Quốc Chấn
(Báo Văn nghệ, số 351 ngày 3-7-1970)

110

16. Nhật ký Chiêm Hoá

Tô Hoài
(Trích “Bác Hồ với văn nghệ sĩ” - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995)

116

17. Nhớ chuyến tháp tùng cụ Y Bi-a-lê-ô gặp Bác Hồ

Y Diêng

118

18. Những ngày sống đẹp

Vũ Tú Nam
(Trích nhật ký, trích "Bác Hồ với văn nghệ sĩ" -
Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995) 123

19. Ba lần được gặp Bác

Hồ Phương 132

20. Hồ Chủ tịch với sinh hoạt lấy Kiều ở chiến khu Việt Bắc

Phan Anh
(Báo Văn nghệ, số 20 (1280) ngày 14-5-1988) 138

21. Bức chân dung đầu tiên của vị Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

Dương Tuấn Hoa
(Tập chí Diễn đàn văn nghệ Việt Nam, số 9-1998) 143

22. Chụp ảnh Bác Hồ

Vũ Năng An
(Tập chí Nhiếp ảnh, số 1+2 năm 1990) 150

23. Hình ảnh Bác - hình ảnh dân tộc

Đinh Đăng Định
(Trích "Bác Hồ với văn nghệ sĩ" - Lữ Huy Nguyên,
Nxb. Văn học, 1995) 159

24. Bác Hồ dạy tôi chụp ảnh

Kim Côn
(Tập chí Nhiếp ảnh, số 208 tháng 6-2005) 173

25. Nhớ mãi lần gặp Bác cách đây nửa thế kỷ

Trần Đương
(Báo Văn nghệ, số 35+36, ngày 27-8-2005) 179

26. Giây phút chụp ảnh Bác Hồ với đại biểu miền Nam

Ngọc Khanh
(Tập chí Nhiếp ảnh, số 17 tháng 9-1972) 185

27. Bác Hồ với hoạ sĩ Nguyễn Phan Chánh

Nguyệt Tú - Nguyễn Phan Cảnh
(Theo "Mỹ thuật với Bác Hồ" - Nxb. Mỹ thuật, 2002) 188

28. Ba lần vẽ Bác Hồ

Tô Ngọc Thành
 (Theo “**Mỹ thuật với Bác Hồ**” - Nxb. Mỹ thuật, 2002) 193
29. Tôi vẽ Bác Hồ

Diệp Minh Châu
 (Trích “**Bác Hồ với văn nghệ sĩ**” - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995) 198
30. Người hoạ sĩ một đời vẽ Bác Hồ

Văn Công Hùng 218
31. Được vẽ và nặn tượng Bác

Trần Văn Cẩn
 (Theo “**Mỹ thuật với Bác Hồ**” - Nxb. Mỹ thuật, 2002) 225
32. Người đầu tiên nặn tượng Bác

Cam Ly
 (Báo Văn nghệ, số 35 + 36 ngày 30-8 và 6-9-2003) 228
33. Vẽ chân dung Bác Hồ ở chiến khu Việt Bắc

Phan Kế An
 (Báo Văn nghệ, số 33, ngày 15-8-2009) 234
34. Tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh

Yanich Vũ
 (Theo “**Mỹ thuật với Bác Hồ**” - Nxb. Mỹ thuật, 2002) 239
35. Những điều ít biết về người thiết kế nhà sàn Bác Hồ

Nguyễn Duy Chiến
 (Theo **Tiền Phong**, 2005) 242
36. Tắm huy hiệu Bác Hồ

Nguyễn Văn Thông
 (Báo Văn nghệ, số 20 ngày 17-5-2003) 245
37. Những lời Bác dạy

Phạm Văn Khoa
 (Trích “**Bác Hồ với văn nghệ sĩ**” - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995) 248
38. Tác giả những thước phim vô giá về Bác Hồ ở chiến khu Việt Bắc

Trần Hiếu
 (Tienphongonline, 9-2007) 252

39. Bác làm văn nghệ
Trà Giang
(*Báo Văn nghệ*, số 313 ngày 10-10-1969) 257
40. Bác Hồ đến thăm trường điện ảnh
Nguyễn Ngọc Trung
(*Báo Văn nghệ*, số 579 ngày 6-12-1974) 267
41. Bác Hồ đóng phim
Đức Lưu
(*Trích “Chuyện kể Bác Hồ”, tập 3 - Nxb. Giáo dục, 2009*) 270
42. Đi quay bộ phim “*Bác Hồ của chúng em*”
Ma Cường
(*Báo Văn nghệ*, số 346 ngày 29-5-1970) 273
43. Bác xem phim “*Kim Đồng*”
Nông Ích Đạt
(*Trích “Bác Hồ với văn nghệ sĩ” - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995*) 277
44. Bác Hồ với nghệ thuật tuồng
Nguyễn Văn Chương
(*Tạp chí Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam*, số 5-2007) 283
45. Bác Hồ muôn vàn kính yêu với những kỷ niệm mãi mãi trong tôi
Chu Thuý Quỳnh 289
46. Siu Phích và những kỷ niệm về Bác Hồ
Trương Lệ Hằng 298
47. Bác Hồ với nghệ thuật xiếc
Lê Anh
(*Tạp chí Sân khấu*, số 5-2005) 303
48. Biểu diễn xiếc cho Bác xem
Duy Nam
(*Tạp chí Sân khấu*, số 5-2006) 312
49. Vào đời
Đinh Ngọc Liên
(*Trích hồi ký, Tạp chí Âm nhạc*, số 4-1986) 314

50. Bác với người nghệ sĩ	Trần Vượng	323
	(<i>Tạp chí Sân khấu</i> , số 3 (24) tháng 5 và 6-1980)	
51. Những kỷ niệm không thể nào quên	Tường Vi	333
	(<i>Tạp chí Âm nhạc và Thời đại</i> , số 2 (11) tháng 6-1980)	
52. Nhớ Bác	Ái Liên	337
	(Trích “ Bác Hồ với văn nghệ sĩ ” - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995)	
53. Như có viên ngọc ước	Kim Nhớ	348
	(Trích “ Bác Hồ với văn nghệ sĩ ” - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995)	
54. Bác dạy chúng tôi cất cao tiếng hát	Minh Huệ	358
	(Trích “ Bác Hồ với văn nghệ sĩ ” - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995)	
55. Bác Hồ với các mầm non nghệ thuật	T.N.A	363
	(<i>Tạp chí Âm nhạc</i> , số 5-1996)	
56. Một làn điệu dân ca qua tiếng sáo Bác Hồ	Đinh Thìn	369
	(Trích “ Bác Hồ với văn nghệ sĩ ” - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995)	
57. Tiếng hát dân gian	Lê Thuận	375
	(<i>Tạp chí Văn nghệ Quân đội</i> , số 5 tháng 5-1961)	
CHÚ THÍCH VỀ TÁC GIẢ		381
MỤC LỤC		389

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
65 Nguyễn Du - Hà Nội * Tel & Fax: 38222135
E-mail: nxbhoinhavan@hn.vnn.vn

Hồ Chí Minh

VỚI VĂN NGHỆ SĨ
VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH

Tập 1

HỒ CHÍ MINH TRONG TRÁI TIM VĂN NGHỆ SĨ VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TRUNG TRUNG ĐÌNH

Chịu trách nhiệm bản thảo:
TRẦN QUANG QUÝ

Biên tập:
NGUYỄN ÁNH NGÂN
NGUYỄN MINH PHƯỚC

Bìa:
VĂN SÁNG

Trình bày và sửa bản in:
QUANG HOÀI

In 8.000 cuốn, khổ 16 x 24cm, tại Công ty TNHH Viet Solar.
Giấy ĐKKHXB số: 368-2010/CXB/19-30/HNV.
In xong và nộp lưu chiểu: Tháng 5 năm 2010.